

Phụ lục 9

CẬP NHẬT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025
NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC DI TÍCH

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư					KHV NSTP hỗ trợ năm 2025						Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Trượt; Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Trượt; Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt								
			Số, ngày QĐ	TMBT	Trượt: XL + TB	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
	TỔNG CỘNG		12.302.520	9.977.809	482	8.425.286	5.776.326	2.424.813	222	2.390.513	2	34.300	-229.290	17	56.920	56	-286.210	42	-85.710	14	-200.500	467	8.195.996	436				
	Sơn Tây		962.217	684.153	19	399.600	215.935	137.665	5	137.665			-46.000	1	15.115	6	-61.115	3	-15.115	3	-46.000	15	353.600	12				
	Ba Vì		1.490.308	1.260.944	48	1.049.600	834.000	144.600	17	144.600			-71.000	1	9.900	9	-80.900	6	-9.900	3	-71.000	45	978.600	40				
	Chương Mỹ		735.006	591.145	28	555.600	266.780	270.680	14	270.680			-18.140			10	-18.140	10	-18.140			28	537.460	26				
	Đan Phượng		191.186	160.655	11	149.766	105.700	44.066	5	44.066											11	149.766	11					
	Đông Anh		635.267	510.694	17	462.500	306.500	156.000	14	156.000											17	462.500	15					
	Gia Lâm		267.042	221.071	6	112.500	34.000	74.600	5	74.600			-3.900			2	-3.900	2	-3.900			6	108.600	5				
	Hoài Đức		989.622	801.057	57	657.500	525.300	127.200	16	127.200			-5.000	1	5.300	4	-10.300	3	-5.300	1	-5.000	56	652.500	55				
	Mê Linh		859.123	710.003	24	625.908	428.708	197.200	13	197.200				1	2.000	1	-2.000	1	-2.000			24	625.908	24				
	Mỹ Đức		777.631	626.300	32	597.750	278.900	270.350	24	270.350			-48.500	1	7.400	7	-55.900	4	-7.400	3	-48.500	29	549.250	25				
	Phù Xuyên		691.217	555.016	36	529.765	386.665	131.050	16	131.050			-13.000	1	1.100	2	-14.100	1	-1.100	1	-13.000	35	516.765	34				
	Phúc Thọ		923.975	771.736	44	752.490	525.810	224.700	22	224.700			-1.980	2	6.000	3	-7.980	3	-7.980			44	750.510	44				
	Quốc Oai		425.397	341.342	19	300.650	146.400	154.250	12	154.250				2	2.300	2	-2.300	2	-2.300			19	300.650	19				
	Sóc Sơn		351.022	291.168	15	285.400	213.800	68.700	10	68.700			-2.900	2	900	4	-3.800	4	-3.800			15	282.500	15				
	Thạch Thất		497.191	402.658	19	390.422	301.500	88.922	13	88.922				4	5.100	2	-5.100	2	-5.100			19	390.422	19				
	Thanh Oai		783.152	655.919	32	566.080	394.880	171.200	11	136.900	2	34.300										32	566.080	31				
	Thanh Trì		499.591	397.397	25	138.280	102.580	18.700	4	18.700			-17.000			3	-17.000			3	-17.000	22	121.280	17				
	Thường Tín		342.963	264.172	12	183.100	139.400	43.700	3	43.700											12	183.100	12					
	Ứng Hòa		880.610	732.379	38	668.375	569.468	101.230	18	101.230			-1.870	1	1.805	1	-3.675	1	-3.675			38	666.505	32				
*	SƠN TÂY		962.217	684.153	19	399.600	215.935	137.665	5	137.665			-46.000	1	15.115	6	-61.115	3	-15.115	3	-46.000	15	353.600	12				
	- Dự án đã quyết toán		207.984	171.643	10	167.700	165.935						-1.765			2	-1.765	2	-1.765			10	165.935	10				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đoài Giáp xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	2021-2022	559/QĐ-UBND ngày 01/06/2020	29.405	26.574	1	26.500	26.500														1	26.500	1	UBND thị xã Sơn Tây			
2	Tu bổ tôn tạo đình Lễ Khê	2021-2023	1019/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	22.918	18.250	1	16.000	16.000														1	16.000	1	UBND thị xã Sơn Tây			
3	Tu bổ, tôn tạo Đình Sơn Trung	2023-2025	1194/QĐ-UBND 04/11/2022	19.339	16.402	1	16.100	14.655						-1.445			1	-1.445	1	-1.445			1	14.655	1	UBND thị xã Sơn Tây		
4	Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Thánh Cổ	2021-2023	356/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	14.992	12.745	1	12.500	12.500														1	12.500	1	UBND thị xã Sơn Tây			
5	Tu bổ, tôn tạo đình, đền Phú Nhi	2022-2025	1352/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	49.398	40.118	1	40.000	40.000														1	40.000	1	UBND thị xã Sơn Tây			
6	Tu bổ, tôn tạo Đình Phụ Khang	2023-2025	1140/QĐ-UBND 27/10/2022	18.703	14.816	1	14.800	14.800														1	14.800	1	UBND thị xã Sơn Tây			
7	Tu bổ, tôn tạo Đình Yên Thịnh	2023-2025	1003/QĐ-UBND 03/10/2022	12.665	9.698	1	9.600	9.600														1	9.600	1	UBND thị xã Sơn Tây			
8	Tu bổ, tôn tạo Đình Tiên túc	2023-2025	1012/QĐ-UBND 04/10/2022	13.632	10.691	1	10.000	10.000														1	10.000	1	UBND thị xã Sơn Tây			
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ngọc Kiên, xã Cổ Đông	2023-2025	1137/QĐ-UBND 27/10/2022	15.929	13.164	1	13.100	12.780						-320			1	-320	1	-320			1	12.780	1	UBND thị xã Sơn Tây		
10	Tu bổ, tôn tạo Đình Thiên Mã	2023-2025	1139/QĐ-UBND 27/10/2022	11.003	9.185	1	9.100	9.100														1	9.100	1	UBND thị xã Sơn Tây			

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo đổi: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo đổi: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo đổi: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			654.264	430.258	6	185.900	50.000	137.665	5	137.665			1.765	1	15.115	1	-13.350	1	-13.350			5	187.665	2			
	+ Dự án đang triển khai			654.264	430.258	6	185.900	50.000	137.665	5	137.665			1.765	1	15.115	1	-13.350	1	-13.350			5	187.665	2			
1	Tu bổ, tôn tạo Đình Hồng Hậu	2023-2025	880/QĐ-UBND 31/8/2022	19.214	15.489	1	13.350							-13.350			1	-13.350	1	-13.350						UBND thị xã Sơn Tây	Giảm danh mục KH 2021-2025 do vướng mắc nguồn gốc đất xi nghiệp gồm sử, chuyển thực hiện GP 2026-2030	
2	Tu bổ, tôn tạo đền Mãng Sơn	2024-2026	567/QĐ-UBND 12/6/2023	15.768	12.495	1	12.450	10.000	2.450	1	2.450											1	12.450	1	UBND thị xã Sơn Tây			
3	Tu bổ, tôn tạo đền Vua Lê	2024-2026	1136/QĐ-UBND 26/10/2022	32.068	25.750	1	25.700	15.000	10.700	1	10.700											1	25.700	1	UBND thị xã Sơn Tây			
4	Bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị di tích lịch sử Thành cổ Sơn Tây (Hạng mục: Khu tổng đốc phủ, nhà bình và sân vườn, công thành phía Đông, xây mới cầu công Tây) (Giai đoạn 1) (Ngân sách huyện bố trí phần còn lại)	2024-2027	1453/QĐ-UBND 02/8/2024	218.704	182.378	1	72.500	25.000	47.500	1	47.500											1	72.500		UBND thị xã Sơn Tây			
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng Đền Và (giai đoạn 1)	2024-2027	11/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 1779/QĐ-UBND 30/10/2024	213.696	118.663	1	50.000		50.000	1	50.000											1	50.000		UBND thị xã Sơn Tây			
6	Mở rộng khuôn viên đền thờ Lãng Ngõ Quyền	2024-2027	26/NQ-HĐND 14/12/2023; 1827/QĐ-UBND 08/11/2024	154.814	75.483	1	11.900		27.015	1	27.015			15.115	1	15.115						1	27.015		UBND thị xã Sơn Tây			
	- Dự án chưa bố trí vốn			99.969	82.252	3	46.000							-46.000			3	-46.000			3	-46.000						
	+ Dự án thực hiện 2 GD: 2021-2025 và sau năm 2025 chưa bố trí vốn			99.969	82.252	3	46.000							-46.000			3	-46.000			3	-46.000						
1	Tu bổ, tôn tạo Đền Mẫu Tiên Kiều	2022-2025	08/NQ-HĐND ngày 21/7/2022	33.969	27.552	1	11.300							-11.300			1	-11.300			1	-11.300			UBND thị xã Sơn Tây	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030		
2	Tu bổ tôn tạo 30 ngôi nhà cổ	2024-2026	26/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	26.000	20.700	1	17.000							-17.000			1	-17.000			1	-17.000			UBND thị xã Sơn Tây	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030		
3	Tu bổ, tôn tạo đình Phù Sa	2022-2025	08/NQ-HĐND ngày 21/7/2022	40.000	34.000	1	17.700							-17.700			1	-17.700			1	-17.700			UBND thị xã Sơn Tây	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030		
	+ Dự án sau năm 2025																											
1	Xây dựng điểm trưng bày các giá trị văn hóa Làng cổ ở Đường Lãm	2022-2025		15.000	12.750																				UBND thị xã Sơn Tây			
*	BA VÌ			1.490.308	1.260.944	48	1.049.600	834.000	144.600	17	144.600			-71.000	1	9.900	9	-80.900	6	-9.900	3	-71.000	45	978.600	40			
	- Dự án đã quyết toán			20.000	17.345	1	17.300	17.300														1	17.300	1				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, chùa Duyên Lãm	2022-2024	1189/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	20.000	17.345	1	17.300	17.300														1	17.300	1	UBND huyện Ba Vì			

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	Kl 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ-HBND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: NL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			1.300.308	1.099.099	44	961.300	816.700	144.600	17	144.600					1	9.900	6	-9.900	6	-9.900			44	961.300	39		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			766.487	647.128	24	599.200	589.300						-9.900			6	-9.900	6	-9.900			24	589.300	24			
1	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử Đình Viên Châu, xã Cổ Đô	2021-2024	6484/QĐ-UBND 30/10/2020; 8192/QĐ-UBND 14/9/2022; 8987/QĐ-UBND 30/12/2023	39.026	34.593	1	34.500	34.500															1	34.500	1	UBND huyện Ba Vì		
2	Bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị di tích đền Hạ, xã Minh Quang	2021-2024	2618/QĐ-UBND 29/9/2019; 10369/QĐ-UBND 01/12/2022; 8988/QĐ-UBND 30/12/2023	44.889	40.296	1	34.300	34.300															1	34.300	1	UBND huyện Ba Vì		
3	Tu bổ tôn tạo di tích đình thôn Cộng Hòa, xã Thái Hòa	2021-2024	3061/QĐ-UBND 02/6/2021; 7692/QĐ-UBND 02/11/2021	45.000	36.561	1	36.500	36.500															1	36.500	1	UBND huyện Ba Vì		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, miếu Văn chỉ Cao Cương, xã Đông Quang	2020-2023	3185/QĐ-UBND 25/10/2019; 12640/QĐ-UBND 31/12/2022	44.998	38.248	1	18.000	18.000															1	18.000	1	UBND huyện Ba Vì		
5	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Đình Vĩnh Phệ	2016-2017	1841/QĐ-UBND 19/10/2016	14.264	12.124	1	12.000	12.000															1	12.000	1	UBND huyện Ba Vì		
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Tăng Cầu, xã Đồng Thái	2022-2024	1115/QĐ-UBND 07/3/2022	12.000	10.212	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Ba Vì		
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đông Lâu, xã Phú Đông	2022-2024	1121/QĐ-UBND 07/3/2022; 1998/QĐ-UBND 12/5/2023	15.000	13.347	1	13.300	13.300															1	13.300	1	UBND huyện Ba Vì		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Thịnh Thôn, xã Cam Thượng	2022-2025	1122/QĐ-UBND 07/3/2022	9.996	8.646	1	8.000	8.000															1	8.000	1	UBND huyện Ba Vì		
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thuận An, xã Thái Hòa	2022-2024	1160/QĐ-UBND 11/3/2022	40.000	32.813	1	32.500	28.500						-4.000			1	-4.000	1	-4.000			1	28.500	1	UBND huyện Ba Vì		
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đoài, xã Tiên Phong	2022-2024	1114/QĐ-UBND 07/3/2022	15.000	11.901	1	11.900	10.200						-1.700			1	-1.700	1	-1.700			1	10.200	1	UBND huyện Ba Vì		
11	Tu bổ tôn tạo di tích chùa thôn Đông, thị trấn Tây Đằng	2022-2024	5341/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	40.000	32.539	1	32.000	30.000						-2.000			1	-2.000	1	-2.000			1	30.000	1	UBND huyện Ba Vì		
12	Tu bổ tôn tạo Đình Quỳnh Lâm thôn Quỳnh Cao	2023-2025	9900/QĐ-UBND 15/11/2022; 264/QĐ-UBND 31/5/2023	30.000	26.476	1	26.400	26.000						-400			1	-400	1	-400			1	26.000	1	UBND huyện Ba Vì		
13	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đình Xóm Thượng xã Minh Châu	2022-2024	3060/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	15.000	12.718	1	12.700	12.700															1	12.700	1	UBND huyện Ba Vì		
14	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vật Yên	2023-2025	9695/QĐ-UBND 08/11/2022	30.000	25.352	1	25.000	24.500						-500			1	-500	1	-500			1	24.500	1	UBND huyện Ba Vì		
15	Tu bổ tôn tạo di tích đình La Xuyên, xã Vạn Thắng	2022-2024	5435/QĐ-UBND ngày 06/6/2022	34.459	27.882	1	26.000	26.000															1	26.000	1	UBND huyện Ba Vì		
16	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Thái Bạt xã Tòng Bạt	2022-2024	2137/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	43.000	35.072	1	35.000	35.000															1	35.000	1	UBND huyện Ba Vì		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Trước: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Trước: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Trước: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, chùa Liễu Châu, thị trấn Tây Đằng	2021-2024	7971/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	40.000	32.418	1	32.000	32.000															1	32.000	1	UBND huyện Ba Vì		
18	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cam Đà	2022-2025	1162/QĐ-UBND 11/3/2022	45.000	38.185	1	28.000	26.700						-1.300			1	-1.300	1	-1.300				1	26.700	1	UBND huyện Ba Vì	
19	Tu bổ, tôn tạo đình, miếu thôn Kiêu Mọc	2022-2025	1305/QĐ-UBND 18/3/2022	45.000	38.442	1	38.000	38.000																1	38.000	1	UBND huyện Ba Vì	
20	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Châu	2022-2023	1304/QĐ-UBND 18/3/2022; 9140/QĐ-UBND 24/10/2022	42.000	36.057	1	30.000	30.000																1	30.000	1	UBND huyện Ba Vì	
21	Tu bổ, tôn tạo đình Ngọc Nhị xã Cẩm Lĩnh	2022-2024	1120/QĐ-UBND 07/3/2022; 7858/QĐ-UBND 31/8/2022	40.000	35.306	1	35.300	35.300																1	35.300	1	UBND huyện Ba Vì	
22	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Trí Phú Sơn Đà	2022-2024	8106/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	33.113	26.740	1	26.700	26.700																1	26.700	1	UBND huyện Ba Vì	
23	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Cẩm An xã Cẩm Lĩnh	2022-2024	7857/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; 7676/QĐ-UBND 23/8/2022	23.742	19.079	1	19.000	19.000																1	19.000	1	UBND huyện Ba Vì	
24	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Khánh Chúc Đồi	2022-2025	8137/QĐ-UBND 12/9/2022	25.000	22.120	1	22.100	22.100																1	22.100	1	UBND huyện Ba Vì	
	+ Dự án đang triển khai			533.821	451.971	20	362.100	227.400	144.600	17	144.600			9.900	1	9.900							20	372.000	15			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Chu Quyển, Chu Minh (chùa Hoa Nghiêm)	2023-2025	9902/QĐ-UBND 15/11/2022; 2397/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	45.000	37.294	1	36.700	36.700																1	36.700	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Lác, xã Đồng Thái	2022-2024	9693/QĐ-UBND 08/11/2022	15.000	12.974	1	12.700	12.700																1	12.700	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị di tích đền Hạ (giai đoạn 2)	2022-2024	7272/QĐ-UBND 20/11/2023	15.000	11.600	1	10.000	10.000																1	10.000	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phương Khê, xã Phú Phương	2022-2025	1100/QĐ-UBND 04/3/2022; 6326/QĐ-UBND 19/11/2024	25.000	21.550	1	21.500	19.000	2.500	1	2.500													1	21.500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Bồng Tà, xã Cẩm Lĩnh	2023-2025	9696/QĐ-UBND 08/11/2022	25.000	21.653	1	21.600	8.500	13.100	1	13.100													1	21.600	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phong Châu	2023-2025	9694/QĐ-UBND 08/11/2022; 8966/QĐ-UBND 30/12/2023	20.000	16.699	1	16.600	7.000	9.600	1	9.600													1	16.600	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đền, chùa Nhuận Trạch, xã Vạn Thắng	2023-2025	9697/QĐ-UBND 08/11/2022; 8967/QĐ-UBND 30/12/2023	25.000	21.131	1	21.100	7.500	13.600	1	13.600													1	21.100	1	UBND huyện Ba Vì	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Lai Bô thị trấn Tây Đằng	2023-2025	6942/QĐ-UBND 09/11/2023	22.000	18.815	1	18.800	6.000	12.800	1	12.800													1	18.800	1	UBND huyện Ba Vì	
9	Tu bổ tôn tạo Đình, Đền thôn Tân Phong	2023-2025	4906/QĐ-UBND 23/8/2023; 7488/QĐ-UBND 27/11/2023	35.000	30.889	1	30.800	20.000	10.800	1	10.800													1	30.800	1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số DA	KHV	Số DA					KHV	Số DA	KHV	Số DA		KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
10	Tu bổ, tôn tạo chùa xóm 3, xã Minh Châu	2022-2025	1921/QĐ-UBND 08/5/2023	13.000	11.040	1	11.000	5.000	6.000	1	6.000												1	11.000	1	UBND huyện Ba Vi	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phú Thứ, xã Khánh Thượng	2023-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023; 6385/QĐ-UBND 19/10/2023	14.000	12.020	1	12.000	5.000	7.000	1	7.000												1	12.000	1	UBND huyện Ba Vi	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Hạc Sơn	2023-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023; 6499/QĐ-UBND 27/10/2023	25.000	21.079	1	21.000	6.000	15.000	1	15.000												1	21.000	1	UBND huyện Ba Vi	
13	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Quốc Gia Đền Trung	2022-2025	9830/QĐ-UBND 11/11/2022	44.821	38.296	1	38.000	30.000	8.000	1	8.000												1	38.000	1	UBND huyện Ba Vi	
14	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đền Thượng	2023-2025	9739/QĐ-UBND 10/11/2022	30.000	25.500	1	25.500	20.000	5.500	1	5.500												1	25.500	1	UBND huyện Ba Vi	
15	Tu bổ, tôn tạo Miếu Ông, Miếu Bà thôn Vu Chu	2022-2025	498/QĐ-UBND 20/02/2024	25.000	21.308	1	21.300	8.000	13.300	1	13.300												1	21.300	1	UBND huyện Ba Vi	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Phúc Lâm, Miếu, Văn Chi thôn Đông Viên (giai đoạn 2)	2023-2025	1995/QĐ-UBND 08/5/2024	30.000	25.219	1	10.000	6.000	4.000	1	4.000												1	10.000		UBND huyện Ba Vi	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Vũ thôn Yên Bò	2023-2025	1033/QĐ-UBND 19/3/2024	35.000	28.814	1	10.000	6.000	4.000	1	4.000												1	10.000		UBND huyện Ba Vi	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Phú Hữu, xã Phú Sơn	2024-2026	824/QĐ-UBND 07/3/2024	20.000	17.349	1	7.500	4.000	3.500	1	3.500												1	7.500		UBND huyện Ba Vi	
19	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Khê Thượng	2023-2025	850/QĐ-UBND 11/3/2024; 5762/QĐ-UBND 31/10/2024	25.000	22.142	1	6.000	4.000	11.900	1	11.900			9.900	1	9.900							1	15.900		UBND huyện Ba Vi	
20	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Sa, Tân Hồng	2023-2025	4001/QĐ-UBND 31/7/2024	45.000	36.599	1	10.000	6.000	4.000	1	4.000												1	10.000		UBND huyện Ba Vi	
	- Dự án chưa bố trí vốn			170.000	144.500	3	71.000							-71.000			3	-71.000			3	-71.000					
	+ Dự án GD 2021-2025 chưa bố trí vốn			60.000	51.000	1	51.000							-51.000			1	-51.000			1	-51.000					
1	Tu bổ tôn tạo khu di tích Miếu Mèn, xã Cam Thượng		06/NQ-HĐND 26/4/2023	60.000	51.000	1	51.000							-51.000			1	-51.000			1	-51.000				UBND huyện Ba Vi	Giám danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
	+ Dự án thực hiện 2 GD: 2021-2025 và sau năm 2025 chưa bố trí vốn			110.000	93.500	2	20.000							-20.000			2	-20.000			2	-20.000					
1	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đình Chu Quyển		06/NQ-HĐND 26/4/2023	50.000	42.500	1	10.000							-10.000			1	-10.000			1	-10.000				UBND huyện Ba Vi	Giám danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
2	Tu bổ, tôn tạo đình Thụy Phiêu, xã Thụy An		06/NQ-HĐND 26/4/2023	60.000	51.000	1	10.000							-10.000			1	-10.000			1	-10.000				UBND huyện Ba Vi	Giám danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
	+ Dự án sau năm 2025																										

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025								KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú		
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp							Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt	
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Trí Lai, xã Đồng Thái			15.000	12.750																					UBND huyện Ba Vì	
2	Tu bổ, tôn tạo chùa Đồng Lầu, xã Thụy An			10.000	8.500																					UBND huyện Ba Vì	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Trung Cung, xã Vật Lại		41/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	10.000	8.500																					UBND huyện Ba Vì	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa thôn Bắc thị trấn Tây Đằng		06/NQ-HĐND 26/4/2023	20.000	17.000																					UBND huyện Ba Vì	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Cao thị trấn Tây Đằng		06/NQ-HĐND 26/4/2023	25.000	21.250																					UBND huyện Ba Vì	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Tòng Thái, xã Tòng Bạt		41/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	25.000	21.250																					UBND huyện Ba Vì	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa xóm Thượng, xã Minh Châu		06/NQ-HĐND 26/4/2023	25.000	21.250																					UBND huyện Ba Vì	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà thờ Lê Anh Tuấn, Vạn Thắng	2022-2025	41/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	15.000	12.750																					UBND huyện Ba Vì	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Hữu	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	15.000	12.750																					UBND huyện Ba Vì	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Kiêu Mộc, xã Cổ Đô	2023-2025	2725/QĐ-UBND 05/6/2024	15.000	11.837																					UBND huyện Ba Vì	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Xuyên	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	15.000	12.750																					UBND huyện Ba Vì	
12	Tu bổ, tôn tạo Đình Yên Bò (giai đoạn 2)	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	10.000	8.500																					UBND huyện Ba Vì	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bằng Tạ	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	20.000	17.000																					UBND huyện Ba Vì	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Vô Khuy	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	14.000	11.900																					UBND huyện Ba Vì	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà thờ họ Lê	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	10.000	8.500																					UBND huyện Ba Vì	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà thờ họ Trần	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	10.000	8.500																					UBND huyện Ba Vì	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hoắc Châu, xã Châu Sơn	2022-2025	41/NQ-HĐND ngày 15/12/2021	10.000	8.500																					UBND huyện Ba Vì	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thuận Mỹ	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	10.000	8.500																					UBND huyện Ba Vì	
19	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Trần Thế Vinh	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	5.000	4.250																					UBND huyện Ba Vì	
20	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Mè	2022-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	10.000	8.500																					UBND huyện Ba Vì	
21	Tu bổ, tôn tạo Đình chùa hai thôn La Phẩm, La Thiện	2022-2025	1034/QĐ-UBND 19/3/2024	40.000	32.535																					UBND huyện Ba Vì	
22	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đôi cây đón Bác, xã Vật Lại		06/NQ-HĐND 26/4/2023	30.000	25.500																					UBND huyện Ba Vì	
23	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Đá Đen	2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023	30.000	25.500																					UBND huyện Ba Vì	
*	CHƯƠNG MỸ			735.006	591.145	28	555.600	266.780	270.680	14	270.680			-18.140			10	-18.140	10	-18.140			28	537.460	26		
	- Dự án đã quyết toán			14.159	11.505	1	10.000	10.000															1	10.000	1		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cổ Hiền, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ	2021-2023	2547/QĐ-UBND 17/3/2020; 8485/QĐ-UBND 16/9/2020	14.159	11.505	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	Kế hoạch vốn NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh				CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt								
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV					
i	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
	- Dự án đã hỗ trợ hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			720.847	579.640	27	545.600	256.780	270.680	14	270.680			-18.140			10	-18.140	10	-18.140			27	527.460	25				
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			153.319	123.496	12	110.500	101.360						-9.140			7	-9.140	7	-9.140			12	101.360	12				
1	Tu bổ, tôn tạo miếu Mục Thanh, xã Trung Hòa	2022-2024	8378/QĐ-UBND 11/11/2022	16.572	13.401	1	12.000	10.200						-1.800			1	-1.800	1	-1.800			1	10.200	1	UBND huyện Chương Mỹ			
2	Tu bổ, tôn tạo đình Long Châu Sơn, xã Phụng Châu	2022-2024	7472/QĐ-UBND 11/10/2022	17.553	14.231	1	12.500	11.010						-1.490			1	-1.490	1	-1.490			1	11.010	1	UBND huyện Chương Mỹ			
3	Tu bổ, tôn tạo đình Hạ, xã Hồng Phong	2022-2024	8379/QĐ-UBND 11/11/2022	12.980	10.483	1	9.000	8.750						-250			1	-250	1	-250			1	8.750	1	UBND huyện Chương Mỹ			
4	Tu bổ, tôn tạo đình Đồng Luân, xã Thượng Vực	2022-2024	8380/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	12.004	10.022	1	9.000	8.800						-200			1	-200	1	-200			1	8.800	1	UBND huyện Chương Mỹ			
5	Tu bổ, tôn tạo đền Trong Phương Bán, xã Phụng Châu	2022-2024	8087/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	7.260	5.625	1	5.000	4.000						-1.000			1	-1.000	1	-1.000			1	4.000	1	UBND huyện Chương Mỹ			
6	Tu bổ, tôn tạo Quán Miếu, xã Tiên Phương	2022-2024	8375/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	12.362	9.972	1	9.000	5.400						-3.600			1	-3.600	1	-3.600			1	5.400	1	UBND huyện Chương Mỹ			
7	Tu bổ, tôn tạo chùa Đại Từ, xã Lam Điền	2022-2024	7375/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	11.179	8.975	1	8.000	7.200						-800			1	-800	1	-800			1	7.200	1	UBND huyện Chương Mỹ			
8	Tu bổ, tôn tạo đình Đại Từ, xã Lam Điền	2022-2024	8374/QĐ-UBND 11/11/2022	15.631	12.403	1	12.000	12.000															1	12.000	1	UBND huyện Chương Mỹ			
9	Tu bổ, tôn tạo đình Trung Vực Ngoài, xã Thượng Vực	2022-2024	8377/QĐ-UBND 11/11/2022	17.478	14.155	1	12.500	12.500															1	12.500	1	UBND huyện Chương Mỹ			
10	Tu bổ, tôn tạo Quán Ảnh, xã Phụng Châu	2022-2023	7884/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	6.746	5.385	1	5.000	5.000															1	5.000	1	UBND huyện Chương Mỹ			
11	Tu bổ, tôn tạo đình Khê Than, xã Phú Nghĩa	2022-2024	7489/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	14.455	11.565	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ			
12	Tu bổ, tôn tạo chùa Hương Tích, xã Phú Nghĩa	2022-2024	7376/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	9.099	7.279	1	6.500	6.500															1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ			
	+ Dự án đang triển khai			567.527	456.144	15	435.100	155.420	270.680	14	270.680			-9.000			3	-9.000	3	-9.000			15	426.100	13				
1	Tu bổ, tôn tạo đình Hồng Thái, xã Trần Phú	2023-2025	8381/QĐ-UBND 11/11/2022; 6915/QĐ-UBND 25/11/2024	13.985	11.314	1	10.000	8.500	1.500	1	1.500												1	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ			
2	Tu bổ, tôn tạo đình Yên Cốc, xã Hồng Phong	2023-2024	5446/QĐ-UBND 24/8/2023; 1378/QĐ-BQL 04/10/2024	13.619	7.943	1	11.000	7.000						-4.000			1	-4.000	1	-4.000			1	7.000	1	UBND huyện Chương Mỹ			
3	Tu bổ, tôn tạo đình Cốc Thượng, xã Hoàng Diệu	2023-2025	8088/QĐ-UBND 01/11/2022; 6949/QĐ-UBND 26/11/2024	14.863	12.046	1	11.000	4.000	7.000	1	7.000												1	11.000	1	UBND huyện Chương Mỹ			
4	Tu bổ, tôn tạo đình Thượng, xã Văn Võ	2023-2025	8371/QĐ-UBND 11/11/2022; 6890/QĐ-UBND 23/11/2024	15.807	12.765	1	11.000	2.000	9.000	1	9.000												1	11.000	1	UBND huyện Chương Mỹ			

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
5	Tu bổ, tôn tạo đình Yên Lạc, xã Đồng Lạc	2023-2025	8372/QĐ-UBND 11/11/2022; 6892/QĐ-UBND 23/11/2024	18.531	15.032	1	14.000	5.000	9.000	1	9.000												1	14.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Tu bổ, tôn tạo chùa Yên Nhân, xã Hòa Chính	2023-2025	7135/QĐ-UBND 13/11/2023; 6598/QĐ-UBND 12/11/2024	9.554	7.696	1	7.000	3.500	3.500	1	3.500												1	7.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
7	Tu bổ, tôn tạo đình Yên Nhân, xã Hòa Chính	2023-2025	7133/QĐ-UBND 13/11/2023; 1269/QĐ-BQL 16/9/2024; 6599/QĐ-UBND 12/11/2024	17.319	14.580	1	12.500	4.000	6.000	1	6.000			-2.500			1	-2.500	1	-2.500			1	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
8	Tu bổ, tôn tạo đình Cốc Hạ, xã Hoàng Diệu	2023-2025	8089/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	11.065	8.723	1	8.700	3.000	5.700	1	5.700												1	8.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	
9	Tu bổ, tôn tạo quán Lương Sơn, xã Đông Sơn	2023-2025	8370/QĐ-UBND 11/11/2022	18.992	15.416	1	14.000	4.500	9.500	1	9.500												1	14.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
10	Tu bổ, tôn tạo đình Lương Xá, xã Lam Điền	2023-2025	8373/QĐ-UBND 11/11/2022; 6891/QĐ-UBND 23/11/2024	24.111	19.278	1	19.200	18.220	980	1	980												1	19.200	1	UBND huyện Chương Mỹ	
11	Tu bổ, tôn tạo Quán Ngoại, xã Tiên Phương	2023-2025	7473/QĐ-UBND 11/11/2022	19.422	15.806	1	14.000	7.700	3.800	1	3.800			-2.500			1	-2.500	1	-2.500			1	11.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
12	Tu bổ, tôn tạo đình Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn	2024-2025	7134/QĐ-UBND 13/11/2023; 4180/QĐ-UBND 26/7/2024	25.826	20.668	1	19.000	8.000	11.000	1	11.000												1	19.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
13	Đầu tư xây dựng khu trưng bày về Chủ tịch Hồ Chí Minh tại di tích Chùa Trăm	2023-2026	6680/QĐ-UBND 24/10/2023	183.825	146.601	1	145.000	35.000	110.000	1	110.000												1	145.000		UBND huyện Chương Mỹ	
14	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích chùa Trăm, xã Phụng Châu	2023-2026	7167/QĐ-UBND 14/11/2023	92.032	74.561	1	65.000	20.000	45.000	1	45.000												1	65.000		UBND huyện Chương Mỹ	
15	Tu bổ, tôn tạo chùa Trăm gian, xã Tiên Phương	2023-2026	2648/QĐ-UBND 19/5/2023; 2742/QĐ-UBND 25/5/2023	88.576	73.715	1	73.700	25.000	48.700	1	48.700												1	73.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	
	- Dự án chưa bố trí vốn																										
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Tu bổ, tôn tạo đình Thuận Lương, xã Hoàng Văn Thụ	2023-2024	02/NQ-HĐND 16/3/2022	14.052	11.944																					UBND huyện Chương Mỹ	
2	Tu bổ, tôn tạo đình Thượng Văn La, xã Văn Võ	2024-2025	02/NQ-HĐND 16/3/2022	24.559	20.875																					UBND huyện Chương Mỹ	
*	DAN PHƯỢNG			191.186	160.655	11	149.766	105.700	44.066	5	44.066												11	149.766	11		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025						Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Trước: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Trước: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt								
			Số, ngày QĐ	TMDT	Trước: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
	- Dự án đã quyết toán			40.681	34.728	3	30.000	30.000															3	30.000	3				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vạn Vỹ, xã Hồng Hà	2022-2025	3488/QĐ-UBND 08/4/2022	12.563	10.575	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Đan Phượng			
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hải Giác, xã Hạ Mỗ; Hạng mục: Nhà Tam bảo	2022-2023	3197/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	14.970	12.660	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Đan Phượng			
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Sóng (GD 2); Hạng mục: Phương Đình, Tả - Hữu Mạc, nghi môn, nhà thờ từ và bể PCCC	2022-2023	3147/QĐ-UBND, ngày 15/7/2021	13.148	11.493	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Đan Phượng			
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			150.506	125.927	8	119.766	75.700	44.066	5	44.066												8	119.766	8				
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			14.990	12.203	1	12.200	12.200															1	12.200	1				
1	Tu bổ, tôn tạo Đền Tam Phú, xã Song Phượng	2022-2023	149/QĐ-UBND 10/11/2021; 5087/QĐ-UBND 05/7/2022	14.990	12.203	1	12.200	12.200															1	12.200	1	UBND huyện Đan Phượng			
	+ Dự án đang triển khai			135.516	113.724	7	107.566	63.500	44.066	5	44.066												7	107.566	7				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Voi Phục, xã Tân Hội	2023-2025	3405/QĐ-UBND 11/05/2023	15.487	13.413	1	12.000	12.000															1	12.000	1	UBND huyện Đan Phượng			
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cổ Ngõa Hạ, xã Phương Đình	2023-2025	882/QĐ-UBND 09/02/2023	14.985	12.823	1	10.500	10.500															1	10.500	1	UBND huyện Đan Phượng			
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hạ Hội, xã Tân Lập	2023-2025	6512/QĐ-UBND 06/10/2023	19.883	16.179	1	16.000	10.000	6.000	1	6.000												1	16.000	1	UBND huyện Đan Phượng			
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Tiến, xã Trung Châu; hạng mục: Đại bái và các hạng mục phụ trợ	2023-2025	83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; 5902/QĐ-UBND 14/9/2023	12.980	10.686	1	10.600	6.000	4.600	1	4.600												1	10.600	1	UBND huyện Đan Phượng			
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Đông Khê, xã Đan Phượng	2023-2025	2991/QĐ-UBND 19/4/2023	19.813	15.997	1	15.900	6.000	9.900	1	9.900												1	15.900	1	UBND huyện Đan Phượng			
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Bồng Lai, xã Hồng Hà	2024-2025	83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; 1061/QĐ-UBND 07/02/2024	14.993	13.224	1	12.000	4.000	8.000	1	8.000												1	12.000	1	UBND huyện Đan Phượng			
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ	2022-2025	6404/QĐ-UBND 29/9/2023	37.375	31.402	1	30.566	15.000	15.566	1	15.566												1	30.566	1	UBND huyện Đan Phượng			
*	ĐÔNG ANH			635.267	510.694	17	462.500	306.500	156.000	14	156.000												17	462.500	15				
	- Dự án đã quyết toán																												
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			635.267	510.694	17	462.500	306.500	156.000	14	156.000												17	462.500	15				
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			123.272	98.396	3	95.000	95.000															3	95.000	3				

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HBND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Biểu chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhạn Tái, xã Xuân Nộn	2022-2024	3177/QĐ-UBND 22/6/2020	28.789	25.000	1	25.000	25.000															1	25.000	1	UBND huyện Đông Anh	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lý Nhân, xã Dục Tú	2022-2024	1860/QĐ-UBND 14/4/2020	41.619	31.876	1	30.000	30.000															1	30.000	1	UBND huyện Đông Anh	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hà Vỹ, xã Liên Hà	2022-2024	2659/QĐ-UBND 20/5/2020	52.864	41.520	1	40.000	40.000															1	40.000	1	UBND huyện Đông Anh	
	+ Dự án đang triển khai			511.995	412.298	14	367.500	211.500	156.000	14	156.000												14	367.500	12		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thạc Quả, xã Dục Tú	2022-2025	13482/QĐ-UBND 02/11/2022; 11974/QĐ-UBND 20/11/2024	31.098	23.837	1	23.800	16.500	7.300	1	7.300												1	23.800	1	UBND huyện Đông Anh	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thụy Hà, xã Bắc Hồng	2022-2025	7695/QĐ-UBND 23/6/2022	52.131	46.344	1	45.000	31.000	14.000	1	14.000												1	45.000	1	UBND huyện Đông Anh	
3	Tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị di tích đình, chùa Đào Thục, xã Thụy Lâm	2022-2025	7324/QĐ-UBND 27/10/2020; 11976/QĐ-UBND 20/11/2024	92.337	73.971	1	70.000	55.000	15.000	1	15.000												1	70.000	1	UBND huyện Đông Anh	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Chải (giai đoạn 2)	2024-2026	CT - 6555/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; DA-342/QĐ-UBND 16/01/2024	34.985	26.972	1	25.000	10.000	15.000	1	15.000												1	25.000	1	UBND huyện Đông Anh	
5	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình, chùa, miếu thôn Lại Đà (GD2)	2024-2027	CT- 15039/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; DA - 872/QĐ-UBND 02/02/2024	63.328	51.860	1	50.000	16.500	33.500	1	33.500												1	50.000	1	UBND huyện Đông Anh	
6	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình - chùa Lễ Pháp	2022-2025	15276/QĐ-UBND 07/12/2022	29.131	23.053	1	21.000	15.000	6.000	1	6.000												1	21.000	1	UBND huyện Đông Anh	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, đền Tó, xã Uy Nỗ	2022-2025	12592/QĐ-UBND 14/10/2022	32.989	26.198	1	25.000	15.000	10.000	1	10.000												1	25.000	1	UBND huyện Đông Anh	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Xuân Trạch, xã Xuân Canh	2022-2025	12593/QĐ-UBND 14/10/2022; 11975/QĐ-UBND 20/11/2024	27.864	22.165	1	22.000	10.000	12.000	1	12.000												1	22.000	1	UBND huyện Đông Anh	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xuân Nộn	2024-2025	1687/QĐ-UBND 05/3/2024	34.892	27.000	1	25.000	10.000	15.000	1	15.000												1	25.000	1	UBND huyện Đông Anh	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	2023-2025	15412/QĐ-UBND 08/12/2022	28.463	21.791	1	21.700	15.000	6.700	1	6.700												1	21.700	1	UBND huyện Đông Anh	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Gia Lộc	2024-2026	3091/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	26.111	20.121	1	15.000	6.000	9.000	1	9.000												1	15.000	1	UBND huyện Đông Anh	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xuân Canh (giai đoạn 2)	2024-2026	3697/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	6.669	5.374	1	5.000	1.500	3.500	1	3.500												1	5.000	1	UBND huyện Đông Anh	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KJI 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
13	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Mạch Lũng, xã Đại Mạch	2024-2026	4785/QĐ-UBND 24/5/2024	23.175	19.402	1	9.000	5.000	4.000	1	4.000												1	9.000		UBND huyện Đông Anh	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thư Cưu, xã Cổ Loa	2023-2025	9785/QĐ-UBND 31/10/2023	28.822	24.210	1	10.000	5.000	5.000	1	5.000												1	10.000		UBND huyện Đông Anh	
	- Dự án chưa bố trí vốn																										
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đông Trù	2020-2022	CT-9575/QĐ-UBND 25/10/2023	41.000	31.974																					UBND huyện Đông Anh	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hương Trầm	2025	CT-9574/QĐ-UBND 25/10/2023	16.583	12.601																					UBND huyện Đông Anh	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Văn Diễm (giai đoạn 2)	2025	CT- 6554/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	41.029	24.703																					UBND huyện Đông Anh	
4	Tu bổ tôn tạo di tích Chùa Xuân Canh (Quan Âm tự) giai đoạn 2	2023-2025		35.000	29.750																					UBND huyện Đông Anh	
*	GIA LÂM			267.042	221.071	6	112.500	34.000	74.600	5	74.600			-3.900			2	-3.900	2	-3.900			6	108.600	5		
	- Dự án đã quyết toán																										
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			267.042	221.071	6	112.500	34.000	74.600	5	74.600			-3.900			2	-3.900	2	-3.900			6	108.600	5		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành																										
	+ Dự án đang triển khai			267.042	221.071	6	112.500	34.000	74.600	5	74.600			-3.900			2	-3.900	2	-3.900			6	108.600	5		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình - chùa - nghệ Sen Hồ, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	2022-2025	4489/QĐ-UBND 27/10/2023; 588/QĐ-QLDA ĐTXD 12/9/2024	47.169	38.629	1	15.000	15.000															1	15.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
2	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Thượng, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	2023-2026	03/NQ-HĐND 2/6/2023; 5263/QĐ-UBND 14/12/2023; 595/QĐ-QLDA ĐTXD 16/9/2024	25.704	20.774	1	22.000	6.500	13.000	1	13.000			-2.500			1	-2.500	1	-2.500			1	19.500	1	UBND huyện Gia Lâm	
3	Tu bổ, tôn tạo đình - chùa Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	2023-2026	03/NQ-HĐND 2/6/2023; 4937/QĐ-UBND 27/11/2023	23.152	18.840	1	15.500	5.500	10.000	1	10.000												1	15.500	1	UBND huyện Gia Lâm	
4	Tu bổ, tôn tạo đình Đại Bản, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	2023-2025	03/NQ-HĐND 2/6/2023; 239/QĐ-UBND 10/01/2024; 566/QĐ-QLDA ĐTXD 22/8/2024	13.267	10.607	1	12.000	3.500	7.100	1	7.100			-1.400			1	-1.400	1	-1.400			1	10.600	1	UBND huyện Gia Lâm	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
5	Tu bổ, tôn tạo đình Hạ Thôn, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	2023-2025	4942/QĐ-UBND 28/11/2023; 573/QĐ-QLDA ĐTXD 29/8/2024	14.387	11.554	1	8.000	3.500	4.500	1	4.500												1	8.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
6	Tu bổ, tôn tạo Chùa Báo Ân, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)	2023-2026	03/NQ-HĐND 2/6/2023; 5126/QĐ-UBND 23/9/2024	143.363	120.667	1	40.000		40.000	1	40.000												1	40.000		UBND huyện Gia Lâm	
	- Dự án chưa bố trí vốn																										
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Đình - Chùa thôn Vàng	2023-2025	03/NQ-HĐND 2/6/2023	51.434	30.000																					UBND huyện Gia Lâm	
2	Chùa Keo	2023-2025	03/NQ-HĐND 2/6/2023	47.469	25.000																					UBND huyện Gia Lâm	
*	HOÀI ĐỨC			989.622	801.057	57	657.500	525.300	127.200	16	127.200			-5.000	1	5.300	4	-10.300	3	-5.300	1	-5.000	56	652.500	55		
	- Dự án đã quyết toán			122.248	98.951	8	70.400	70.400															8	70.400	8		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Viên Dương Quán xã Đức Thượng	2021-2023	5833/QĐ-UBND 03/11/2021	17.658	15.318	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
2	Tu bổ tôn tạo di tích đền Vật, xã Cát Quế	2019-2022	5459/QĐ-UBND 31/10/2019; 10227/QĐ-UBND 30/12/2020	14.871	11.996	1	8.000	8.000															1	8.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Hậu Ấi	2019-2022	5196/QĐ-UBND 28/10/2019	14.514	11.706	1	8.000	8.000															1	8.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Lăng Kinh, xã Đức Giang	2019-2022	5195/QĐ-UBND 28/10/2019; 10243/QĐ-UBND 30/12/2020	14.981	11.400	1	7.000	7.000															1	7.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Quán Lai Xá (Quán Lai Xá), xã Kim Chung	2022-2024	5822/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	17.168	13.930	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình La Tính xã Đông La	2021-2023	8782/QĐ-UBND 1/12/2020; 2758/QĐ-UBND 03/6/2021	13.547	10.906	1	8.000	8.000															1	8.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Ngự Cầu xã An Thượng	2021-2023	8871/QĐ-UBND 05/12/2020	10.860	8.567	1	4.400	4.400															1	4.400	1	UBND huyện Hoài Đức	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cả xã An Khánh	2022-2024	5851/QĐ-UBND 05/11/2021	18.649	15.128	1	15.000	15.000															1	15.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			860.772	696.494	48	582.100	454.900	127.200	16	127.200				1	5.300	3	-5.300	3	-5.300			48	582.100	47		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			319.146	259.087	22	212.900	207.600						-5.300			3	-5.300	3	-5.300			22	207.600	22		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ-HBND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Sóng xã Văn Cồn, huyện Hoài Đức	2021-2024	8603/QĐ-UBND 27/11/2020; 14248/QĐ-UBND 29/12/2022	7.972	6.413	1	5.100	5.100															1	5.100	1	UBND huyện Hoài Đức		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Dương Liễu (hạng mục tiền tế, đại bái, hậu cung, tả hữu mạc)	2019-2022	5305/QĐ-UBND 30/10/2019; 10251/QĐ-UBND 30/12/2020	14.991	12.554	1	3.500	3.500															1	3.500	1	UBND huyện Hoài Đức		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thanh Quang, xã An Thượng	2019-2021	5472/QĐ-UBND 31/10/2019; 4784/QĐ-UBND 20/8/2020	14.997	12.996	1	6.000	6.000															1	6.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Mẫu Hòa	2019-2021	5035/QĐ-UBND 11/10/2019	11.837	9.040	1	6.000	6.000															1	6.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
5	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Mẫu Hòa	2016-2022	5471/QĐ-UBND 31/10/2019; 10248/QĐ-UBND 30/12/2020	11.450	9.311	1	4.000	4.000															1	4.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
6	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Ngự Cầu, xã An Thượng (giai đoạn 2)	2023-2025	1837/QĐ-UBND 30/5/2022	8.559	7.220	1	7.000	7.000															1	7.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đào Nguyễn, xã An Thượng	2022-2024	9222/QĐ-UBND 09/12/2020	14.338	12.007	1	11.000	11.000															1	11.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cao Xá xã Đức Thượng	2022-2024	8747/QĐ-UBND 01/12/2020	14.282	11.935	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
9	Tu bổ, tôn tạo di tích quán Lại Yên (Kính Thiên Đài). Hạng mục: Nhà Đại bái, trung cung, hậu công, nhà Tả Hữu mạc, sân vườn	2022-2024	6077/QĐ-UBND 30/9/2020	14.931	10.706	1	10.500	10.500															1	10.500	1	UBND huyện Hoài Đức		
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Viên, xã Song Phương	2020-2024	2324/QĐ-UBND 31/5/2019; 3798/QĐ-UBND 08/6/2020; 8566/QĐ-UBND 31/12/2021	14.060	11.650	1	11.000	11.000															1	11.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
11	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Quan, xã Văn Cồn	2022-2024	5893/QĐ-UBND 10/11/2021	17.969	14.558	1	14.500	14.500															1	14.500	1	UBND huyện Hoài Đức		
12	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ngự Cầu xã An Thượng	2022-2024	8870/QĐ-UBND 05/12/2020	25.313	20.492	1	18.000	18.000															1	18.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
13	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Linh Thượng, xã Văn Cồn	2022-2025	8782/QĐ-UBND 01/12/2020	14.216	12.000	1	12.000	12.000															1	12.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
14	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phương Bảng, xã Song Phương	2021-2023	8800/QĐ-UBND 03/12/2020	19.789	16.700	1	13.000	13.000															1	13.000	1	UBND huyện Hoài Đức		
15	Tu bổ, tôn tạo di tích quán Phương Bảng, xã Song Phương	2023-2025	3151/QĐ-UBND 02/8/2022	16.536	13.224	1	12.800	10.300						-2.500			1	-2.500	1	-2.500			1	10.300	1	UBND huyện Hoài Đức		
16	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Đình Kim Hoàng xã Văn Canh	2021-2023	5411/QĐ-UBND 04/10/2021	17.398	13.237	1	11.000	11.000															1	11.000	1	UBND huyện Hoài Đức		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo đổi: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo đổi: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMBT	Tráo đổi: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
17	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa An Hạ xã An Thượng	2021-2023	6300/QĐ-UBND 30/11/2021	16.076	12.672	1	11.000	11.000															1	11.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Đại tôn họ Nguyễn, xã Sơn Đồng	2023-2025	9113/QĐ-UBND 31/12/2021	9.959	8.423	1	8.000	6.600						-1.400			1	-1.400	1	-1.400			1	6.600	1	UBND huyện Hoài Đức	
19	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền Thượng xã Sơn Đồng	2021-2023	6301/QĐ-UBND 30/11/2021	10.903	8.788	1	6.400	5.000						-1.400			1	-1.400	1	-1.400			1	5.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
20	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Vĩnh Phúc xã Cát Quế	2019-2024	5473/QĐ-UBND 31/10/2019; 11448/QĐ-UBND 31/12/2020; 14934/QĐ-UBND 29/12/2023	12.479	9.739	1	7.000	7.000															1	7.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
21	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lưu Xá, xã Đức Giang	2021-2025	1863/QĐ-UBND 01/6/2022; 13195/QĐ-UBND 13/11/2023	18.823	15.610	1	15.600	15.600															1	15.600	1	UBND huyện Hoài Đức	
22	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đại Bi xã Cát Quế	2021-2025	195/QĐ-UBND 21/01/2022; 13197/QĐ-UBND 13/11/2023	12.268	9.812	1	9.500	9.500															1	9.500	1	UBND huyện Hoài Đức	
	+ Dự án đang triển khai			541.626	437.407	26	369.200	247.300	127.200	16	127.200			5.300	1	5.300							26	374.500	25		
1	Chỉnh trang khuôn viên di tích đình Quán Giã và khu Rừng Cẩm (chỉnh trang khuôn viên di tích Quán Giã, xã Yên Sở)	2023-2025	14546/QĐ-UBND 30/12/2022	11.771	10.025	1	9.600	9.600															1	9.600	1	UBND huyện Hoài Đức	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Sơn Đồng, xã Sơn Đồng	2021-2025	12023/QĐ-UBND 19/9/2023	13.047	10.443	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Giang Xá, thị trấn Trầm Trối	2023-2025	6754/QĐ-UBND 18/5/2023; 1861/QĐ-BQL 18/11/2023	29.195	25.147	1	8.000	8.000	5.300	1	5.300			5.300	1	5.300							1	13.300	1	UBND huyện Hoài Đức	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lũng Kinh xã Đức Giang	2023-2025	3543/QĐ-UBND 28/03/2023	13.316	10.717	1	10.400	10.400															1	10.400	1	UBND huyện Hoài Đức	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hoá chùa Đại Tự, xã Kim Chung	2023-2025	1253/QĐ-UBND 04/5/2022; 13831/QĐ-UBND 11/12/2023	8.095	6.703	1	6.700	6.700															1	6.700	1	UBND huyện Hoài Đức	
6	Tu bổ phát huy điểm đến đình Tiễn Lễ, xã Tiễn Yên	2023-2026	12830/QĐ-UBND 26/10/2023	19.311	16.294	1	15.000	15.000															1	15.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hậu Ai xã Văn Canh	2023-2025	3039/QĐ-UBND 10/03/2023; 14287/QĐ-UBND 27/12/2023	18.947	15.395	1	15.000	15.000															1	15.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Chiền, xã Đức Thượng	2023-2025	756/QĐ-UBND 11/03/2022	13.871	11.183	1	8.000	8.000															1	8.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đào Nguyên xã An Thượng, huyện Hoài Đức	2022-2024	5727/QĐ-UBND 23/10/2021	14.960	11.976	1	8.000	8.000															1	8.000	1	UBND huyện Hoài Đức	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Trd6: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
10	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Tế Sở	2024-2026	25/NQ-HĐND 20/12/2023; 678/QĐ-UBND 06/3/2024	8.229	7.130	1	6.000	6.000															1	6.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Thượng, xã Văn Cón	2023-2025	759/QĐ-UBND 11/3/2022	8.681	7.292	1	5.000	5.000															1	5.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Rừng (Cảnh Linh Tự, xã Tiên Yên)	2024-2026	25/NQ-HĐND 20/12/2023; 677/QĐ-UBND 06/3/2024	42.007	36.020	1	36.000	15.000	21.000	1	21.000												1	36.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Hậu Ái	2022-2025	7044/QĐ-UBND 02/11/2022; 4955/QĐ-UBND 25/11/2024	13.594	11.576	1	9.800	5.000	4.800	1	4.800												1	9.800	1	UBND huyện Hoài Đức	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lại Yên, xã Lại Yên	2023-2025	6553/QĐ-UBND 4/10/2022	24.809	21.687	1	19.000	10.000	9.000	1	9.000												1	19.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Mẫu xã Cát Quế	2023-2025	1858/QĐ-UBND 01/6/2022	17.678	15.077	1	14.000	7.000	7.000	1	7.000												1	14.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lại Yên (Nhạ Phúc Tự)	2023-2026	13006/QĐ-UBND 31/10/2023	53.648	26.610	1	26.600	16.000	10.600	1	10.600												1	26.600	1	UBND huyện Hoài Đức	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Cón	2023-2025	12496/QĐ-UBND 10/10/2023	25.702	21.847	1	16.800	7.000	9.800	1	9.800												1	16.800	1	UBND huyện Hoài Đức	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Di Trạch, xã Di Trạch (giai đoạn 2)	2023-2026	13314/QĐ-UBND 14/11/2023	18.470	15.028	1	14.000	7.000	7.000	1	7.000												1	14.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
19	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bảo Phúc, thị trấn Trầm trôi – giai đoạn 2	2023-2026	12547/QĐ-UBND 12/10/2023	43.016	37.755	1	32.000	12.000	20.000	1	20.000												1	32.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
20	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thích Ca, Xã Song Phương – giai đoạn 2	2023-2026	133/QĐ-UBND 07/02/2023	16.853	14.069	1	13.000	10.000	3.000	1	3.000												1	13.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
21	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Thượng xã Tiên Yên	2023-2026	8033/QĐ-UBND 23/11/2022	32.954	27.943	1	25.000	10.000	15.000	1	15.000												1	25.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
22	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cát Ngòi, xã Cát Quế	2023-2025	1745/QĐ-UBND 26/5/2022	14.162	11.918	1	11.300	8.600	2.700	1	2.700												1	11.300	1	UBND huyện Hoài Đức	
23	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Lại Dụ xã An Thượng	2023-2025	5652; 13/10/2021 12301/QĐ-UBND 28/9/2023	15.858	13.260	1	13.000	12.000	1.000	1	1.000												1	13.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
24	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Sung, xã Văn Cón	2023-2025	758/QĐ-UBND 11/3/2022	18.739	16.400	1	14.000	13.000	1.000	1	1.000												1	14.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
25	Tu bổ, tôn tạo di tích Võ chỉ Quế Dương, xã Dương Liễu	2023-2025	14563/QĐ-UBND 30/12/2022	12.940	10.520	1	9.000	5.000	4.000	1	4.000												1	9.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
26	Tu bổ, tôn tạo chùa Ngải Cầu xã An Khánh giai đoạn 2	2023-2026	1880/QĐ-UBND 09/5/2024	31.774	25.391	1	14.000	8.000	6.000	1	6.000												1	14.000		UBND huyện Hoài Đức	
	- Dự án chưa bố trí vốn			6.602	5.612	1	5.000							-5.000			1	-5.000			1	-5.000					

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
	+ Dự án GD 2021-2025 chưa bố trí vốn			6.602	5.612	1	5.000							-5.000			1	-5.000			1	-5.000						
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lăng đá Huệ Linh xã Lại Yên	2023-2025	CT- 2319; 31/5/2019	6.602	5.612	1	5.000							-5.000			1	-5.000			1	-5.000				UBND huyện Hoài Đức	Giám danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030	
*	MÊ LINH			859.123	710.003	24	625.908	428.708	197.200	13	197.200				1	2.000	1	-2.000	1	-2.000			24	625.908	24			
	- Dự án đã quyết toán																											
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			859.123	710.003	24	625.908	428.708	197.200	13	197.200				1	2.000	1	-2.000	1	-2.000			24	625.908	24			
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			383.116	317.310	10	241.208	239.208						-2.000			1	-2.000	1	-2.000			10	239.208	10			
1	Tu bổ, tôn tạo đình Bạch Trữ, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	2022-2024	3753/QĐ-UBND 31/8/2022	58.200	47.752	1	38.208	38.208															1	38.208	1	UBND huyện Mê Linh		
2	Tu bổ, tôn tạo chùa Linh (Kim Giai Tự), xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh	2022-2024	2442/QĐ-UBND 17/6/2022	26.930	21.715	1	17.166	17.166															1	17.166	1	UBND huyện Mê Linh		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Bảo Lâm, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	2022-2025	3557/QĐ-UBND 31/8/2022; 3777/QĐ-UBND 06/9/2022	58.500	47.844	1	34.334	34.334															1	34.334	1	UBND huyện Mê Linh		
4	Tu bổ, tôn tạo đình Diên Tảo, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	2022-2024	3755/QĐ-UBND 31/8/2022	18.500	14.743	1	9.963	9.963															1	9.963	1	UBND huyện Mê Linh		
5	Tu bổ, tôn tạo chùa Long Diêm, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	2022-2024	2440/QĐ-UBND 17/6/2022; 8081/QĐ-UBND 19/12/2023	41.454	33.909	1	33.900	33.900															1	33.900	1	UBND huyện Mê Linh		
6	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phương Linh, xã Vạn Yên, huyện Mê Linh	2022-2024	2443/QĐ-UBND 17/6/2022	23.400	17.720	1	11.859	11.859															1	11.859	1	UBND huyện Mê Linh		
7	Tu bổ, tôn tạo đình Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	2022-2024	2441/QĐ-UBND 17/6/2022	27.280	22.542	1	13.658	13.658															1	13.658	1	UBND huyện Mê Linh		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phú Mỹ, xã Tự Lập	2023-2025	4726/QĐ-UBND 03/11/2022	47.919	39.784	1	39.000	37.000						-2.000			1	-2.000	1	-2.000			1	37.000	1	UBND huyện Mê Linh		
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bổng Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	2022-2025	3754/QĐ-UBND 31/8/2022	52.339	47.714	1	24.670	24.670															1	24.670	1	UBND huyện Mê Linh		
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Đình Nguyễn, xã Tiến Thịnh	2023-2025	4871/QĐ-UBND 11/11/2022; 4323/QĐ-UBND 16/6/2023	28.594	23.587	1	18.450	18.450															1	18.450	1	UBND huyện Mê Linh		
	+ Dự án đang triển khai			476.007	392.693	14	384.700	189.500	197.200	13	197.200			2.000	1	2.000							14	386.700	14			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Đông Cao	2023-2025	4907/QĐ-UBND 14/11/2022	55.724	43.543	1	43.500	40.500	3.000	1	3.000												1	43.500	1	UBND huyện Mê Linh		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Linh Quy, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	2023-2025	3417/QĐ-UBND 30/5/2023	19.790	18.072	1	14.000	14.000															1	14.000	1	UBND huyện Mê Linh		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	2024-2026	3142/QĐ-UBND 20/5/2023	36.213	29.781	1	29.700	15.000	14.700	1	14.700												1	29.700	1	UBND huyện Mê Linh	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	2024-2027	6881/QĐ-UBND 15/11/2023; 2294/QĐ-UBND 11/6/2024 (TKBVTC)	50.587	44.059	1	41.600	23.000	20.600	1	20.600			2.000	1	2.000							1	43.600	1	UBND huyện Mê Linh	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Yên Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	2024-2026	806/QĐ-UBND 01/3/2024	25.601	20.285	1	20.200	10.000	10.200	1	10.200												1	20.200	1	UBND huyện Mê Linh	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xa Mạc	2024-2026	01/NQ-HĐND 29/3/2022; 852/QĐ-UBND 06/3/2023	11.102	8.845	1	8.800	5.000	3.800	1	3.800												1	8.800	1	UBND huyện Mê Linh	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Văn Lôi	2024-2026	3391/QĐ-UBND 29/5/2023	31.642	25.293	1	25.200	10.000	15.200	1	15.200												1	25.200	1	UBND huyện Mê Linh	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cư An, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	2024-2026	3412/QĐ-UBND 30/5/2023	27.982	23.388	1	23.300	10.000	13.300	1	13.300												1	23.300	1	UBND huyện Mê Linh	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Yên Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	2024-2026	3341/QĐ-UBND 25/5/2023	33.082	27.134	1	27.100	10.000	17.100	1	17.100												1	27.100	1	UBND huyện Mê Linh	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Mạnh Trữ, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	2024-2026	3343/QĐ-UBND 25/5/2023	38.675	33.525	1	33.500	10.000	23.500	1	23.500												1	33.500	1	UBND huyện Mê Linh	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Hoa Sơn, xã Kim Hoa	2024-2026	3099/QĐ-UBND 16/5/2023	38.265	30.613	1	30.600	12.000	18.600	1	18.600												1	30.600	1	UBND huyện Mê Linh	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Thiện, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	2024-2026	3143/QĐ-UBND 20/5/2023	25.963	21.085	1	21.000	10.000	11.000	1	11.000												1	21.000	1	UBND huyện Mê Linh	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Giai Lạc, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	2024-2026	15/NQ-HĐND 27/10/2023; 801/QĐ-UBND 29/02/2024	32.522	27.217	1	26.400	10.000	16.400	1	16.400												1	26.400	1	UBND huyện Mê Linh	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thái Lai, xã Tiên Thắng, huyện Mê Linh	2024-2027	15/NQ-HĐND 27/10/2023; 800/QĐ-UBND 29/02/2024	48.859	39.853	1	39.800	10.000	29.800	1	29.800												1	39.800	1	UBND huyện Mê Linh	
	- Dự án chưa bố trí vốn																										
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Kim Giao	2023-2024	01/NQ-HĐND 30/3/2023	22.932	19.492																					UBND huyện Mê Linh	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Tráng Việt, xã Tráng Việt	2024-2026	2235/QĐ-UBND 05/6/2024	49.195	35.600																					UBND huyện Mê Linh	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Tây Xá	2023-2024	01/NQ-HĐND 29/3/2022	17.224	14.640																					UBND huyện Mê Linh	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Lâm Hộ	2022-2023	01/NQ-HĐND 29/3/2022	28.003	22.962																					UBND huyện Mê Linh	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HBND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
*	MỸ ĐỨC			777.631	626.300	32	597.750	278.900	270.350	24	270.350			-48.500	1	7.400	7	-55.900	4	-7.400	3	-48.500	29	549.250	25			
	- Dự án đã quyết toán																											
	- Dự án đã bổ trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			725.831	583.286	29	549.250	278.900	270.350	24	270.350				1	7.400	4	-7.400	4	-7.400			29	549.250	25			
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			146.675	119.761	4	119.600	117.300						-2.300			1	-2.300	1	-2.300			4	117.300	4			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vĩnh Xương Trung, xã Mỹ Thành	2022-2024	1740/QĐ-UBND 18/3/2022; 1879/QĐ-UBND 28/3/2022	10.921	8.779	1	8.700	8.700															1	8.700	1	UBND huyện Mỹ Đức		
2	Đình Đoài, xã Xuy Xá (đình Đông Đoài)	2022-2025	2423/QĐ-UBND 15/8/2023	34.995	30.062	1	30.000	30.000															1	30.000	1	UBND huyện Mỹ Đức		
3	Quán Đoài, xã Xuy Xá (quán Đông Đoài)	2022-2025	2422/QĐ-UBND 15/8/2023	30.073	24.507	1	24.500	22.200						-2.300			1	-2.300	1	-2.300			1	22.200	1	UBND huyện Mỹ Đức		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Đình Tiên Hoàng Đế, xã Hợp Thanh	2023-2026	1982/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	70.686	56.413	1	56.400	56.400															1	56.400	1	UBND huyện Mỹ Đức		
	+ Dự án đang triển khai			579.156	463.525	25	429.650	161.600	270.350	24	270.350			2.300	1	7.400	3	-5.100	3	-5.100			25	431.950	21			
1	Đền Cống Hạ, xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức	2022-2025	3876/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	10.000	8.447	1	8.400	7.500	900	1	900												1	8.400	1	UBND huyện Mỹ Đức		
2	Đình Phú Hữu, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	2022-2025	1690/QĐ-UBND 22/6/2023	30.000	24.047	1	24.000	9.000	15.000	1	15.000												1	24.000	1	UBND huyện Mỹ Đức		
3	Đình Phúc Khê, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	2022-2025	887/QĐ-UBND 16/5/2023	20.000	15.860	1	15.800	15.800															1	15.800	1	UBND huyện Mỹ Đức		
4	Chùa Phúc Khê, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	2023-2025	3547/QĐ-UBND 30/10/2023	34.189	27.503	1	27.500	8.000	19.500	1	19.500												1	27.500	1	UBND huyện Mỹ Đức		
5	Đình Táo Khê, xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức	2022-2025	266/QĐ-UBND 23/02/2023; 3526/QĐ-UBND 01/7/2024	20.000	16.500	1	16.500	10.000	6.500	1	6.500												1	16.500	1	UBND huyện Mỹ Đức		
6	Đình Thượng Thôn (Đình Thượng Tuy Lai), xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	2023-2025	3476/QĐ-UBND 25/10/2023	32.250	24.207	1	24.200	9.000	15.200	1	15.200												1	24.200	1	UBND huyện Mỹ Đức		
7	Chùa Trung (Chùa Hưng Khánh), xã Phú Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	2023-2025	2506/QĐ-UBND ngày 25/8/2023; 3809/QĐ-UBND 15/11/2023; 670/SVHTT-QLDSVH 23/02/2024; 5327/QĐ-UBND 27/9/2024	36.000	31.283	1	30.000	15.500	14.500	1	14.500												1	30.000	1	UBND huyện Mỹ Đức		
8	Quán Trẽ, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	2022-2025	3877/QĐ-UBND 26/10/2022	20.000	13.486	1	13.400	5.000	8.400	1	8.400												1	13.400	1	UBND huyện Mỹ Đức		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh				CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt								
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: NL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
9	Đình làng Cầu, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	2022-2025	3878/QĐ-UBND 26/10/2022	20.000	15.763	1	15.700	5.000	10.700	1	10.700												1	15.700	1	UBND huyện Mỹ Đức			
10	Đền Hưng Nông	2023-2025	3350/QĐ-UBND 13/10/2023	20.000	15.747	1	15.400	7.500	7.900	1	7.900												1	15.400	1	UBND huyện Mỹ Đức			
11	Đền An Duyệt	2023-2025	3349/QĐ-UBND 13/10/2023	20.000	15.167	1	15.100	7.500	7.600	1	7.600												1	15.100	1	UBND huyện Mỹ Đức			
12	Đền Thượng Tiết	2023-2025	3546/QĐ-UBND 30/10/2023	20.000	17.143	1	17.100	7.000	10.100	1	10.100												1	17.100	1	UBND huyện Mỹ Đức			
13	Chùa Khánh Long (chùa Áng Hạ), xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	2022-2025	4133/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	20.000	16.967	1	16.900	6.500	10.400	1	10.400												1	16.900	1	UBND huyện Mỹ Đức			
14	Chùa thôn Thượng, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức	2022-2025	5011/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	20.000	15.620	1	15.500	5.000	10.500	1	10.500												1	15.500	1	UBND huyện Mỹ Đức			
15	Đền Văn Mộng, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	2022-2025	3879/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	40.000	32.679	1	32.500	11.000	21.500	1	21.500												1	32.500	1	UBND huyện Mỹ Đức			
16	Chùa Hàm Long (chùa Khê Bộ), xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	2022-2025	3875/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	40.000	33.068	1	33.000	11.000	22.000	1	22.000												1	33.000	1	UBND huyện Mỹ Đức			
17	Quán Ông/Đền Thông, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	2022-2025	3855/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	40.000	32.365	1	32.300	13.300	19.000	1	19.000												1	32.300	1	UBND huyện Mỹ Đức			
18	Đền La Mai, xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	2023-2025	2889/QĐ-UBND 06/6/2024	7.000	5.559	1	5.500	2.000	3.500	1	3.500												1	5.500	1	UBND huyện Mỹ Đức			
19	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Áng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	2023-2025	2444/QĐ-UBND 23/5/2024	26.000	19.513	1	22.000	6.000	13.500	1	13.500			-2.500			1	-2.500	1	-2.500			1	19.500	1	UBND huyện Mỹ Đức			
20	Đình Thượng Lâm, xã Thượng Lâm	2023-2025	CT- 445/QĐ-UBND 24/3/2023; DA-4870/QĐ-UBND 06/9/2024	18.000	14.739	1	17.000		14.500	1	14.500			-2.500			1	-2.500	1	-2.500			1	14.500	1	UBND huyện Mỹ Đức			
21	Đình Đông Bình	2024-2025	CT- 1919/QĐ-UBND 25/4/2024; DA-4020/QĐ-UBND 22/7/2024	6.000	5.008	1	5.100		5.000	1	5.000			-100			1	-100	1	-100			1	5.000	1	UBND huyện Mỹ Đức			
22	Đền Thượng (Quán Trục), xã Bội Xuyên	2024-2026	CT-3177/QĐ-UBND 25/6/2024; DA-5758/QĐ-UBND 17/10/2024	19.717	15.227	1	4.250		11.650	1	11.650			7.400	1	7.400							1	11.650		UBND huyện Mỹ Đức			
23	Đình Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	2023-2025	CT: 165/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; DA- 3148/QĐ-UBND 21/6/2024	20.000	15.257	1	7.500		7.500	1	7.500												1	7.500		UBND huyện Mỹ Đức			
24	Quán Sỏi, xã Phúc Lâm	2024-2026	CT-2746/QĐ-UBND 31/5/2024; DA - 6005/QĐ-UBND 01/11/2024	20.000	16.281	1	7.500		7.500	1	7.500												1	7.500		UBND huyện Mỹ Đức			

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
25	Đình Hạ (đình Hạ Khám Lâm), xã Phúc Lâm	2024-2026	CT-3005/QĐ-UBND 15/6/2024; DA - 5757/QĐ-UBND 17/10/2024	20.000	16.089	1	7.500		7.500	1	7.500												1	7.500		UBND huyện Mỹ Đức	
	- Dự án chưa bổ trí vốn			51.800	43.014	3	48.500							-48.500			3	-48.500			3	-48.500					
	+ Dự án GD 2021-2025 chưa bổ trí vốn			51.800	43.014	3	48.500							-48.500			3	-48.500			3	-48.500					
1	Đền Phúc Khê	2024-2026	CT- 4857/QĐ-UBND 06/9/2024	28.800	23.514	1	29.000							-29.000			1	-29.000			1	-29.000				UBND huyện Mỹ Đức	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
2	Đình Bọt Xuyên	2022-2024	CT-2745/QĐ-UBND 31/5/2024	20.000	17.000	1	17.000							-17.000			1	-17.000			1	-17.000				UBND huyện Mỹ Đức	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
3	Đền Trinh Tiết (Đền Giếng)	2023-2025	3877/QĐ-UBND 26/10/2022; CT-3038/QĐ-UBND 03/10/2023	3.000	2.500	1	2.500							-2.500			1	-2.500			1	-2.500				UBND huyện Mỹ Đức	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
*	PHÚ XUYỀN			691.217	555.016	36	529.765	386.665	131.050	16	131.050			-13.000	1	1.100	2	-14.100	1	-1.100	1	-13.000	35	516.765	34		
	- Dự án đã quyết toán																										
	- Dự án đã bổ trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			672.569	541.543	35	516.765	386.665	131.050	16	131.050			1	1.100	1	-1.100	1	-1.100				35	516.765	34		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			354.080	290.508	19	283.300	283.300														19	283.300	19			
1	Tu bổ, tôn tạo Đình Phú Nhiêu	2022-2024	1244/QĐ-UBND 15/3/2022; 1561/BQLDA 14/11/2022	17.936	14.963	1	11.000	11.000															1	11.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
2	Tu bổ tôn tạo Đình Thượng Nghĩa Lập	2022-2024	1185/QĐ-UBND 11/3/2022	18.857	15.187	1	15.100	15.100															1	15.100	1	UBND huyện Phú Xuyên	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cổ Châu	2022-2024	1176/QĐ-UBND 11/3/2022	14.828	11.709	1	11.700	11.700															1	11.700	1	UBND huyện Phú Xuyên	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Kiêu Đông	2022-2024	1175/QĐ-UBND 11/3/2022	12.520	10.438	1	10.400	10.400															1	10.400	1	UBND huyện Phú Xuyên	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Nhân Vực	2022-2024	1177/QĐ-UBND 11/3/2022; 1142/QĐ-BQLDA 06/9/2022	19.919	17.065	1	16.900	16.900															1	16.900	1	UBND huyện Phú Xuyên	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình An Cốc Hạ, xã Hồng Minh	2022-2024	2829/QĐ-UBND 14/6/2022; 1568/QĐ-BQLDA 14/11/2022	19.890	17.633	1	17.000	17.000															1	17.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Tu bổ, tôn tạo đình chùa Đại Đồng Đông	2022-2024	2901/QĐ-UBND 17/6/2022	14.348	11.509	1	11.500	11.500															1	11.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
8	Tu bổ, tôn tạo chùa Ngọc Âm Tự (chùa Lạt Dương)	2022-2024	2902/QĐ-UBND 12/6/2022	14.541	11.620	1	11.500	11.500															1	11.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số DA	KHV	Số DA					KHV	Số DA	KHV	Số DA		KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thường Xuyên, xã Đại Xuyên	2022-2024	2828/QĐ-UBND 01/6/2022	19.948	16.622	1	16.000	16.000															1	16.000	1	UBND huyện Phú Xuyên		
10	Tu bổ, tôn tạo chùa Chùa Bối Khê, xã Chuyền Mỹ	2022-2024	2900/QĐ-UBND 17/6/2022; 1506/QĐ-BQLDA 03/11/2022	19.376	15.674	1	15.600	15.600															1	15.600	1	UBND huyện Phú Xuyên		
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cổ Chế xã Phúc Tiến	2022-2024	5147/QĐ-UBND 26/10/2022	24.299	19.581	1	19.000	19.000															1	19.000	1	UBND huyện Phú Xuyên		
12	Tu bổ, tôn tạo Đình Kim Quy, thôn Kim Quy, xã Minh Tân	2022-2024	1427/QĐ-UBND; 05/5/2023; 829/QĐ-BQLDA 01/11/2023	19.891	16.226	1	16.200	16.200															1	16.200	1	UBND huyện Phú Xuyên		
13	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Mễ xã Quang Lăng	2022-2024	1325/QĐ-UBND; 25/4/2023; 769/QĐ-BQLDA 16/10/2023	19.987	17.179	1	17.100	17.100															1	17.100	1	UBND huyện Phú Xuyên		
14	Tu bổ, tôn tạo Chùa Chổ Am thôn Cát Bì, xã Nam Tiến	2022-2024	1571/QĐ-UBND 15/5/2023; 836/QĐ-UBND 02/11/2023	19.922	16.595	1	16.500	16.500															1	16.500	1	UBND huyện Phú Xuyên		
15	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Đa Chắt, thôn Đa Chắt, xã Đại Xuyên	2022-2024	5515/QĐ-UBND 19/11/2022	19.986	15.000	1	15.000	15.000															1	15.000	1	UBND huyện Phú Xuyên		
16	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thượng Điện Yết xã Hồng Thái	2023-2024	5457/QĐ-UBND; 16/11/2022	19.691	14.853	1	14.800	14.800															1	14.800	1	UBND huyện Phú Xuyên		
17	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Trí Chi	2023-2024	1926/QĐ-UBND 26/5/2023	19.056	16.478	1	16.400	16.400															1	16.400	1	UBND huyện Phú Xuyên		
18	Tu bổ, tôn tạo Đình Thần Quy, thôn Thần Quy, xã Minh Tân	2022-2024	5239/QĐ-UBND 01/11/2022	19.727	15.500	1	15.000	15.000															1	15.000	1	UBND huyện Phú Xuyên		
19	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Trí Chi, xã Trí Trung	2023-2024	5433/QĐ-UBND 14/11/2022	19.358	16.676	1	16.600	16.600															1	16.600	1	UBND huyện Phú Xuyên		
	+ Dự án đang triển khai			318.489	251.035	16	233.465	103.365	131.050	16	131.050					1	1.100	1	-1.100	1	-1.100			16	233.465	15		
1	Tu bổ, tôn tạo đình Nam Phú, thôn Nam Phú, xã Nam Phong	2022-2025	5514/QĐ-UBND 19/11/2022; 5314/QĐ-UBND 26/11/2024	15.544	12.365	1	12.365	12.365	950	1	950												1	12.365	1	UBND huyện Phú Xuyên	DA không giải ngân hết vốn năm 2023. Đã hoàn trả NSTP 950 triệu đồng. Bỏ trị lại KHV năm 2025 là 950 triệu đồng. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phong Triều, xã Nam Triều	2023-2025	6058/QĐ-UBND 14/11/2023; 5219/QĐ-UBND 20/11/2024	18.402	14.813	1	14.800	5.000	9.800	1	9.800												1	14.800	1	UBND huyện Phú Xuyên		
3	Tu bổ, tôn tạo đình làng thôn Sáo Thượng	2023-2025	5434/QĐ-UBND 15/11/2022; 5039/QĐ-UBND 11/11/2024	19.590	17.371	1	17.300	7.000	10.300	1	10.300												1	17.300	1	UBND huyện Phú Xuyên		

TT	Tên dự án	Năm KC-IT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Giề Hạ, thôn Giề Hạ, xã Phú Yên	2023-2025	5183/QĐ-UBND 28/10/2022; 5218/QĐ-UBND 20/11/2024	19.961	15.462	1	15.000	7.000	8.000	1	8.000												1	15.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Giề Thượng, thôn Giề Thượng, xã Phú Yên	2023-2025	5208/QĐ-UBND 28/10/2022; 5247/QĐ-UBND 21/11/2024	18.619	14.916	1	14.000	7.000	7.000	1	7.000												1	14.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phương Vũ, xã Phương Dục	2024-2025	740/QĐ-UBND 27/02/2024	25.345	19.976	1	19.000	10.000	9.000	1	9.000												1	19.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Tu bổ tôn tạo đền Đền Phúc Lâm	2024-2025	2903/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	18.932	15.060	1	13.000	5.000	8.000	1	8.000												1	13.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
8	Tu bổ tôn tạo di tích đình Lưu Xá, xã Phú Túc	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022; 709/QĐ-UBND 21/02/2024	21.305	14.648	1	14.000	7.000	7.000	1	7.000												1	14.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
9	Tu bổ, tôn tạo miếu Lưu Xá, xã Phú Túc	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022; 774/QĐ-UBND 29/02/2024	13.023	9.527	1	9.500	5.000	4.500	1	4.500												1	9.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
10	Tu bổ tôn tạo di tích đình Vĩnh Hạ, xã Khai Thái	2024-2025	2075/QĐ-UBND ngày 6/6/2023	17.913	14.860	1	14.800	5.000	9.800	1	9.800												1	14.800	1	UBND huyện Phú Xuyên	
11	Tu bổ tôn tạo di tích đình Thủy Trú, xã Bạch Hạ	2023-2025	3426/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	23.000	18.566	1	18.200	7.000	11.200	1	11.200												1	18.200	1	UBND huyện Phú Xuyên	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Tri Thủy, xã Tri Thủy	2023-2025	2076/QĐ-UBND ngày 6/6/2023	22.000	18.127	1	18.000	6.000	12.000	1	12.000												1	18.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
13	Tu bổ, tôn tạo đình chùa Ngải Khê	2024-2025	1247/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	28.613	23.224	1	23.000	10.000	13.000	1	13.000												1	23.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích đền bà Ả Lanh	2023-2025	2512/QĐ-UBND 05/6/2024; 5031/QĐ-UBND 11/11/2024	14.773	9.964	1	11.000	5.000	4.900	1	4.900			-1.100			1	-1.100	1	-1.100			1	9.900	1	UBND huyện Phú Xuyên	
15	Tu bổ tôn tạo di tích Miếu Đông, xã Khai Thái	2024-2025	2835/QĐ-UBND 19/6/2024	15.000	12.405	1	12.000	5.000	7.000	1	7.000												1	12.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Đồi	2024-2025	4821/QĐ-UBND 28/10/2024	26.469	19.751	1	7.500		8.600	1	8.600			1.100	1	1.100							1	8.600		UBND huyện Phú Xuyên	
	- Dự án chưa bố trí vốn			18.648	13.473	1	13.000							-13.000			1	-13.000			1	-13.000					
	+ Dự án GD 2021-2025 chưa bố trí vốn			18.648	13.473	1	13.000							-13.000			1	-13.000			1	-13.000					
1	Tu bổ tôn tạo Miếu Phong Triều	2023-2025	02/NQ-HĐND 28/4/2022	18.648	13.473	1	13.000							-13.000			1	-13.000			1	-13.000				UBND huyện Phú Xuyên	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cổ Trai	2023-2024	1094/QĐ-UBND 25/3/2024	19.955	13.569																					UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Tổ nghề Khảm	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	17.525	12.662																					UBND huyện Phú Xuyên		
3	Tu bổ tôn tạo đình Phú Túc (xóm 2)	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	17.664	12.011																					UBND huyện Phú Xuyên		
4	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Đồng Tiến	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	19.250	13.090																					UBND huyện Phú Xuyên		
5	Tu bổ tôn tạo chùa Phương Vũ	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	19.150	13.022																					UBND huyện Phú Xuyên		
6	Tu bổ tôn tạo đền Thọ Vực	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	20.500	13.940																					UBND huyện Phú Xuyên		
*	PHÚC THỌ			923.975	771.736	44	752.490	525.810	224.700	22	224.700				-1.980	2	6.000	3	-7.980	3	-7.980			44	750.510	44		
	- Dự án đã quyết toán			93.755	79.687	5	74.980	73.000							-1.980			2	-1.980	2	-1.980			5	73.000	5		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thuận Nhuê Nội	2022-2024	903/QĐ-UBND 09/3/2022; 5065/QĐ-UBND 22/10/2024	20.607	17.622	1	17.000	17.000															1	17.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Phú quận công Nguyễn Ngọc Tri, xã Hát Môn	2022-2024	3117/QĐ-UBND 15/8/2022; 4179/QĐ-UBND 01/11/2022	12.047	9.628	1	9.000	9.000															1	9.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Ngọc Tảo, xã Ngọc Tảo	2022-2024	3078/QĐ-UBND 11/8/2022	20.735	18.092	1	15.000	15.000															1	15.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phúc Lộc, xã Sen Phương	2020-2024	2531/QĐ-UBND 10/7/2023	23.381	20.667	1	20.480	19.000						-1.480			1	-1.480	1	-1.480			1	19.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hiệp Lộc, xã Hiệp Thuận	2022-2024	3080/QĐ-UBND 11/8/2022	16.985	13.678	1	13.500	13.000						-500			1	-500	1	-500			1	13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		
	- Dự án đã bổ trù hết KHV' trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			830.220	692.049	39	677.510	452.810	224.700	22	224.700					2	6.000	1	-6.000	1	-6.000			39	677.510	39		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			287.326	241.778	12	236.020	236.020															12	236.020	12			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Vông Ngoại, xã Vông Xuyên	2022-2024	2182/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	11.238	9.161	1	8.960	8.960															1	8.960	1	UBND huyện Phúc Thọ		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hiếu Hiệp, xã Liên Hiệp	2022-2024	3060/QĐ-UBND 11/8/2022	18.882	15.116	1	13.000	13.000															1	13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình An Phú, xã Trạch Mỹ Lộc	2022-2024	3110/QĐ-UBND 15/8/2022	8.155	6.795	1	6.000	6.000															1	6.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Cầu Trô, thị trấn Phúc Thọ	2022-2024	3077/QĐ-UBND 11/8/2022	40.055	32.828	1	32.000	32.000															1	32.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Văn Cốc (Giai đoạn 1) xã Văn Phúc	2021-2024	2769/QĐ-UBND 26/7/2023	53.723	48.372	1	47.600	47.600															1	47.600	1	UBND huyện Phúc Thọ		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, chùa Hương Tảo xã Ngọc Tảo	2022-2024	3647/QĐ-UBND 15/11/2021	34.070	28.991	1	28.900	28.900															1	28.900	1	UBND huyện Phúc Thọ		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hiệp Thuận (chùa Bà Tề)	2022-2024	904/QĐ-UBND 09/3/2022	34.270	28.210	1	28.000	28.000															1	28.000	1	UBND huyện Phúc Thọ		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: NL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
4	Tu bổ, tôn tạo Đền Long Đại	2022-2024	2337/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	16.341	13.830	1	13.800	13.800															1	13.800	1	UBND huyện Phúc Thọ	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Tây, xã Phụng Thượng	2022-2024	2235/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	17.663	14.226	1	13.960	13.960															1	13.960	1	UBND huyện Phúc Thọ	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thanh Chiếu, xã Sen Phương	2022-2024	2236/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	24.000	20.671	1	20.600	20.600															1	20.600	1	UBND huyện Phúc Thọ	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Cung Sơn, xã Tích Giang	2022-2024	3116/QĐ-UBND 15/8/2022	12.019	9.363	1	9.000	9.000															1	9.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, chùa Đông Huỳnh, xã Sen Phương	2023-2025	1738/QĐ-UBND 19/5/2023	16.910	14.215	1	14.200	14.200															1	14.200	1	UBND huyện Phúc Thọ	
	+ Dự án đang triển khai			542.894	450.271	27	441.490	216.790	224.700	22	224.700				2	6.000	1	-6.000	1	-6.000			27	441.490	27		
																	1										
1	Tu bổ, tôn tạo Quán Bà và Đình Bách Lộc, xã Thọ Lộc	2022-2024	2206/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	10.329	8.484	1	8.090	8.090															1	8.090	1	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Trong, Đền Ngoài, xã Hiệp Thuận	2023-2025	4319/QĐ-UBND 15/11/2022	19.313	15.427	1	14.000	14.000															1	14.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hương Vĩnh	2022-2024	4321/QĐ-UBND 15/11/2022	14.294	11.436	1	11.000	11.000															1	11.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phú Châu, xã Xuân Đình	2023-2025	3081/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	22.779	19.869	1	19.300	19.300															1	19.300	1	UBND huyện Phúc Thọ	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hòa Thôn, xã Tam Hiệp	2023-2025	3090/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	17.659	15.409	1	14.900	14.900															1	14.900	1	UBND huyện Phúc Thọ	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Bảo Vệ, xã Long Xuyên	2023-2025	4867/QĐ-UBND 27/10/2023	11.467	9.609	1	8.400	7.000	1.400	1	1.400												1	8.400	1	UBND huyện Phúc Thọ	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Kim Lũ	2023-2025	4872/QĐ-UBND 27/10/2023	16.658	13.776	1	13.300	10.500	2.800	1	2.800												1	13.300	1	UBND huyện Phúc Thọ	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thượng Cốc	2023-2025	4873/QĐ-UBND 27/10/2023	29.224	24.197	1	23.800	12.000	11.800	1	11.800												1	23.800	1	UBND huyện Phúc Thọ	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ân Phú, xã Xuân Đình	2023-2025	3228/QĐ-UBND 24/8/2023	23.719	19.917	1	18.000	9.500	8.500	1	8.500												1	18.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Giáo Hạ, xã Ngọc Tảo	2023-2025	995/QĐ-UBND 24/02/2024	21.371	17.371	1	17.300	6.000	11.300	1	11.300												1	17.300	1	UBND huyện Phúc Thọ	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Thuận Mỹ, xã Trạch Mỹ Lộc	2023-2025	17/NQ-HĐND ngày 19/7/2021; 967/QĐ-UBND 23/02/2024	19.636	15.809	1	15.800	6.000	9.800	1	9.800												1	15.800	1	UBND huyện Phúc Thọ	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Sen Chiếu, xã Sen Phương	2023-2025	20/NQ-HĐND 15/12/2022; 879/QĐ-UBND 16/02/2024	23.569	19.254	1	19.000	7.000	12.000	1	12.000												1	19.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hương Vĩnh, xã Ngọc Tảo	2023-2025	4299/QĐ-UBND 29/9/2023	22.613	19.182	1	19.100	7.000	12.100	1	12.100												1	19.100	1	UBND huyện Phúc Thọ	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo đổi: Giám KHV các DA chuyển tiếp		Tráo đổi: Giám danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo đổi: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
14	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nứa, xã Phụng Thượng	2023-2025	1789/QĐ-UBND 26/5/2022; 1184/QĐ-BQLDA 07/10/2024 (TKBVTC)	19.254	15.370	1	21.300	8.000	7.300	1	7.300			-6.000			1	-6.000	1	-6.000			1	15.300	1	UBND huyện Phúc Thọ	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Ân Phú xã Xuân Đình	2023-2025	3117/QĐ-UBND 16/8/2023	24.078	20.119	1	20.100	7.000	13.100	1	13.100												1	20.100	1	UBND huyện Phúc Thọ	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cung Sơn, xã Tích Giang	2024-2026	3109/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; 3796/QĐ-UBND 25/7/2024 (TKBVTC)	13.643	11.014	1	6.000	2.000	9.000	1	9.000			5.000	1	5.000							1	11.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Ba Giai, xã Tam Hiệp	2023-2025	6235/QĐ-UBND 19/12/2023	12.683	10.179	1	10.100	4.000	6.100	1	6.100												1	10.100	1	UBND huyện Phúc Thọ	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Tuy Lộc xã Trạch Mỹ Lộc	2022-2025	4320/QĐ-UBND 15/11/2022; 4943/QĐ-UBND 09/10/2024	17.900	14.386	1	14.300	5.000	9.300	1	9.300												1	14.300	1	UBND huyện Phúc Thọ	
19	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thanh Phần	2024-2026	996/QĐ-UBND 24/02/2024	27.493	22.650	1	22.600	8.000	14.600	1	14.600												1	22.600	1	UBND huyện Phúc Thọ	
20	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lục Xuân xã Vòng Xuyên	2023-2025	2591/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	14.845	11.920	1	11.900	4.000	7.900	1	7.900												1	11.900	1	UBND huyện Phúc Thọ	
21	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Doanh Bảng, xã Phụng Thượng	2023-2025	1790/QĐ-UBND 26/5/2023	11.622	8.415	1	8.400	3.000	5.400	1	5.400												1	8.400	1	UBND huyện Phúc Thọ	
22	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Quế Lâm, xã Hiệp Thuận	2023-2025	3424/QĐ-UBND 30/8/2023	11.569	9.792	1	9.700	3.000	6.700	1	6.700												1	9.700	1	UBND huyện Phúc Thọ	
23	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Kỳ Úc, thị trấn Phúc Thọ	2023-2025	3590/QĐ-UBND 08/9/2023	17.715	15.128	1	15.000	5.000	10.000	1	10.000												1	15.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
24	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Bảo Lâm, xã Hát Môn	2023-2025	4748/QĐ-UBND 28/10/2023	49.095	41.583	1	41.500	15.000	26.500	1	26.500												1	41.500	1	UBND huyện Phúc Thọ	
25	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Phương Độ, xã Sen Phương	2024-2026	997/QĐ-UBND 24/02/2024	17.138	14.236	1	14.000	4.000	10.000	1	10.000												1	14.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
26	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Độ, xã Sen Phương	2024-2026	970/QĐ-UBND 23/02/2024; 849/QĐ-BQLDA 25/7/2024	27.339	23.760	1	22.700	6.500	17.200	1	17.200			1.000	1	1.000							1	23.700	1	UBND huyện Phúc Thọ	
27	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Triệu Xuyên, xã Long Xuyên	2023-2025	3591/QĐ-UBND 08/9/2023	25.889	21.979	1	21.900	10.000	11.900	1	11.900												1	21.900	1	UBND huyện Phúc Thọ	
	- Dự án chưa bổ trí vốn																										
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Chùa Phúc Trạch		2181/QĐ-UBND 13/5/2024	10.031	8.029																					UBND huyện Phúc Thọ	
*	QUỐC OAI			425.397	341.342	19	300.650	146.400	154.250	12	154.250				2	2.300	2	-2.300	2	-2.300			19	300.650	19		
	- Dự án đã quyết toán			14.689	12.443	1	6.400	6.400															1	6.400	1		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình đền phố Huyện (đình - đền Phú Quốc, thị trấn Quốc Oai)	2020-2022	5413/QĐ-UBND 24/11/2020	14.689	12.443	1	6.400	6.400															1	6.400	1	UBND huyện Quốc Oai	
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			373.724	299.017	17	262.250	140.000	124.450	11	124.450			2.200	2	2.300	1	-100	1	-100			17	264.450	17		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			83.091	56.844	5	54.700	54.700															5	54.700	5		
1	Tu bổ, tôn tạo Đình Ngọc Phúc, xã Ngọc Liệp	2022 - 2024	4467/QĐ-UBND 08/6/2022	18.088	10.541	1	8.600	8.600															1	8.600	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Liệp Mai, xã Ngọc Liệp	2021-2023	644/QĐ-UBND 07/3/2022	14.899	9.434	1	9.400	9.400															1	9.400	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hoa Quan (giai đoạn 2), thị trấn Quốc Oai	2022-2024	4472/QĐ-UBND 10/6/2022	14.974	12.887	1	12.800	12.800															1	12.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Tu bổ, tôn tạo Đình Đồng Hạ, xã Đông Yên	2022 - 2024	4466/QĐ-UBND 08/6/2022; 18/NQ-HĐND 15/12/2022	18.701	10.362	1	10.300	10.300															1	10.300	1	UBND huyện Quốc Oai	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thế Trụ và Tứ chi thôn Văn Quang, xã Nghĩa Hương	2023-2024	6814/QĐ-UBND 10/10/2022; 85/QĐ-QLDA 06/6/2023	16.429	13.620	1	13.600	13.600															1	13.600	1	UBND huyện Quốc Oai	
	+ Dự án đang triển khai			290.633	242.173	12	207.550	85.300	124.450	11	124.450			2.200	2	2.300	1	-100	1	-100			12	209.750	12		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Yên Nội (chùa Báo Ân), xã Đông Quang, huyện Quốc Oai	2022 - 2024	308/QĐ-UBND 17/01/2022; 15/NQ-HĐND 22/9/2023	36.542	31.947	1	18.300	18.300															1	18.300	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Tu tôn tạo di tích đình Quán Hạ (Quán dưới), xã Đông Quang	2023-2025	4893/QĐ-UBND 20/10/2023	20.753	17.582	1	17.500	5.000	12.500	1	12.500												1	17.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cù Sơn Trung, xã Yên Sơn	2023-2025	4894/QĐ-UBND 20/10/2023	18.709	15.244	1	15.200	5.000	10.200	1	10.200												1	15.200	1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Tinh Lam, xã Đại Thành	2023-2025	4892/QĐ-UBND 20/10/2023	23.083	19.621	1	19.500	6.000	13.500	1	13.500												1	19.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Nội, xã Đông Quang, huyện Quốc Oai	2022-2025	4704/QĐ-UBND 13/10/2023; 3644/QĐ-UBND 19/6/2024; 155/QĐ-QLDA 01/6/2024	19.417	16.559	1	14.500	10.000	6.500	1	6.500			2.000	1	2.000							1	16.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Thượng (Quán trên) xã Đông Quang, huyện Quốc Oai	2023-2025	5872/QĐ-UBND 27/11/2023	14.851	11.842	1	11.800	5.000	6.800	1	6.800												1	11.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Văn Quang (chùa Hưng Phúc), xã Nghĩa Hương	2022 - 2025	5613/QĐ-UBND 13/11/2023; 6739/QĐ-UBND 26/10/2024	21.617	18.390	1	18.300	6.000	12.300	1	12.300												1	18.300	1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng cộng	Tăng		Giảm		Trước: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Trước: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Trước: XL + TB					Số DA	KHV			Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
8	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thông Đạt, xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	2024-2025	5598/QĐ-UBND 08/11/2023; 559/QĐ-QLDA 21/11/2024	35.870	29.638	1	28.700	8.000	21.000	1	21.000			300	1	300							1	29.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
9	Tu bổ tôn tạo di tích đình Cấn Hạ, xã Cấn Hữu	2023-2025	4897/QĐ-UBND 20/10/2023	21.427	18.430	1	12.000	7.000	5.000	1	5.000												1	12.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hòa Mục, xã Hòa Thạch	Hết năm 2025	43/QĐ-UBND 12/01/2023; 7582/QĐ-UBND 29/12/2023	21.677	19.444	1	10.350	7.000	3.350	1	3.350												1	10.350	1	UBND huyện Quốc Oai	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bái Nội, xã Liệp Tuyết	2023-2025	5599/QĐ-UBND 08/11/2023	32.802	27.171	1	25.000	8.000	17.000	1	17.000												1	25.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hạ Hòa, xã Tân Phú	2023-2025	3448/QĐ-UBND 11/6/2024	23.885	16.305	1	16.400		16.300	1	16.300			-100			1	-100	1	-100			1	16.300	1	UBND huyện Quốc Oai	
	- Dự án chưa bố trí vốn			36.984	29.882	1	32.000		29.800	1	29.800			-2.200			1	-2.200	1	-2.200			1	29.800	1		
	+ Dự án GD 2021-2025 chưa bố trí vốn			36.984	29.882	1	32.000		29.800	1	29.800			-2.200			1	-2.200	1	-2.200			1	29.800	1		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cấn Thượng, xã Cấn Hữu	2022 - 2025	6630/QĐ-UBND 21/10/2024; 7236/QĐ-UBND 21/11/2024	36.984	29.882	1	32.000		29.800	1	29.800			-2.200			1	-2.200	1	-2.200			1	29.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Đình Yên Thái	2022 - 2024	26/NQ-HĐND 15/12/2023; 3066/QĐ-UBND 20/6/2024	17.426	14.812																					UBND huyện Quốc Oai	
*	SỐC SƠN			351.022	291.168	15	285.400	213.800	68.700	10	68.700			-2.900	2	900	4	-3.800	4	-3.800			15	282.500	15		
	- Dự án đã quyết toán			50.866	43.450	2	42.800	41.400						-1.400			2	-1.400	2	-1.400			2	41.400	2		
1	Tu bổ, tôn tạo đình làng Kim Thượng, xã Kim Lũ	2021-2024	4826/QĐ-UBND 04/11/2021; 619/QĐ-QLDA 22/9/2023; 7775/QĐ-UBND 15/11/2023	27.285	23.372	1	22.900	22.000						-900			1	-900	1	-900			1	22.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Tu bổ, tôn tạo đình Đức Hậu, xã Đức Hoà	2021-2024	5675/QĐ-UBND 07/12/2021; 618/QĐ-QLDA 22/9/2023; 7776/QĐ-UBND 15/11/2023	23.581	20.079	1	19.900	19.400						-500			1	-500	1	-500			1	19.400	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			300.156	247.717	13	242.600	172.400	68.700	10	68.700			-1.500	2	900	2	-2.400	2	-2.400			13	241.100	13		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			62.689	53.650	3	50.400	49.700						-700			1	-700	1	-700			3	49.700	3		
1	Tu bổ, tôn tạo đình làng Xuân Bách, xã Quang Tiến	2021-2024	4824/QĐ-UBND ngày 04/11/2021; 766/QĐ-QLDA 13/11/2023; 7774/QĐ-UBND 15/11/2023	14.105	12.496	1	9.400	9.400															1	9.400	1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo đổi: Giám KHV các DA chuyển tiếp		Tráo đổi: Giám danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo đổi: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
2	Tu bổ, tôn tạo đình Phú Xá Đoài, xã Phú Minh	2021-2024	5677/QĐ-UBND 07/12/2021; 613/QĐ-QLDA 20/9/2023; 7773/QĐ-UBND 15/11/2023	39.300	33.828	1	33.700	33.000						-700			1	-700	1	-700			1	33.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Tu bổ, tôn tạo đền Thụy Hương, xã Phú Cường	2022-2025	2512/QĐ-UBND 27/4/2023	9.284	7.326	1	7.300	7.300															1	7.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	+ Dự án đang triển khai			237.467	194.067	10	192.200	122.700	68.700	10	68.700			-800	2	900	1	-1.700	1	-1.700			10	191.400	10		
1	Tu bổ, tôn tạo đình Báng, xã Nam Sơn	2021-2025	8825/QĐ-UBND 10/11/2022; 7843/QĐ-UBND 07/11/2024	19.589	15.767	1	15.700	12.700	1.300	1	1.300			-1.700			1	-1.700	1	-1.700			1	14.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Tu bổ, tôn tạo đình Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	2023-2025	7695/QĐ-UBND 10/11/2023; 813/QĐ-QLDA 14/10/2024	34.726	29.779	1	29.400	15.000	14.700	1	14.700			300	1	300							1	29.700	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Tu bổ, tôn tạo đền Hương Gia, xã Phú Cường	2022-2026	3181/QĐ-UBND 30/5/2023	33.206	26.941	1	26.900	18.000	8.900	1	8.900												1	26.900	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Tu bổ, tôn tạo đền Bả, xã Xuân Thu	2022-2026	9914/QĐ-UBND 12/12/2022	22.000	17.734	1	17.700	10.000	7.700	1	7.700												1	17.700	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Tu bổ, tôn tạo đền Cá, xã Đông Xuân	2022-2026	3182/QĐ-UBND 30/5/2023	28.280	22.875	1	22.800	12.000	10.800	1	10.800												1	22.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Tu bổ, tôn tạo đền Chôi, xã Đông Xuân	2022-2026	9913/QĐ-UBND 12/12/2022	22.000	17.729	1	17.500	10.000	7.500	1	7.500												1	17.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Tu bổ, tôn tạo chùa Phú Xá Đoài, xã Phú Minh	2023-2025	6872/QĐ-UBND 12/10/2023	20.900	17.319	1	17.300	10.000	7.300	1	7.300												1	17.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	
8	Tu bổ, tôn tạo Đình Lương Phúc, xã Việt Long	2021-2025	8107/QĐ-UBND 13/10/2022; 5136/QĐ-UBND 17/8/2023; 65/QĐ-QLDA 20/01/2024; 7677/QĐ-UBND 29/10/2024	21.210	18.081	1	17.400	15.000	3.000	1	3.000			600	1	600							1	18.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Tu bổ, tôn tạo đình Ninh Môn, xã Hiền Ninh	2023-2025	7768/QĐ-UBND 15/11/2023	15.317	12.162	1	12.000	10.000	2.000	1	2.000												1	12.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Trung, xã Đức Hòa	2023-2026	880/QĐ-UBND 07/02/2024	20.239	15.681	1	15.500	10.000	5.500	1	5.500												1	15.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	- Dự án chưa bố trí vốn																										
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Tu bổ, tôn tạo đình Hiền Lương, xã Hiền Ninh	2023-2025	65/NQ-HĐND 04/7/2023	25.600	20.618																					UBND huyện Sóc Sơn	
2	Tu bổ, tôn tạo đền Thanh Nhân, xã Thanh Xuân	2022-2025	77/NQ-HĐND 15/12/2023	25.573	20.675																					UBND huyện Sóc Sơn	
*	THẠCH THẮT			497.191	402.658	19	390.422	301.500	88.922	13	88.922				4	5.100	2	-5.100	2	-5.100			19	390.422	19		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025						Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt								
			Số DA	KHV	Số DA					KHV	Số DA	KHV	Số DA		KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
	- Dự án đã quyết toán																												
	- Dự án đã bổ trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			497.191	402.658	19	390.422	301.500	88.922	13	88.922				4	5.100	2	-5.100	2	-5.100			19	390.422	19				
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			146.335	112.742	5	109.400	109.400														5	109.400	5					
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Cao (Bảo Quốc Tự) xã Hạ Bàng	2022-2024	4493/QĐ-UBND 01/11/2021; 542/QĐ-BQLDA 17/6/2022	37.335	30.064	1	30.000	30.000														1	30.000	1	UBND huyện Thạch Thất				
2	Tu bổ, tôn tạo đình Bách Kim xã Phú Kim	2022-2024	4496/QĐ-UBND 01/11/2021; 817/QĐ-BQLDA 26/8/2022	35.000	26.220	1	25.000	25.000														1	25.000	1	UBND huyện Thạch Thất				
3	Tu bổ, tôn tạo Đình Yên Lỗ xã Cẩm Yên	2022-2024	2681/QĐ-UBND 17/3/2022; 835/QĐ-BQLDA 30/8/2022	28.000	21.499	1	20.500	20.500														1	20.500	1	UBND huyện Thạch Thất				
4	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Thúi Lai xã Phú Kim	2022-2024	2678/QĐ-UBND 15/3/2022; 830/QĐ-BQLDA 29/8/2022	23.000	16.550	1	15.500	15.500														1	15.500	1	UBND huyện Thạch Thất				
5	Tu bổ, tôn tạo chùa Nghiêm Quang thôn Phú Lễ xã Cẩm Kiem	2022-2024	2677/QĐ-UBND 15/3/2022	23.000	18.409	1	18.400	18.400														1	18.400	1	UBND huyện Thạch Thất				
	+ Dự án đang triển khai			350.856	289.916	14	281.022	192.100	88.922	13	88.922				4	5.100	2	-5.100	2	-5.100			14	281.022	14				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Trúc Động, xã Đồng Trúc	2022-2025	8104/QĐ-UBND 31/10/2022; 5356/QĐ-UBND 18/11/2024	35.000	28.117	1	26.400	18.000	8.400	1	8.400											1	26.400	1	UBND huyện Thạch Thất				
2	Xây dựng, tu bổ, tôn tạo di tích Đình Yên Lạc xã Cẩm Kiem	2022-2025	7731/QĐ-UBND 26/10/2022; 257/QĐ-BQLDA 12/5/2023; 5368/QĐ-UBND 19/11/2024	28.000	23.296	1	23.290	22.300	990	1	990											1	23.290	1	UBND huyện Thạch Thất				
3	Tu bổ, tôn tạo Đình Hữu Bàng	2023-2025	8742/QĐ-UBND 15/11/2022	43.600	35.458	1	35.000	31.000						-4.000			1	-4.000	1	-4.000		1	31.000	1	UBND huyện Thạch Thất				
4	Tu bổ, tôn tạo chùa Hữu Bàng	2022-2025	8741/QĐ-UBND 15/11/2022; 3380/QĐ-UBND 05/7/2024	25.000	20.095	1	20.000	10.000	10.000	1	10.000											1	20.000	1	UBND huyện Thạch Thất				
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Chàng Sơn	2022-2025	8527/QĐ-UBND 14/11/2022; 5391/QĐ-UBND 21/11/2024	14.925	11.918	1	11.900	6.500	4.300	1	4.300			-1.100			1	-1.100	1	-1.100		1	10.800	1	UBND huyện Thạch Thất				
6	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thấp, xã Hạ Bàng	2023-2025	8973/QĐ-UBND 22/11/2022; 391/QĐ-BQLDA 03/7/2023	25.952	22.228	1	22.200	20.000	2.200	1	2.200											1	22.200	1	UBND huyện Thạch Thất				
7	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Yên, xã Thạch Xá	2022-2025	707/QĐ-UBND 01/3/2023; 5377/QĐ-UBND 20/11/2024	18.000	14.932	1	14.932	14.500	432	1	432											1	14.932	1	UBND huyện Thạch Thất				

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đồng Táng, xã Đồng Trục	2023-2025	DA-5096/QĐ-UBND ngày 22/8/2023; TKKT-282/QĐ-UBND 02/12/2023; 5390/QĐ-UBND 21/11/2024	25.000	21.744	1	19.800	19.800	1.900	1	1.900			1.900	1	1.900							1	21.700	1	UBND huyện Thạch Thất	
9	Tu bổ, tôn tạo Đình Đại Đồng	2023-2025	DA-7599/QĐ-UBND ngày 24/10/2022; TKKT-613/QĐ-BQLDA 05/9/2024	19.997	17.002	1	15.700	7.500	9.400	1	9.400			1.200	1	1.200							1	16.900	1	UBND huyện Thạch Thất	
10	Tu bổ, tôn tạo chùa thôn Bến xã Dị Nậu	2023-2025	DA-1348/QĐ-UBND ngày 20/3/2023; TKKT-430/QĐ-BQLDA 09/7/2024	26.250	22.142	1	21.000	10.500	11.500	1	11.500			1.000	1	1.000							1	22.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
11	Tu bổ, tôn tạo đình Kim Quan xã Kim Quan	2023-2025	DA - 8271/QĐ-UBND ngày 04/11/2022; TKKT-325/QĐ-BQLDA 07/6/2024	23.832	20.218	1	19.000	9.500	10.500	1	10.500			1.000	1	1.000							1	20.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Long Cảnh xã Kim Quan	2024-2025	8270/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	24.500	19.586	1	19.500	9.500	10.000	1	10.000												1	19.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
13	Xây dựng, tu bổ, tôn tạo di tích Đình Lại Khánh, xã Lại Thượng	2024-2025	782/QĐ-UBND 05/02/2024	22.800	18.877	1	18.000	8.500	9.500	1	9.500												1	18.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích đình thôn Bến xã Dị Nậu	2022-2025	8787/QĐ-UBND 17/11/2022; 2695/QĐ-UBND 27/5/2024	18.000	14.303	1	14.300	4.500	9.800	1	9.800												1	14.300	1	UBND huyện Thạch Thất	
*	THANH OAI			783.152	655.919	32	566.080	394.880	171.200	11	136.900	2	34.300										32	566.080	31		
	- Dự án đã quyết toán			14.500	12.500	1	12.000	12.000															1	12.000	1		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Bà, xã Bình Minh	2022-2023	4710/QĐ-UBND 05/8/2022	14.500	12.500	1	12.000	12.000															1	12.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			768.652	643.419	31	554.080	382.880	171.200	11	136.900	2	34.300										31	554.080	30		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			166.773	139.773	10	139.380	139.380															10	139.380	10		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Khê Tang, xã Cự Khê	2022-2023	1161/QĐ-UBND 18/3/2022	11.879	9.423	1	9.400	9.400															1	9.400	1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Hoàng Trung, xã Hồng Dương	2023-2025	7280/QĐ-UBND 30/11/2022	16.000	13.676	1	13.600	13.600															1	13.600	1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Khê Tang Hạ, xã Cự Khê	2022-2024	6172/QĐ-UBND 27/10/2022	28.494	23.608	1	23.600	23.600															1	23.600	1	UBND huyện Thanh Oai	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cao Mật Hạ	2022-2024	5469/QĐ-UBND 27/9/2022	14.000	11.711	1	11.700	11.700															1	11.700	1	UBND huyện Thanh Oai	

TT	Tên dự án	Năm KC- HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021- 2025	KH 2021- 2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ- HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021- 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021- 2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt							
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Quan Nhân	2022- 2024	7279/QĐ-UBND 30/11/2022	31.000	27.010	1	27.000	27.000															1	27.000	1	UBND huyện Thanh Oai		
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cao Xá (Hạng mục tã, hữu mạc, đại bái, trung cung, hậu cung)	2022- 2024	335/QĐ-UBND 16/01/2023	15.000	12.475	1	12.400	12.400															1	12.400	1	UBND huyện Thanh Oai		
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Cao Mật Hạ, xã Thanh Cao	2022- 2024	5483/QĐ-UBND 27/9/2022	11.900	9.581	1	9.580	9.580															1	9.580	1	UBND huyện Thanh Oai		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Sinh Liên, xã Bình Minh	2023- 2024	6173/QĐ-UBND 27/10/2022	13.000	10.931	1	10.900	10.900															1	10.900	1	UBND huyện Thanh Oai		
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thanh Thản, xã Thanh Cao	2023- 2024	8480/QĐ-UBND 29/12/2022	15.500	12.872	1	12.800	12.800															1	12.800	1	UBND huyện Thanh Oai		
10	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Mộc Xá, xã Cao Dương	2023- 2024	2383/QĐ-UBND 10/4/2023	10.000	8.486	1	8.400	8.400															1	8.400	1	UBND huyện Thanh Oai		
	+ Dự án đang triển khai			601.879	503.646	21	414.700	243.500	171.200	11	136.900	2	34.300										21	414.700	20			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ước Lễ, xã Tân Ước	2023- 2024	1290/QĐ-UBND 16/3/2023	15.000	13.097	1	13.000	13.000															1	13.000	1	UBND huyện Thanh Oai		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Ngọc Đình, xã Hồng Dương	2023- 2024	1213/QĐ-UBND 08/3/2023	14.000	11.555	1	11.500	11.500															1	11.500	1	UBND huyện Thanh Oai		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Mỹ, xã Mỹ Hưng	2022- 2024	4527/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	18.500	15.356	1	15.300	15.300															1	15.300	1	UBND huyện Thanh Oai		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Thiên Đồng xã Mỹ Hưng	2023- 2024	8695/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	4.235	3.521	1	3.500	3.500															1	3.500	1	UBND huyện Thanh Oai		
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Bạch Nao, xã Thanh Văn	2023- 2024	11221/QĐ-UBND 26/10/2023	14.450	11.616	1	11.600	11.600															1	11.600	1	UBND huyện Thanh Oai		
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Dư Dụ, xã Thanh Thủy	2022- 2024	4926/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	16.600	14.281	1	14.200	14.200															1	14.200	1	UBND huyện Thanh Oai		
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Đan Thảm, xã Mỹ Hưng	2023- 2024	1518/QĐ-UBND 06/02/2024	16.200	12.138	1	12.100	12.100															1	12.100	1	UBND huyện Thanh Oai		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thị Nguyễn	2024- 2025	24/QĐ-HĐND ngày 16/12/2022; 12821/QĐ-UBND 28/11/2023	15.500	12.876	1	12.800	12.800															1	12.800	1	UBND huyện Thanh Oai		
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Minh Kha, xã Bình Minh	2022- 2023	827/QĐ-UBND 11/3/2022; 667/SVHTT-QLDSVH 23/02/2024	20.000	16.870	1	15.800	9.300	6.500			1	6.500										1	15.800	1	UBND huyện Thanh Oai		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
10	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Nga My Thượng, xã Thanh Mai	2022-2024	6702/QĐ-UBND 24/11/2022; 667/SVHTT-QLDSVH 23/02/2024	52.000	46.000	1	46.000	18.200	27.800				1	27.800									1	46.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Úc Lý (Vĩnh Quang Tự) xã Thanh Vân	2023-2025	11937/QĐ-UBND 01/11/2023	83.600	70.227	1	70.200	30.000	40.200	1	40.200												1	70.200	1	UBND huyện Thanh Oai	
12	Tu bổ tôn tạo di tích đình Rùa Thượng, xã Thanh Thủy	2023-2025	1679/QĐ-UBND 29/02/2024	20.000	14.253	1	14.200	10.000	4.200	1	4.200												1	14.200	1	UBND huyện Thanh Oai	
13	Tu bổ tôn tạo di tích đình Sinh Quả, xã Bình Minh	2023-2025	13291/QĐ-UBND 18/12/2023	22.800	19.050	1	19.000	13.000	6.000	1	6.000												1	19.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
14	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Bạch Nao, xã Thanh Vân	2023-2025	1799/QĐ-UBND 02/3/2024	19.000	16.132	1	16.100	11.000	5.100	1	5.100												1	16.100	1	UBND huyện Thanh Oai	
15	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình, miếu Ấng Phao, xã Cao Dương	2023-2025	04/QĐ-HĐND ngày 20/3/2023; 484/QĐ-UBND 20/01/2024	28.773	23.560	1	23.500	10.000	13.500	1	13.500												1	23.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
16	Tu bổ, tôn tạo đình Khê Tang thượng xã Cự Khê	2023-2025	04/QĐ-HĐND ngày 20/3/2023; 13596/QĐ-UBND 28/12/2023	22.221	18.068	1	18.000	11.000	7.000	1	7.000												1	18.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Văn Quán	2024-2025	07/NQ-HĐND 27/6/2023; 1798/QĐ-UBND 02/3/2024	24.000	20.174	1	20.000	10.000	10.000	1	10.000												1	20.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
18	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Cũ (Miếu Đồng cũ) xã Dân Hoà	2023-2025	11259/QĐ-UBND 27/10/2023	15.000	12.936	1	12.900	9.000	3.900	1	3.900												1	12.900	1	UBND huyện Thanh Oai	
19	Tu bổ tôn tạo di tích đình Dân Viên, xã Cao Viên	2023-2025	12008/QĐ-UBND 03/11/2023	15.000	12.561	1	12.500	9.000	3.500	1	3.500												1	12.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
20	Tu bổ tôn tạo di tích đình Văn Đồng, xã Xuân Dương	2023-2025	11074/QĐ-UBND 18/10/2023	15.000	12.516	1	12.500	9.000	3.500	1	3.500												1	12.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
21	Cải tạo, nâng cấp di tích đình Nội Bình Đa, huyện Thanh Oai	2023-2026	07/NQ-HĐND 27/6/2023; 6464/QĐ-UBND 30/8/2024	150.000	126.859	1	40.000		40.000	1	40.000												1	40.000		UBND huyện Thanh Oai	
	- Dự án chưa bổ trí vốn																										
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình An Khoái xã Dân Hòa	2024-2025	3218/QĐ-UBND 12/4/2024	19.900	16.320																					UBND huyện Thanh Oai	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thiến Đông	2024-2025	07/NQ-HĐND 27/6/2023	25.000	20.175																					UBND huyện Thanh Oai	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đồn Thư	2024-2025	4144/QĐ-UBND 15/5/2024	20.000	17.690																					UBND huyện Thanh Oai	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025						Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt								
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo6: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Đồn Thờ	2024-2025	3984/QĐ-UBND 14/5/2024	6.200	4.642																					UBND huyện Thanh Oai			
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phúc Thụy	2024-2025	07/NQ-HĐND 27/6/2023	18.500	14.585																					UBND huyện Thanh Oai			
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình My Dương	2024-2025	07/NQ-HĐND 27/6/2023	20.500	15.360																					UBND huyện Thanh Oai			
7	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thạch Nham	2023-2024	07/NQ-HĐND 27/6/2023	14.500	11.690																					UBND huyện Thanh Oai			
*	THANH TRÌ			499.591	397.397	25	138.280	102.580	18.700	4	18.700			-17.000			3	-17.000			3	-17.000	22	121.280	17				
	- Dự án đã quyết toán																												
	- Dự án đã bổ trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			422.976	352.344	22	121.280	102.580	18.700	4	18.700												22	121.280	17				
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			75.339	63.754	4	35.000	35.000															4	35.000	4				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình hữu Thanh Oai, xã Hữu Hòa	2022-2024	2162/QĐ-UBND ngày 06/7/21	5.782	4.915	1	3.000	3.000															1	3.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vạn Phúc, xã Vạn Phúc	2022-2024	678/QĐ-UBND 15/3/2022	10.893	9.259	1	5.000	5.000															1	5.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Quỳnh Đô (Linh Thống tự), xã Vĩnh Quỳnh	2022-2025	1794/QĐ-UBND ngày 18/06/2021	43.676	37.125	1	16.000	16.000															1	16.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì	2023-2025	630/QĐ-UBND 02/3/2023	14.988	12.456	1	11.000	11.000															1	11.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
	+ Dự án đang triển khai			347.637	288.590	18	86.280	67.580	18.700	4	18.700												18	86.280	13				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Đình Vĩnh Trung, xã Đại Áng	2023-2025	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; 4744/QĐ-UBND 29/9/2023	19.448	15.478	1	10.000	10.000															1	10.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phương Nhị, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì	2023-2025	5033/QĐ-UBND 12/10/2023	10.000	8.456	1	5.000	5.000															1	5.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nguyệt Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì	2023-2025	3288/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	9.919	8.253	1	4.000	4.000															1	4.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi	2023-2025	5696/QĐ-UBND 14/11/2023	9.984	8.307	1	4.000	4.000															1	4.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp	2024-2026	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; 4957/QĐ-UBND 09/10/2023	32.128	27.415	1	3.000	3.000															1	3.000	1	UBND huyện Thanh Trì			
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đại Áng	2024-2025	296/QĐ-UBND 26/01/2024	14.992	12.587	1	5.000	5.000															1	5.000	1	UBND huyện Thanh Trì			

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Hoành Sơn, xã Đại Áng	2024-2025	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; 8222/QĐ-UBND 29/12/2023	5.997	5.081	1	2.000	2.000															1	2.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nguyệt Áng, xã Đại Áng	2023-2025	365/QĐ-UBND 30/01/2024	17.187	13.684	1	2.000	2.000															1	2.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
9	Tu bổ, tôn tạo khu di tích Văn chỉ thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng	2023-2025	1811/QĐ-UBND 07/5/2024	14.500	11.453	1	5.000	5.000															1	5.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nhị Châu, xã Liên Ninh	2024-2026	2761/QĐ-UBND 30/5/2024	29.307	23.630	1	2.800	2.800															1	2.800	1	UBND huyện Thanh Trì	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Vạn Phúc (Chung Linh Tự), xã Vạn Phúc	2024-2026	2834/QĐ-UBND 04/6/2024	52.290	42.607	1	8.380	8.380															1	8.380		UBND huyện Thanh Trì	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích địa điểm chiến thắng Ngọc Hồi mùa xuân Kỷ Dậu (1789), xã Ngọc Hồi	2023-2026	278/QĐ-UBND 24/01/2024	48.436	41.225	1	10.800	10.800															1	10.800		UBND huyện Thanh Trì	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Nội Am, xã Liên Ninh	2024-2026	3400/QĐ-UBND 26/6/2024	9.000	7.461	1	2.800	2.800															1	2.800	1	UBND huyện Thanh Trì	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp	2024-2026	3652/QĐ-UBND 08/7/2024	14.279	11.341	1	2.800	2.800															1	2.800	1	UBND huyện Thanh Trì	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Ngô Thi Nhậm, xã Tả Thanh Oai	2024-2026	46/NQ-HĐND 14/11/2023; 5783/QĐ-UBND 14/11/2024	12.785	11.066	1	6.000		6.000	1	6.000												1	6.000		UBND huyện Thanh Trì	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi	2024-2026	09/NQ-HĐND 11/6/2024; 5785/QĐ-UBND 14/11/2024	11.956	10.237	1	2.800		2.800	1	2.800												1	2.800		UBND huyện Thanh Trì	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhị Châu, xã Liên Ninh, xã Liên Ninh	2023-2025	32/NQ-HĐND 14/7/2023; 5774/QĐ-UBND 14/11/2024	5.000	4.272	1	2.400		2.400	1	2.400												1	2.400	1	UBND huyện Thanh Trì	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Xá, xã Tân Triều	2024-2026	46/NQ-HĐND 14/11/2023; 4305/QĐ-UBND 08/8/2024	30.429	26.037	1	7.500		7.500	1	7.500												1	7.500		UBND huyện Thanh Trì	
	- Dự án chưa bố trí vốn			76.615	45.053	3	17.000							-17.000			3	-17.000			3	-17.000					
	+ Dự án GD 2021-2025 chưa bố trí vốn			33.065	22.895	2	4.000							-4.000			2	-4.000			2	-4.000					
1	Đình Vĩnh Thịnh, xã Đại Áng	2022-2024	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	15.523	10.967	1	2.000							-2.000			1	-2.000			1	-2.000				UBND huyện Thanh Trì	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
2	Chùa Ứng Linh, xã Đại Áng	2022-2024	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	17.542	11.928	1	2.000							-2.000			1	-2.000			1	-2.000				UBND huyện Thanh Trì	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
	+ Dự án thực hiện 2 GD: 2021-2025 và sau năm 2025 chưa bố trí vốn			43.550	22.158	1	13.000							-13.000			1	-13.000			1	-13.000					

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025								KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú		
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp							Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt	
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			Số DA	KHV	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Lan, xã Duyên Hà	2024-2026	09/NQ-HĐND 11/6/2024	43.550	22.158	1	13.000							-13.000				1	-13.000		1	-13.000				UBND huyện Thanh Trì	Giảm danh mục dự án KH 2021-2025, chuyển thực hiện KH 2026-2030
	+ Dự án sau năm 2025																										
1	Tu bổ Đình Lạc Thị, xã Ngọc Hồi	2022-2024	32/NQ-HĐND 14/7/2023	10.000	8.500																					UBND huyện Thanh Trì	
2	Tu bổ Chùa Báo Tháp, thôn Thượng Phúc	2022-2024	843/QĐ-UBND 15/02/2024	13.370	10.611																					UBND huyện Thanh Trì	
3	Tu bổ Đình Hoa Xá, thôn Tả Thanh Oai, Xã Tả Thanh Oai	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	30.472	14.758																					UBND huyện Thanh Trì	
4	Tu bổ Chùa Dầu, thôn Thượng Phúc	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	18.610	14.758																					UBND huyện Thanh Trì	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Yên Ngưu (Hưng Long Tự), xã Tam Hiệp	2024-2026	4956/QĐ-UBND 09/10/2023	15.500	12.938																					UBND huyện Thanh Trì	
6	Tu bổ Chùa Triều Khúc, xã Tân Triều	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	15.455	12.243																					UBND huyện Thanh Trì	
7	Tu bổ Chùa Quang Ân, thôn Trảng, xã Thanh Liệt	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	11.000	9.350																					UBND huyện Thanh Trì	
8	Tu bổ Đình Siêu Quần, xã Tả Thanh Oai	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	25.730	20.691																					UBND huyện Thanh Trì	
9	Tu bổ Đình Nhân Hoà, xã Tả Thanh Oai	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	10.200	8.047																					UBND huyện Thanh Trì	
10	Tu bổ Chùa Phúc Lâm, thôn Nhân Hoà, xã Tả Thanh Oai	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	33.560	27.198																					UBND huyện Thanh Trì	
11	Chùa Đông Phù, xã Đông Mỹ	2022-2024		22.000	18.700																					UBND huyện Thanh Trì	
12	Chùa Ích Vịnh, xã Vĩnh Quỳnh	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	29.009	13.107																					UBND huyện Thanh Trì	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Yên Mỹ, xã Yên Mỹ	2022-2024	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023; 6112/QĐ-UBND 29/11/2023	11.719	9.708																					UBND huyện Thanh Trì	
14	Đình Thượng, xã Vạn Phúc	2022-2024	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	8.651	6.786																					UBND huyện Thanh Trì	
15	Chùa Tiên Linh, xã Vạn Phúc	2022-2024	32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	10.461	8.188																					UBND huyện Thanh Trì	
16	Đình thờ sắc Triều Khúc, xã Tân Triều	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	12.793	10.106																					UBND huyện Thanh Trì	
17	Miếu Yên Xá (Đền Yên Xá), xã Tân Triều	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	9.612	7.585																					UBND huyện Thanh Trì	
18	Chùa Linh Ứng, xã Tả Thanh Oai	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	10.698	8.441																					UBND huyện Thanh Trì	
19	Mình Ngự Lâu, xã Tả Thanh Oai	2022-2024	46/NQ-HĐND 14/11/2023	12.837	10.141																					UBND huyện Thanh Trì	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025								KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú		
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp							Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt	
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV				Số DA	KHV
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
20	Đình Chu Văn An, xã Thanh Liệt	2022-2024		5.000	4.250																					UBND huyện Thanh Trì	
*	THƯỜNG TÍN - Dự án đã quyết toán			342.963	264.172	12	183.100	139.400	43.700	3	43.700												12	183.100	12		
	- Dự án đã bố trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			342.963	264.172	12	183.100	139.400	43.700	3	43.700												12	183.100	12		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			63.215	53.182	6	51.600	51.600															6	51.600	6		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Tây Đào Xá, xã Thăng Lợi	2021-2023	1716/QĐ-UBND 18/3/2022	11.127	9.290	1	9.200	9.200															1	9.200	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Tu bổ, tôn tạo đình Đức Trạch, xã Quất Động	2023-2025	5280/QĐ-UBND 26/10/2022	9.987	8.589	1	8.500	8.500															1	8.500	1	UBND huyện Thường Tín	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lã, xã Tân Minh	2023-2025	3136/QĐ-UBND 16/6/2022; 8163/QĐ-UBND 06/12/2023	7.207	6.127	1	6.100	6.100															1	6.100	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đền, bến Chương Dương, xã Chương Dương, huyện Thường Tín	2023-2025	4199/QĐ-UBND 12/7/2023	14.959	12.459	1	12.300	12.300															1	12.300	1	UBND huyện Thường Tín	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nghiêm Xá, xã Nghiêm Xuyên	2023-2025	1063/QĐ-UBND 23/3/2023	9.977	8.361	1	8.000	8.000															1	8.000	1	UBND huyện Thường Tín	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Xâm Động, xã Văn Tảo	2023-2025	6429/QĐ-UBND 07/11/2023	9.958	8.356	1	7.500	7.500															1	7.500	1	UBND huyện Thường Tín	
	+ Dự án đang triển khai			279.748	210.990	6	131.500	87.800	43.700	3	43.700												6	131.500	6		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nô Bạt	2023-2025	2139/QĐ-UBND 08/5/2023; 05/NQ-HĐND 09/4/2024	10.327	6.641	1	6.000	6.000															1	6.000	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Văn Trai, xã Văn Phú, huyện Thường Tín	2023-2025	4201/QĐ-UBND 12/7/2023	9.983	8.246	1	7.500	7.500															1	7.500	1	UBND huyện Thường Tín	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín	2023-2025	3483/QĐ-UBND 12/6/2023	9.934	7.934	1	7.500	5.500	2.000	1	2.000												1	7.500	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Quế, xã Liên Phương, huyện Thường Tín	2023-2025	4198/QĐ-UBND 12/7/2023	14.979	12.590	1	12.300	12.300															1	12.300	1	UBND huyện Thường Tín	
5	Xây dựng khu lưu niệm anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi, tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín	2020-2025	3535/QĐ-UBND 25/9/2021; 776/QĐ-UBND 05/3/2024; 4780/QĐ-UBND 19/11/2024	193.863	142.346	1	65.000	36.500	28.500	1	28.500												1	65.000	1	UBND huyện Thường Tín	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 18/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Trước: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Trước: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Trước: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hạ - Đình Thượng, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín	2022-2025	5666/QĐ-UBND 07/11/2022; 4781/QĐ-UBND 19/11/2024	40.662	33.233	1	33.200	20.000	13.200	1	13.200												1	33.200	1	UBND huyện Thường Tín	
	- Dự án chưa bổ trí vốn																										
*	ỨNG HÒA			880.610	732.379	38	668.375	569.468	101.230	18	101.230			-1.870	1	1.805	1	-3.675	1	-3.675			38	666.505	32		
	- Dự án đã quyết toán																										
	- Dự án đã bổ trí hết KHV trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ			880.610	732.379	38	668.375	569.468	101.230	18	101.230			-1.870	1	1.805	1	-3.675	1	-3.675			38	666.505	32		
	+ Dự án cơ bản hoàn thành			373.898	312.671	17	307.425	307.943						-3.675			1	-3.675	1	-3.675			17	303.750	17		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thống Nhất, xã Đông Lễ	2022-2024	165/QĐ-UBND 09/3/2022; 999/QĐ-UBND 07/10/2022	19.993	17.202	1	17.200	17.200															1	17.200	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, đền Đức Ông, xã Kim Đường	2021-2023	45/QĐ-UBND 21/01/2022	29.000	23.448	1	23.400	23.400															1	23.400	1	UBND huyện Ứng Hòa	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thôn Thượng, xã Viên Nội	2021-2023	169/QĐ-UBND 10/3/2022	18.000	14.261	1	14.200	14.200															1	14.200	1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Du Đông, xã Đại Hùng	2022-2024	1250/QĐ-UBND 04/11/2022; 1845/QĐ-UBND 19/4/2023	18.000	15.275	1	15.270	15.270															1	15.270	1	UBND huyện Ứng Hòa	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Ông, xã Tảo Dương Văn	2022-2024	232/QĐ-UBND 29/3/2022	24.306	20.137	1	20.000	20.000															1	20.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Giáp Đông, Giáp Lương, xã Đại Cường	2022-2023	231/QĐ-UBND 29/3/2022	15.000	14.102	1	14.100	14.100															1	14.100	1	UBND huyện Ứng Hòa	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thanh Sam, xã Trường Thịnh	2022-2024	251/QĐ-UBND 30/3/2022; 1252/QĐ-UBND 04/11/2022	15.658	13.108	1	13.100	13.100															1	13.100	1	UBND huyện Ứng Hòa	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nghi Lộc, xã Sơn Công	2022-2024	812/QĐ-UBND 22/8/2022	32.074	26.487	1	24.000	20.325						-3.675			1	-3.675	1	-3.675			1	20.325	1	UBND huyện Ứng Hòa	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hòa Xá, xã Hòa Xá	2022-2023	609/QĐ-UBND 14/6/2022	22.600	18.232	1	18.000	18.000															1	18.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cổng Khê, thôn Cổng Khê, xã Hòa Lâm	2022-2024	612/QĐ-UBND 16/6/2022; 1308/QĐ-UBND 15/11/2022	26.638	21.284	1	21.280	21.280															1	21.280	1	UBND huyện Ứng Hòa	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thanh Dương, xã Đồng Tiến	2022-2024	457/QĐ-UBND 01/6/2022	26.000	22.052	1	22.050	22.050															1	22.050	1	UBND huyện Ứng Hòa	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bà Chè, thị trấn Vân Đình	2022-2024	1210/QĐ-UBND 28/10/2022; 4033/QĐ-UBND 18/7/2023	24.399	20.695	1	20.600	20.600															1	20.600	1	UBND huyện Ứng Hòa	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hoa Đường, xã Trường Thịnh	2022-2024	853/QĐ-UBND 31/8/2022; 4361/QĐ-UBND 09/8/2023	18.834	15.668	1	15.660	15.660															1	15.660	1	UBND huyện Ứng Hòa	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Dương Khê, thôn Dương Khê, xã Phương Tú	2023-2024	1272/QĐ-UBND 09/11/2022; 3714/QĐ-UBND 05/7/2023	23.000	19.767	1	19.765	19.765															1	19.765	1	UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư				Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025				Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
										Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo đổi: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo đổi: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt						
			Số, ngày QĐ	TMDT	Tráo đổi: XL + TB	Số DA					KHV	Số DA	KHV	Số DA		KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Trung (Ngô Xá), thị trấn Văn Đình	2023-2025	1245/QĐ-UBND 02/11/2022; 4362/QĐ-UBND 09/8/2023	22.389	19.062	1	19.000	19.000															1	19.000	1	UBND huyện Ứng Hòa		
16	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Thanh Sam, xã Trường Thịnh	2022-2024	854/QĐ-UBND 21/8/2022; 4032/QĐ-UBND 18/7/2023	20.027	16.829	1	16.800	16.800															1	16.800	1	UBND huyện Ứng Hòa		
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, miếu Đồng Dương, xã Tào Dương Văn	2024-2025	1273/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	17.980	15.062	1	13.000	17.193															1	13.000	1	UBND huyện Ứng Hòa		
+ Dự án đang triển khai				506.712	419.708	21	360.950	261.525	101.230	18	101.230			1.805	1	1.805							21	362.755	15			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Miếng Hạ, thôn Miếng Hạ, xã Hòa Sơn	2022-2025	1351/QĐ-UBND 24/11/2022; 7961/QĐ-UBND 21/11/2024	24.652	19.839	1	17.000	14.000	3.000	1	3.000												1	17.000	1	UBND huyện Ứng Hòa		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Viên Đình, xã Đồng Lỗ, huyện Ứng Hoà	2022-2024	1202/QĐ-UBND 28/10/2022	28.113	22.789	1	17.000	17.000															1	17.000		UBND huyện Ứng Hòa		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đông Dương, thôn Đông Dương, xã Tào Dương Văn	2022-2025	932/QĐ-UBND 15/9/2022; 7978/QĐ-UBND 21/11/2024	28.000	22.516	1	17.000	9.000	8.000	1	8.000												1	17.000	1	UBND huyện Ứng Hòa		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đoàn Xá (đình Thượng, đình Hạ), xã Đồng Tiến	2022-2025	1145/QĐ-UBND 18/10/2022; 7123/QĐ-UBND 03/10/2024; 7965/QĐ-UBND 21/11/2024	26.862	22.721	1	18.000	18.000															1	18.000	1	UBND huyện Ứng Hòa		
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Động Phí, xã Phương Tú	2022-2025	814/QĐ-UBND 22/8/2022; 3713/QĐ-UBND 05/7/2023; ĐCTKKT - 6581/QĐ-UBND 30/8/2024; 7956/QĐ-UBND 21/11/2024	19.952	17.730	1	15.850	15.850	1.805	1	1.805			1.805	1	1.805							1	17.655	1	UBND huyện Ứng Hòa		
6	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Dư Xá Thượng, thôn Dư Xá, xã Hòa Nam	2023-2025	1031/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	38.474	32.755	1	25.000	25.000															1	25.000		UBND huyện Ứng Hòa		
7	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bàu Bôi, thôn Cầu Bàu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà	2022-2025	815/QĐ-UBND 22/8/2022; 7958/QĐ-UBND 21/11/2024	28.000	24.904	1	17.000	12.675	4.325	1	4.325												1	17.000		UBND huyện Ứng Hòa		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Trần Đăng, xã Hòa Sơn, huyện Ứng Hoà	2022-2025	813/QĐ-UBND 22/8/2022; 7962/QĐ-UBND 21/11/2024	29.000	23.302	1	17.000	13.000	4.000	1	4.000												1	17.000		UBND huyện Ứng Hòa		
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lăng Cầu, xã Minh Đức	2022-2025	945/QĐ-UBND 21/9/2022; 7957/QĐ-UBND 21/11/2024	21.000	17.030	1	14.000	7.000	7.000	1	7.000												1	14.000	1	UBND huyện Ứng Hòa		
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bật Ngõ, đình Chung, Ba thôn Bật, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hoà	2022-2025	626/QĐ-UBND 20/6/2022; 7959/QĐ-UBND 21/11/2024	24.000	20.376	1	20.300	10.000	10.300	1	10.300												1	20.300	1	UBND huyện Ứng Hòa		

TT	Tên dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư			Số DA 2021-2025	KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024)	Kế hoạch vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025						Điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025										KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Tổng cộng	Phân bổ đầu năm		Dự kiến bổ sung trong năm		Tổng cộng	Tăng		Giảm		Tráo: Giảm KHV các DA chuyển tiếp		Tráo: Giảm danh mục và KHV 2021-2025 các DA chưa có QĐ phê duyệt								
			Số, ngày QĐ	TMBT	Tráo: XL + TB					Số DA	KHV	Số DA	KHV		Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV	Số DA	KHV							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Bật Chùa (quán Đồng Dọ), xã Liên Bạt, huyện Ứng Hoà	2022-2025	627/QĐ-UBND 20/6/2022	15.000	12.540	1	12.500	10.000	2.500	1	2.500												1	12.500	1	UBND huyện Ứng Hòa			
12	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Bãi Lầm Hạ, xã Hồng Quang	2023-2025	3367/QĐ-UBND 21/6/2023	25.000	19.957	1	19.900	15.000	4.900	1	4.900												1	19.900	1	UBND huyện Ứng Hòa			
13	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phố Am, xã Đại Cường	2023-2025	1020/QĐ-UBND 06/3/2024	34.719	28.457	1	28.400	20.000	8.400	1	8.400												1	28.400	1	UBND huyện Ứng Hòa			
14	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cảnh Linh Tự, xã Sơn Công	2022-2025	629/QĐ-UBND 20/6/2022	20.021	17.152	1	17.100	7.000	10.100	1	10.100												1	17.100	1	UBND huyện Ứng Hòa			
15	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Nội Xá, xã Vạn Thái	2023-2025	3662/QĐ-UBND 30/6/2023	24.800	20.053	1	20.000	10.000	10.000	1	10.000												1	20.000	1	UBND huyện Ứng Hòa			
16	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vũ Nội, xã Liên Bạt	2022-2025	1144/QĐ-UBND 18/10/2022; 7960/QĐ-UBND 21/11/2024	13.815	11.024	1	11.000	7.000	4.000	1	4.000												1	11.000	1	UBND huyện Ứng Hòa			
17	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phi Trạch, xã Phương Tú	2022-2025	628/QĐ-UBND 20/6/2022	15.000	12.611	1	12.600	9.000	3.600	1	3.600												1	12.600	1	UBND huyện Ứng Hòa			
18	Tu bổ, tôn tạo, di tích đền Trung Thượng, xã Đại Hùng	2023-2025	1015/QĐ-UBND 06/3/2024	20.000	16.791	1	16.700	10.000	6.700	1	6.700												1	16.700	1	UBND huyện Ứng Hòa			
19	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hoà	2022-2025	7945/QĐ-UBND 08/12/2023; 7955/QĐ-UBND 21/11/2024	26.000	20.660	1	16.000	8.000	8.000	1	8.000												1	16.000		UBND huyện Ứng Hòa			
20	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Thanh Âm, thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hoà	2023-2025	1207/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	29.304	23.872	1	16.000	14.000	2.000	1	2.000												1	16.000		UBND huyện Ứng Hòa			
21	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lưu Khê, xã Liên Bạt	2022-2025	625/QĐ-UBND 20/6/2022; 7964/QĐ-UBND 21/11/2024	15.000	12.629	1	12.600	10.000	2.600	1	2.600												1	12.600	1	UBND huyện Ứng Hòa			
	- Dự án chưa bố trí vốn																												
	+ Dự án sau năm 2025																												
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Dương Khê, xã Phương Tú	2023-2024	1718/QĐ-UBND 26/3/2024	27.342	22.725																					UBND huyện Ứng Hòa			
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Đức Thánh Cả, xã Hồng Quang	2023-2024	02/NQ-HĐND 21/3/2021	51.544	43.812																					UBND huyện Ứng Hòa			
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Viên Ngoại, xã Viên An	2023-2024	1043/QĐ-UBND 09/3/2024	16.000	12.746																					UBND huyện Ứng Hòa			
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Viên Ngoại, xã Viên An	2024-2025	02/NQ-HĐND 21/3/2021	17.980	15.283																					UBND huyện Ứng Hòa			
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình thôn Thân, xã Minh Đức	2023-2025	1203/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	17.980	14.382																					UBND huyện Ứng Hòa			



Phụ lục 10

**CẬP NHẬT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN
LĨNH VỰC HẠ TẦNG KINH TẾ VÀ NHÀ VĂN HÓA THÔN**
(kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
A	Lĩnh vực hạ tầng kinh tế và nhà VHT	313			14.523.897	9.985.258	9.143.185	347.372	24	314.872	13	32.500	-96.512	4	10.230	33	-106.742	300	9.046.673	291		
A.1	Lĩnh vực hạ tầng kinh tế	236			14.077.103	9.740.845	8.941.185	314.872	24	314.872			-64.012	4	10.230	20	-74.242	236	8.877.173	234		
	Ba Vì	36			1.098.790	929.511	922.100						-3.400			7	-3.400	36	918.700	36		
	Chương Mỹ	31			1.345.835	1.026.325	892.770	47.125	7	47.125			-70	3	9.330	3	-9.400	31	892.700	31		
	Dan Phượng	3			142.326	76.298	70.000											3	70.000	3		
	Đông Anh	2			124.347	97.199	30.200											2	30.200	2		
	Gia Lâm																					
	Hoài Đức	20			1.381.326	860.752	629.090						-18.000			5	-18.000	20	611.090	20		
	Mê Linh	1			20.467	18.201	17.000											1	17.000	1		
	Mỹ Đức	8			551.452	444.901	442.500	900	1	900			-4.600	1	900	1	-5.500	8	437.900	8		
	Phủ Xuyên	34			1.887.150	1.426.769	1.394.671	14.600	2	14.600								34	1.394.671	34		
	Phúc Thọ	1			54.243	40.008	40.000											1	40.000	1		
	Quốc Oai	6			818.012	510.987	391.300	131.478	3	131.478			-30.000			1	-30.000	6	361.300	4		
	Sóc Sơn	23			1.410.553	938.196	900.170											23	900.170	23		
	Thạch Thất	7			661.657	346.857	296.460	29.100	1	29.100								7	296.460	7		
	Thanh Oai	10			901.515	567.841	523.800	46.631	3	46.631								10	523.800	10		
	Thanh Trì																					
	Thường Tín	14			614.775	379.175	377.874											14	377.874	14		
	Ứng Hòa	23			2.483.795	1.637.589	1.580.150	30.038	6	30.038			-7.942			3	-7.942	23	1.572.208	23		
	Sơn Tây	17			580.860	440.236	433.100	15.000	1	15.000								17	433.100	17		
I	Dự án đã quyết toán hoàn thành	42			1.257.543	909.418	737.030						-6.800			7	-6.800	42	730.230	42		
I.1	Ba Vì	7			107.975	92.761	92.800						-2.800			5	-2.800	7	90.000	7		
1	Cải tạo, mở rộng đường trục xã từ ngã tư đến trung tâm xã Minh Châu	1	2021-2023	3348/QĐ-UBND 12/6/2021	14.700	12.543	13.000						-500			1	-500	1	12.500	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Xây dựng hệ thống đường xung quang và kè đá chống sạt lở hồ cụm di tích lịch sử Lăng Chu Quyến, xã Chu Minh	1	2021-2023	3355/QĐ-UBND 12/6/2021	13.000	11.491	11.300						-1.300			1	-1.300	1	10.000	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Nâng cấp cải tạo đường giao thông trục chính Văn Hội	1	2021-2022	3353/QĐ-UBND 12/6/2021; 7716/QĐ-UBND 03/11/2021	14.900	13.038	13.000						-500			1	-500	1	12.500	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước xã Minh Châu	1	2021-2022	3342/QĐ-UBND 12/6/2021; 7693/QĐ-UBND 02/11/2021	14.600	13.047	13.000						-300			1	-300	1	12.700	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường liên thôn Cộng Hòa đi Thuận An, xã Thái Hòa	1	2021-2023	3350/QĐ-UBND 12/6/2021; 6888/QĐ-UBND 19/7/2022	20.018	15.318	15.200											1	15.200	1	UBND huyện Ba Vì	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
6	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL32 đi trung tâm xã Phú Sơn	1	2021-2024	3352/QĐ-UBND 12/6/2021; 7960/QĐ-UBND 10/11/2021; 11157/QĐ-UBND 15/12/2022; 6999/QĐ-UBND 10/11/2023	20.000	17.708	17.700											1	17.700	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước đường Ba Vành - Suối Mơ (nối xã Văn Hòa đi xã Yên Bái)	1	2022-2023	8028/QĐ-UBND 12/11/2021; 3904/QĐ-UBND 01/8/2023	10.757	9.616	9.600						-200			1	-200	1	9.400	1	UBND huyện Ba Vì	
I.2	Chương Mỹ	2			10.112	8.442	8.430											2	8.430	2		
1	Cải tạo, nâng cấp đê Hữu Bù qua địa bàn thôn Yên Trinh, xã Hoàng Văn Thụ	1	2022-2023	1072/QĐ-UBND 04/3/2022	6.448	5.411	5.400											1	5.400	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Cứng hóa kênh tiêu Trung Hoàng - Kiểm Nê, xã Thanh Bình	1	2022-2023	1074/QĐ-UBND 04/3/2022	3.664	3.031	3.030											1	3.030	1	UBND huyện Chương Mỹ	
I.3	Đan Phượng	1			25.248	20.610	15.000											1	15.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Tân Hội - Hạ Mỗ (từ đường tỉnh lộ 422 đi nhanh N2) huyện Đan Phượng	1	2021-2022	7988/QĐ-UBND 31/10/2019	25.248	20.610	15.000											1	15.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
I.4	Đông Anh	1			38.237	31.000	10.200											1	10.200	1		
1	Xây dựng tuyến đường phía Tây thôn Hội Phụ nối với đường khu tái định cư Đông Hội đến thôn Lê Xá	1	2020-2022	4048/QĐ-UBND 8/7/2019; 11551/QĐ-UBND 31/12/2019	38.237	31.000	10.200											1	10.200	1	UBND huyện Đông Anh	
I.6	Hoài Đức	8			405.759	224.640	115.500						-4.000			2	-4.000	8	111.500	8		
1	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài từ Tiền Yên đến Song Phương	1	2019-2021	6312/QĐ-UBND 30/10/2018; 4196/QĐ-UBND 19/9/2019	66.418	49.346	8.000											1	8.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
2	Đường vành đai Sơn Đồng	1	2019-2021	6171/QĐ-UBND 19/10/2018	46.432	23.391	6.000											1	6.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
3	Tuyến đường ĐH04 từ Tiền Yên đến Đại lộ Thăng Long	1	2019-2021	6183/QĐ-UBND 24/10/2018	65.230	23.800	15.000											1	15.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
4	Đường Vành đai thôn Cao Xá xã Đức Thượng	1	2019-2021	6202/QĐ-UBND 26/10/2018	32.309	16.491	15.000											1	15.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
5	Chính trang hoàn thiện đường Lại Yên - An Khánh (đoạn Cầu Khum - Đĩa Sáo)	1	2021-2023	8610/QĐ-UBND 27/11/2020	38.635	30.190	20.500						-1.000			1	-1.000	1	19.500	1	UBND huyện Hoài Đức	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
6	Cải tạo tuyến đường Lại Yên - Văn Canh	1	2021-2023	8608/QĐ-UBND 27/11/2020	22.998	17.917	15.000											1	15.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
7	Đường giao thông liên thôn Me Táo - Hòa Hợp xã Dương Liễu	1	2021-2023	5286/QĐ-UBND 27/9/2021	27.198	21.588	13.000						-3.000			1	-3.000	1	10.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
8	Tuyến đường ĐH04 từ Đại lộ Thăng Long đến đường tỉnh lộ 423	1	2019-2024	6193/QĐ-UBND 25/10/2018; 11276/QĐ-UBND 26/12/2022; 14060/QĐ-UBND 19/12/2023	106.539	41.917	23.000											1	23.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
I.7	Mê Linh	1			20.467	18.201	17.000											1	17.000	1		
1	Cải tạo , chỉnh trang tuyến đường từ Đê tá Sông Hồng đi đường Mê Linh (đoạn từ xóm Tỏi, thôn Khê Ngoại, xã Văn Khê - Thôn Tân Châu, xã Chu Phan đến đường Mê Linh)	1	2021-2023	1156/QĐ-UBND 15/3/2021	20.467	18.201	17.000											1	17.000	1	UBND huyện Mê Linh	
I.8	Mỹ Đức																					
I.9	Phú Xuyên	1			12.973	10.515	10.000											1	10.000	1		
1	Đường Khai Thái (thôn Vĩnh Hạ) đi Tri Thủy (Thôn Vĩnh Ninh)	1	2021-2023	1418/QĐ-UBND 22/4/2021	12.973	10.515	10.000											1	10.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
I.10	Phúc Thọ																					
I.11	Quốc Oai																					
I.12	Sóc Sơn	5			161.760	131.435	103.500											5	103.500	5		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Thanh Xuân	1	2019-2020	3428/QĐ-UBND 29/10/2018	9.294	8.800	8.800											1	8.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Tiên Dược	1	2020-2022	2354/QĐ-UBND 13/8/2018	12.855	12.000	12.000											1	12.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Tân Dân	1	2019-2020	3499/QĐ-UBND 30/10/2018	10.220	9.700	9.700											1	9.700	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Bắc Sơn (giai đoạn 3)	1	2021-2022	3269/QĐ-UBND 22/9/2020	90.509	73.935	66.000											1	66.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 3 - Tiên Dược - Đông Xuân	1	2020-2021	6986/QĐ-UBND 29/10/2019	38.882	27.000	7.000											1	7.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
I.17	Ứng Hoà	1			35.000	31.128	31.000											1	31.000	1		
1	Đường giao thông liên xã Trường Thịnh đi Hoa Sơn, Cao Thành huyện Ứng Hoà	1	2021-2023	180/QĐ-UBND 12/03/2021	35.000	31.128	31.000											1	31.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
																		15	333.600	15		
1.18	Sơn Tây	15			440.012	340.686	333.600															
1	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường và rãnh thoát nước trên địa bàn xã Xuân Sơn	1	2020-2021	1372/QĐ-UBND 15/10/2019; 558/QĐ-UBND 01/6/2020	29.775	23.820	22.800											1	22.800	1	UBND thị xã Sơn Tây	
2	Xây dựng trụ sở UBND xã Đường Lâm	1	2021-2023	1104/QĐ-UBND 30/9/2020	44.975	28.906	27.900											1	27.900	1	UBND thị xã Sơn Tây	
3	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường và rãnh thoát nước trên địa bàn xã Xuân Sơn (Giai đoạn 2)	1	2022-2024	1359/QĐ-UBND 10/11/2021	45.512	36.936	36.900											1	36.900	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
4	Nâng cấp, cải tạo đường, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Sơn Đông từ QL21 qua UBND xã đến ĐT418 và hệ thống thoát nước trực chính xã Sơn Đông	1	2021-2023	1324/QĐ-UBND 12/11/2020	30.579	25.492	24.000											1	24.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
5	Nâng cấp, cải tạo rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cổ Đông đoạn từ QL21 đi UBND xã Cổ Đông và hệ thống thoát nước trực chính xã Cổ Đông	1	2021-2023	1320/QĐ-UBND 12/11/2020	30.647	24.814	23.500											1	23.500	1	UBND thị xã Sơn Tây	
6	Hệ thống chiếu sáng đường trục xã Cổ Đông giai đoạn 3	1	2021-2023	1325/QĐ-UBND 12/11/2020	19.472	17.000	17.000											1	17.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
7	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Thanh Mỹ - Xuân Sơn	1	2021-2023	1323/QĐ-UBND 12/11/2020	28.147	22.079	22.000											1	22.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
8	Xây dựng hệ thống thoát nước trực chính xã Kim Sơn	1	2021-2023	1322/QĐ-UBND 12/11/2020	19.974	17.000	17.000											1	17.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
9	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước thôn Phụ Khang, xã Đường Lâm	1	2021-2023	176/QĐ-UBND 09/02/2021	22.026	17.248	17.200											1	17.200	1	UBND thị xã Sơn Tây	
10	Hệ thống chiếu sáng đường trục xã Sơn Đông giai đoạn 2	1	2021-2023	1326/QĐ-UBND 12/11/2020	19.129	16.454	15.000											1	15.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
11	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã 5 Cổng Ô đi Phù Sa, Viên Sơn	1	2021-2023	1318/QĐ-UBND 05/11/2021	16.840	9.545	9.000											1	9.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
12	Nâng cấp, cải tạo đường, xây dựng hệ thống thoát nước xã Cổ Động tuyến từ Cổ Liễn đi QL21A	1	2022-2024	1360/QĐ-UBND 10/11/2021	30.565	24.800	24.800											1	24.800	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
13	Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn các xã Cổ Động, Sơn Đông, Thanh Mỹ, Kim Sơn, Xuân Sơn	1	2022-2024	1351/QĐ-UBND 09/11/2021	30.000	24.414	24.400											1	24.400	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
14	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh từ Vai Đá đi Sóng Sang, xã Kim Sơn	1	2022-2024	1357/QĐ-UBND 10/11/2021	28.044	18.032	18.000											1	18.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
15	Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh, mương thuộc các xã Sơn Đông, Thanh Mỹ, Đường Lâm	1	2022-2024	1358/QĐ-UBND 10/11/2021	44.327	34.146	34.100											1	34.100	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
II	Dự án đã bố trí đủ vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ	194			12.819.560	8.831.427	8.204.155	314.872	24	314.872			-57.212	4	10.230	13	-67.442	194	8.146.943	192		
II.1	Dự án đã hoàn thành, cơ bản hoàn thành	116			5.353.265	4.231.784	3.859.722	10.000	1	10.000			-29.900			10	-29.900	116	3.829.822	116		
II.1.1	Ba Vì	28			895.815	758.190	750.800						-600			2	-600	28	750.200	28		
1	Xử lý nước thải làng nghề chế biến tinh bột Sắn Minh Hồng xã Minh Quang	1	2021-2023	3356/QĐ-UBND 12/6/2021	14.900	12.863	12.800											1	12.800	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Thái Hòa, Phú Sơn, huyện Ba Vì	1	2022-2024	5137/QĐ-UBND 26/5/2022; 7948/QĐ-UBND 05/9/2022	37.105	31.906	31.900						-100			1	-100	1	31.800	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì	1	2022-2024	5168/QĐ-UBND 27/5/2022	14.699	13.377	13.300											1	13.300	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Vật Lại, huyện Ba Vì	1	2022-2024	5169/QĐ-UBND 27/5/2022	14.781	13.156	13.100											1	13.100	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Nâng cấp tuyến đường liên xã Sơn Đà - Thuần Mỹ (nối TL 413 với TL 414C)	1	2021-2024	6481/QĐ-UBND 30/10/2020; 3160/QĐ-UBND ngày 5/6/2021; 8980/QĐ-UBND 30/12/2023	34.985	29.708	29.400											1	29.400	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Thuần Mỹ - Sơn Đà	1	2021-2023	2380/QĐ-UBND 23/8/2019	49.684	41.375	41.300											1	41.300	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Đường giao thông liên xã Phú Cường - Vạn Thắng đi cầu Văn Lang	1	2020-2024	6478/QĐ-UBND 30/10/2020; 9879/QĐ-UBND 14/11/2022	30.000	26.764	26.700											1	26.700	1	UBND huyện Ba Vì	
8	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Tân Lĩnh - Yên Bái đi UBND xã Văn Hòa	1	2021-2024	3349/QĐ-UBND 12/6/2021; 5297/QĐ-UBND 8/9/2023; 8982/QĐ-UBND 30/12/2023	65.300	56.596	56.500											1	56.500	1	UBND huyện Ba Vì	
9	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Đồng Bàng - Phú Châu (Nối QL32 đi đê Hữu Hồng)	1	2021-2024	3345/QĐ-UBND 12/6/2021; 7954/QĐ-UBND 10/11/2021; 8983/QĐ-UBND 30/12/2023; 6770/QĐ-UBND 01/11/2023	75.000	66.360	65.700											1	65.700	1	UBND huyện Ba Vì	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL 412 đi đường liên xã Tiên Phong - Thụy An	1	2021-2023	3347/QĐ-UBND 12/6/2021	45.000	37.211	37.200											1	37.200	1	UBND huyện Ba Vì	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
11	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Cam Thượng - Đông Quang	1	2021-2023	2197/QĐ-UBND 28/4/2021	49.950	41.269	39.300											1	39.300	1	UBND huyện Ba Vi	
12	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính và hệ thống tiêu thoát nước xã Vạn Thắng	1	2021-2022	3354/QĐ-UBND 12/6/2021	14.900	12.008	12.000											1	12.000	1	UBND huyện Ba Vi	
13	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm mương Xoan và kênh tưới xã Thụy An	1	2021-2024	3346/QĐ-UBND 12/6/2021; 2225/QĐ-UBND 29/4/2022; 8984/QĐ-UBND 30/12/2023	14.579	12.757	12.700											1	12.700	1	UBND huyện Ba Vi	
14	Cứng hóa hệ thống kênh tiêu thôn Phú An - Trung Hà, xã Thái Hòa	1	2021-2022	3357/QĐ-UBND 12/6/2021	14.980	12.795	12.700											1	12.700	1	UBND huyện Ba Vi	
15	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông xã Cẩm Lĩnh đi đường giao thông liên xã Cẩm Lĩnh - Phú Sơn, huyện Ba Vi	1	2020-2024	2886/QĐ-UBND 24/5/2021; 8985/QĐ-UBND 30/12/2023; 7176/QĐ-UBND 20/10/2021	30.000	27.190	26.900											1	26.900	1	UBND huyện Ba Vi	
16	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn xã Cẩm Lĩnh	1	2021-2023	3351/QĐ - UBND 12/6/2021; 7815/QĐ - UBND 05/11/2021	25.000	21.648	21.600											1	21.600	1	UBND huyện Ba Vi	
17	Đường giao thông nối TL 411B đi đường dẫn cầu Văn Lang	1	2021-2024	8073/QĐ-UBND 13/11/2021; 8970/QĐ-UBND 30/12/2023	45.000	38.182	38.100											1	38.100	1	UBND huyện Ba Vi	
18	Đường giao thông liên xã Tây Đằng - Vật Lại	1	2021-2024	8038/QĐ-UBND 13/11/2021	60.000	38.402	38.400											1	38.400	1	UBND huyện Ba Vi	
19	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới kết hợp đường giao thông nội đồng xã Vạn Thắng	1	2021-2023	6870/QĐ-UBND 13/10/2021	24.800	20.196	20.000											1	20.000	1	UBND huyện Ba Vi	
20	Xây dựng hệ thống kênh tưới nước hồ Tây Ninh xã Tân Hồng	1	2022-2024	8056/QĐ-UBND 13/11/2021; 1998/QĐ-UBND 12/5/2023	56.985	51.459	50.600											1	50.600	1	UBND huyện Ba Vi	
21	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới kết hợp đường giao thông nội đồng xã Cổ Đô	1	2021-2023	6668/QĐ-UBND 13/10/2021; 1141/QĐ-UBND 30/3/2023	18.500	16.256	16.000											1	16.000	1	UBND huyện Ba Vi	
22	Cải tạo, nâng cấp đập tràn suối Bóp thôn Hương Canh xã Khánh Thượng	1	2022-2024	8065/QĐ-UBND 13/11/2021; 1188/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	24.050	21.488	21.200											1	21.200	1	UBND huyện Ba Vi	
23	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Cam Thượng	1	2021-2022	6865/QĐ-UBND 13/10/2021	13.941	11.571	11.300											1	11.300	1	UBND huyện Ba Vi	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
24	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Cổ Đô, xã Phú Cường	1	2021-2022	6863/QĐ-UBND 13/10/2021; 9298/QĐ-UBND 20/12/2021	14.944	13.394	13.000											1	13.000	1	UBND huyện Ba Vì	
25	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Sơn Đà, Tổng Bạt	1	2020-2022	6864/QĐ-UBND 13/10/2021; 9299/QĐ-UBND 20/12/2021	14.782	12.728	12.500											1	12.500	1	UBND huyện Ba Vì	
26	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các thôn: Cửa Đình, Đài Hoa, Phú Mỹ, Văn Hồng, Chợ Chàng, Cao Nhàng, Cầu Bã, thị trấn Tây Đằng	1	2021-2022	6867/QĐ-UBND 13/10/2021; 7812/QĐ-UBND 30/8/2022	11.000	9.267	9.000											1	9.000	1	UBND huyện Ba Vì	
27	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Vật Lại - Cẩm Lĩnh - Phú Sơn	1	2020-2022	6477/QĐ-UBND 30/10/2020; 3159/QĐ-UBND 5/6/2021	40.000	34.072	33.500						-500			1	-500	1	33.000	1	UBND huyện Ba Vì	
28	Cải tạo, nâng cấp đường Châu Sơn - Tân Hồng huyện Ba Vì	1	2022-2024	8072/QĐ-UBND 13/11/2021 1959/QĐ-UBND 20/4/2022 6182/QĐ-UBND 30/6/2022 7955/QĐ-UBND 06/9/2022	40.950	34.192	34.100											1	34.100	1	UBND huyện Ba Vì	
II.1.2	Chương Mỹ	19			733.164	583.595	497.620	10.000	1	10.000			-9.400			3	-9.400	19	488.220	19		
1	Xây mới trụ sở UBND xã Nam Phương Tiến	1	2020-2023	4507/QĐ-UBND 28/5/2020; 7582/QĐ-UBND 13/10/2022	36.993	23.933	23.900											1	23.900	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Đường giao thông nông thôn xã Nam Phương Tiến	1	2022-2023	6036/QĐ-UBND 29/10/2021	13.876	11.770	11.000											1	11.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Đường giao thông nông thôn xã Tân Tiến	1	2022-2023	6037/QĐ-UBND 29/10/2021	14.926	12.646	12.000											1	12.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Đường từ Quốc lộ 6 đến trụ sở UBND xã Đông Phương Yên	1	2021-2022	9906/QĐ-UBND 26/10/2020	13.960	12.000	12.000											1	12.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường phân luồng giao thông mảng 7 (Đoạn từ Chợ Công đi xã Thụy Hương)	1	2021-2023	9905/QĐ-UBND 26/10/2020	69.967	62.684	60.000											1	60.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Đường từ Tỉnh lộ 419 (tỉnh lộ 80) đi đường Máng 7 đoạn qua xã Ngọc Hoà	1	2020-2021	10060/QĐ-UBND 30/10/2020	14.990	13.000	13.000											1	13.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đồi Miếu	1	2020-2021	6331/QĐ-UBND 17/10/2019	22.085	18.072	4.000											1	4.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
8	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường Nguyễn Văn Trỗi, đoạn từ thị trấn Chúc Sơn đến đường Hồ Chí Minh	1	2019-2022	2941/QĐ-UBND 21/5/2019	145.403	113.462	55.000											1	55.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú																		
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV																					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23																		
9	Kè chống sạt lở sông Đáy qua địa bàn thôn Nhân Lý, thôn Phụ Chính, xã Hòa Chính	1	2022-2024	1065/QĐ-UBND 04/3/2022	31.796	24.629	24.600											1	24.600	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới trên địa bàn xã và kênh tiêu thôn Phụ Chính, thôn Lưu Xá, xã Hòa Chính	1	2022-2023	1071/QĐ-UBND 04/3/2022	12.469	10.373	10.370											1	10.370	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
11	Cải tạo, nâng cấp đường xã Trường Yên đi trục phát triển kinh tế huyện	1	2022-2024	1057/QĐ-UBND 04/3/2022; 7153/QĐ-UBND 19/9/2022	39.851	35.488	34.700						-1.200			1	-1.200	1	33.500	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hợp Đồng, xã Đồng Phú, xã Phú Nam An	1	2022-2024	1064/QĐ-UBND 04/3/2022; 4177/QĐ-UBND 14/7/2023	40.810	35.921	35.200						-4.200			1	-4.200	1	31.000	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
13	Cải tạo, nâng cấp đường Trường Yên - Trung Hòa - Tốt Động	1	2022-2025	6034/QĐ-UBND 29/10/2021	89.769	49.138	49.100	10.000	1	10.000			-4.000			1	-4.000	1	45.100	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
14	Kè chống sạt lở Đồi Ông Bụt, xã Ngọc Hòa	1	2021-2022	6039/QĐ-UBND 29/10/2021	9.071	6.750	6.500											1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Lam Điền, xã Tốt Động	1	2022-2024	1056/QĐ-UBND 04/3/2022; 7152/QĐ-UBND 19/9/2022	27.826	25.195	24.000											1	24.000	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
16	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hoàng Văn Thụ, xã Tân Tiến	1	2022-2024	1063/QĐ-UBND 04/3/2022; 7148/QĐ-UBND 19/9/2022	43.508	37.160	33.200											1	33.200	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
17	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hợp Đồng - Tốt Động	1	2022-2024	1061/QĐ-UBND 04/3/2022; 7151/QĐ-UBND 19/9/2022	39.240	35.142	33.230											1	33.230	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
18	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hoàng Diệu - Quảng Bị	1	2022-2024	1062/QĐ-UBND 04/3/2022; 7150/QĐ-UBND 19/9/2022	31.931	29.139	28.820											1	28.820	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
19	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cống Ngòi và hệ thống kênh xã Phú Nam An	1	2022-2024	1068/QĐ-UBND 04/3/2022	34.693	27.093	27.000											1	27.000	1	UBND huyện Chương Mỹ																			
II.1.3 Đan Phượng																																								
II.1.4 Đông Anh		1			86.110	66.199	20.000											1	20.000	1																				
1	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục thể thao xã Đông Hội, huyện Đông Anh	1	2020-2022	8083/QĐ-UBND 28/10/2019; 6883/QĐ-UBND 10/6/2022	86.110	66.199	20.000											1	20.000	1	UBND huyện Đông Anh																			
II.1.5 Gia Lâm																																								
II.1.6 Hoài Đức		7			677.329	474.684	339.590						-14.000			3	-14.000	7	325.590	7																				

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài phía bờ trái từ Minh Khai đến Tiền Yên	1	2019-2021	6484/QĐ-UBND 31/10/2018	166.396	105.000	35.000											1	35.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
2	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài phía bờ trái từ Tiền Yên đến Song Phương	1	Hết năm 2024	8609/QĐ UBND 27/11/2020; 13845/QĐ-UBND 11/12/2023	58.628	42.751	39.000											1	39.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
3	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường dọc kênh Đan Hoài từ Minh Khai đến cầu Cát Quế	1	2019-2023	4711/QĐ UBND 30/9/2019; 3757/QĐ UBND 28/5/2020; 9103/QĐ UBND 31/12/2021; 2738/QĐ UBND 02/6/2021; 14124/QĐ UBND 29/12/2022	39.464	31.347	25.890											1	25.890	1	UBND huyện Hoài Đức	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính xã Đông La	1	2022-2024	5856/QĐ-UBND 06/11/2021	33.101	27.144	11.000						-1.000			1	-1.000	1	10.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
5	Nâng cấp, cải tạo đường Sơn Đồng - Song Phương đoạn từ cầu Sơn Đồng đến Đê Tả đây	1	2021-2025	8670/QĐ-UBND 27/11/2020	188.910	157.953	134.000						-7.000			1	-7.000	1	127.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
6	Xây dựng tuyến đường ĐH 03, huyện Hoài Đức	1	2018-2024	6172/QĐ-UBND 20/10/2018; 3206/QĐ-UBND 21/6/2021; 13193/QĐ-UBND 13/11/2023	144.008	76.713	76.700											1	76.700	1	UBND huyện Hoài Đức	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cơ sở đoạn từ xã An Thượng đi xã Đông La	1	2021-2023	5857/QĐ-UBND 06/11/2021	46.822	33.776	18.000						-6.000			1	-6.000	1	12.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
II.1.7 Mê Linh																						
II.1.8 Mỹ Đức		4			318.709	277.504	277.300						-5.500			1	-5.500	4	271.800	4		
1	Đường giao thông xã Phù Lưu Tế (đoạn đường từ Cầu Gỗ TL419 đến cầu Sầu Già - Phù Lưu Tế)	1	2020-2023	3820/QĐ-UBND 27/10/2020; 4265/QĐ-UBND 11/11/2022	79.980	69.879	69.800						-5.500			1	-5.500	1	64.300	1	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Đường liên xã Hồng Sơn - An Mỹ, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	1	2020-2023	3850/QĐ-UBND 29/10/2020; 4266/QĐ-UBND 11/11/2022	79.997	70.381	70.300											1	70.300	1	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Đường liên xã Phù Lưu Tế - Xuy Xá	1	2020-2023	3795/QĐ-UBND 27/10/2020; 4264/QĐ-UBND 11/11/2022	79.900	69.600	69.600											1	69.600	1	UBND huyện Mỹ Đức	
4	Cải tạo, nâng cấp đường Đục Khê đi Tiên Mai, huyện Mỹ Đức (Giai đoạn 2)	1	2021-2023	2002/QĐ-UBND 20/8/2021	78.832	67.644	67.600											1	67.600	1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL+TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
																		24	853.238	24		
II.1.9	Phủ Xuyên	24			1.060.525	878.946	853.238															
1	Đường từ QL 1A (từ Phòng TCKH) đến đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	1	2021-2024	4204/QĐ-UBND 08/9/2023	44.705	21.354	21.336											1	21.336	1	UBND huyện Phú Xuyên	
2	Đường giao thông liên xã Phương Dục Đại Thắng	1	2021-2023	5494/QĐ-UBND 31/12/2019	54.638	39.823	39.800											1	39.800	1	UBND huyện Phú Xuyên	
3	Cứng hóa kênh mương tuyến chính nội đồng thôn Hòa Mỹ, xã Hồng Minh	1	2021-2022	2211/QĐ-UBND 28/4/2021	34.994	29.104	29.000											1	29.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục kết hợp cứng hóa kênh mương xã Trì Thủy	1	2021-2024	2287/QĐ-UBND 17/5/2021; 5323/QĐ-UBND 13/10/2021	39.372	31.864	31.760											1	31.760	1	UBND huyện Phú Xuyên	
5	Cải tạo, nâng cấp đường trục kết hợp cứng hóa kênh mương đường trục xã Minh Tân	1	2021-2024	2288/QĐ-UBND 17/5/2021; 5325/QĐ-UBND 13/10/2021	38.477	33.522	32.550											1	32.550	1	UBND huyện Phú Xuyên	
6	Nạo vét, tu bổ kênh mương xã Quang Lăng, huyện Phú Xuyên	1	2021-2023	2289/QĐ-UBND 17/5/2021; 632/QĐ-UBND 19/11/2021	28.880	24.584	23.400											1	23.400	1	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Đường Quân sự Châu Can (Giai đoạn 2)	1	2021-2023	2449/QĐ-UBND 01/6/2021	46.993	38.700	38.700											1	38.700	1	UBND huyện Phú Xuyên	
8	Đường giao thông nối từ đường tỉnh lộ 428 (chợ Bìm) đi thôn Vĩnh Thượng xã Khai Thái (đến cầu Văn Chỉ)	1	2021-2024	3038/QĐ-UBND 05/7/2021; 5328/QĐ-UBND 13/10/2021	41.733	36.384	36.299											1	36.299	1	UBND huyện Phú Xuyên	
9	Đường trục GT nối đường tỉnh 428 lên Đê sông Hồng	1	2021-2024	3039/QĐ-UBND 05/7/2021; 5351/QĐ-UBND 14/10/2021	43.000	38.749	38.736											1	38.736	1	UBND huyện Phú Xuyên	
10	Cải tạo, nâng cấp đường Nam Tiến Phú Minh	1	2021-2024	3037/QĐ-UBND 05/7/2021; 5367/QĐ-UBND 15/10/2021	30.243	25.175	25.111											1	25.111	1	UBND huyện Phú Xuyên	
11	Đường kết nối An Bình - Thủy Trú - Giáp Tư	1	2021-2024	3040/QĐ-UBND 06/7/2021; 5363/QĐ-UBND 15/10/2021	33.626	27.552	27.486											1	27.486	1	UBND huyện Phú Xuyên	
12	Đường trục kết nối Duyên Trang - Duyên Yết	1	2021-2024	3041/QĐ-UBND 06/7/2021; 5364/QĐ-UBND 15/10/2021	35.749	31.276	29.260											1	29.260	1	UBND huyện Phú Xuyên	
13	Đường trục xã Chuyên Mỹ	1	2021-2024	2844/QĐ-UBND 07/6/2021; 5326/QĐ-UBND 13/10/2021; 3050/QĐ-UBND 05/7/2023	43.131	39.272	35.810											1	35.810	1	UBND huyện Phú Xuyên	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
14	Xây dựng hệ thống chiếu sáng bờ Tà, bờ Hữu đê sông Nhuệ, sông Lương, sông Duy Tiên	1	2021-2023	2809/QĐ-UBND 03/6/2021	58.875	49.225	49.000											1	49.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
15	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Tri Thủy, Bạch Hạ, Hồng Minh, Phú Túc	1	2021-2023	2810/QĐ-UBND 03/6/2021	37.328	31.540	31.000											1	31.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
16	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên trục huyện: Hoàng Long - Phú Túc; Hồng Minh - Tri Trung; Tri Trung - Hoàng Long - Ứng Hòa; Nội Hợp - Thụy Phú; Minh Tân - Tri Thủy - Quang Lãng; Truyền Thống; Đại Thắng - Tân Dân	1	2021-2023	2811/QĐ-UBND 03/6/2021	44.756	37.044	37.000											1	37.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
17	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã Nam Phong - Hồng Thái	1	2021-2023	2812/QĐ-UBND 03/6/2021	32.779	27.008	27.000											1	27.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
18	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tri Trung	1	2021-2024	5884/QĐ-UBND 13/11/2021	59.995	54.111	54.086											1	54.086	1	UBND huyện Phú Xuyên	
19	Đường giao thông liên xã Hồng Minh - Tri Trung (tuyến 1: L = 1,1km từ thôn Tri Chi kết nối với đường trục phát triển phía Nam; tuyến 2: L = 500m từ tuyến số 1 nối với đường trục Tri Trung - Hoàng Long - Ứng Hòa)	1	2021-2025	5707/QĐ-UBND 04/11/2021; 1148/QĐ-UBND 29/3/2022; 836/QĐ-UBND 04/7/2022	42.267	37.106	35.904											1	35.904	1	UBND huyện Phú Xuyên	
20	Đường trục giao thông Duyên Yến - Duyên Trang - Lát Dương	1	2021-2023	5735/QĐ-UBND 05/11/2021; 1108a/QĐ-UBND 30/8/2022	22.661	19.964	18.000											1	18.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
21	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Tri Trung	1	2021-2023	5888/QĐ-UBND 13/11/2021	20.733	16.502	16.500											1	16.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
22	Nạo vét, tu bổ hệ thống kênh mương kết hợp giao thông xã Châu Can	1	2022-2024	1982/QĐ-UBND 26/4/2022	69.337	62.427	57.500											1	57.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
23	Đường trục xã Quang Lãng (nối từ tỉnh lộ 428 đi Chùa Viên Minh)	1	2021-2024	5972/QĐ-UBND 14/11/2023	76.456	60.859	53.000											1	53.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
24	Nạo vét, tu bổ kênh mương xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên	1	2021-2025	2105/QĐ-UBND 19/4/2021; 5072/QĐ-UBND 04/10/2021; 700/QĐ-UBND 24/11/2021	79.797	65.801	65.000											1	65.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
TH.1.1	Phúc Thọ	1			54.243	40.008	40.000											1	40.000	1		
1	Đường liên xã Ngọc Tảo đi Thượng Cốc	1	2021-2023	4080/QĐ-UBND 11/11/2020	54.243	40.008	40.000											1	40.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
TH.1.1	Sóc Sơn	11			441.813	334.248	324.670											11	324.670	11		

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Đồng Xuân	1	2019-2020	3427/QĐ-UBND 29/10/2018	14.058	13.000	13.000											1	13.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang thôn Lai Sơn	1	2019-2022	6868/QĐ-UBND 25/10/2019; 1559/QĐ-UBND 28/01/2022	16.645	13.110	12.000											1	12.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Nam Sơn (giai đoạn 3)	1	2021-2022	3047/QĐ-UBND 10/9/2020	61.995	54.306	48.000											1	48.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Hồng Kỳ (giai đoạn 3)	1	2021-2022	4131/QĐ-UBND 11/11/2020	28.825	23.019	23.000											1	23.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Công – đoạn thuộc tuyến đê Đô Tân, xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn.	1	2022-2024	5341/QĐ-UBND 03/6/2022	29.199	22.178	22.100											1	22.100	1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Tỉnh lộ 131 (Qua KCN Nội Bài) giai đoạn 2	1	2022-2025	2634/QĐ-UBND 06/7/2021	120.203	94.573	94.570											1	94.570	1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 3 - Kim Sơn - Đường 35	1	2021-2024	3306/QĐ-UBND 25/9/2020	57.776	37.000	37.000											1	37.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
8	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Vĩnh Hà - Hồ Đồng Quan	1	2021-2023	5489/QĐ-UBND 01/12/2021	18.500	13.637	13.600											1	13.600	1	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn xã Nam Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn	1	2022-2024	5340/QĐ-UBND 03/6/2022	31.000	23.607	23.600											1	23.600	1	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn	1	2022-2024	5339/QĐ-UBND 03/6/2022	23.612	18.835	18.800											1	18.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	
11	Đường nối Tỉnh lộ 131 - Đồng Giá - Hiền Lương (nhánh đi Nam Cương)	1	2021-2023	2635/QĐ-UBND 06/7/2021	40.000	20.983	19.000											1	19.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
III.1.1					108.069	59.562	35.000											2	35.000	2		
III.1.1.1				Thạch Thất																		
1	Đường từ trường THCS xã Dị Nậu đi Hiệp Thuận, huyện Thạch Thất	1	2019-2020	4019/QĐ-UBND 31/10/2018; 2000/QĐ-UBND 23/05/2019	29.469	14.306	11.000											1	11.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Tuyến 28: Đường Canh Nậu - Hiệp Thuận	1	2018-2022	6643/QĐ-UBND 31/10/2017; 3920/QĐ-UBND 11/10/2021; 6723/QĐ-UBND 30/12/2021	78.600	45.256	24.000											1	24.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
III.1.1.2				Thanh Oai		179.000	130.404	93.500										2	93.500	2		
1	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Thanh Cao - Cao Viên	1	2019-2021	1363/QĐ-UBND 23/5/2019	71.000	50.675	14.000											1	14.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước - trục phát triển phía Nam - Thanh Thủy	1	2021-2024	2304/QĐ-UBND 30/10/2020; 13820/QĐ-UBND 29/12/2023; 4063/QĐ-UBND 15/07/2021	108.000	79.729	79.500											1	79.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
II.1.1	Thanh Trì																					
II.1.1	Thường Tín	7			258.644	196.957	196.874											7	196.874	7		
1	Đường liên xã Lê Lợi - Tô Hiệu, huyện Thường Tín	1	2020-2021	3519/QĐ-UBND 10/10/2018	13.419	11.500	11.500											1	11.500	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Đường trục xã Tiên Phong, (đoạn từ Cầu Xém đi Định Quán), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	2020-2021	4314/QĐ-UBND 22/10/2020	22.067	20.000	20.000											1	20.000	1	UBND huyện Thường Tín	
3	Đường từ Quốc lộ 1A đi về sông Nhuệ xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín	1	2021-2025	1456/QĐ-UBND 11/5/2021	27.549	22.621	22.600											1	22.600	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Đường trục chính xã Chương Dương từ dốc đê Hữu Hồng (xóm 1 xã Chương Dương) đến kênh Đông, huyện Thường Tín	1	2018-2022	1255/QĐ-UBND 16/04/2021	27.025	22.062	22.000											1	22.000	1	UBND huyện Thường Tín	
5	Xây dựng tuyến đường Danh Hương (đoạn từ 427 đến đường Dương Chính), huyện Thường Tín	1	2020-2022	4176/QĐ-UBND 28/10/2019	61.187	31.500	31.500											1	31.500	1	UBND huyện Thường Tín	
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tự Nhiên (đoạn từ ngã ba chợ đến đường liên xã Hồng Vân - Tự Nhiên - Chương Dương)	1	2021-2024	3946/QĐ-UBND 29/10/2021	58.631	48.800	48.800											1	48.800	1	UBND huyện Thường Tín	
7	Đường liên xã Tân Minh - Tiên Phong	1	2021-2024	4355/QĐ-UBND 15/11/2021; 291/QĐ QLDA ngày 14/9/2022	48.766	40.474	40.474											1	40.474	1	UBND huyện Thường Tín	
II.1.1	Ứng Hòa	9			511.792	416.987	416.630						-400			1	-400	9	416.230	9		
1	Hệ thống thoát nước thải làng nghề xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa	1	2022-2023	436/QĐ-UBND 25/5/2022	14.896	13.336	13.330											1	13.330	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển kinh tế phía Nam	1	2021-2023	359/QĐ-UBND 19/04/2021	180.000	124.843	124.800											1	124.800	1	UBND huyện Ứng Hòa	
3	Đường giao thông liên xã Hòa Phú đi Hòa Nam (từ làng Quan Xá đến gốc đê thôn Nội Xá nối đường Vạn Thái - Tảo Dương Văn)	1	2021-2024	655/QĐ-UBND 05/7/2021; 135-9/3/2023; 1031/QĐ-UBND 07/3/2024	50.000	45.968	45.900											1	45.900	1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn từ QL 21B đi Thọ vực, Xuân Quang xã Đội Bình	1	2021-2024	2017/QĐ-UBND 01/11/2021; 87/QĐ UBND 16/2/2023; 1033/QĐ-UBND 07/3/2024	65.000	60.150	60.100											1	60.100	1	UBND huyện Ứng Hòa	
5	Đường giao thông liên xã Đồng Tiến đi Trường Thịnh (từ đê tả Đáy thôn Giang Đường đi kênh Tân Phương)	1	2021-2024	2137/QĐ-UBND 19/11/2021; 802/QĐ UBND 08/9/2022; 1040/QĐ-UBND 07/3/2024	50.000	44.461	44.400											1	44.400	1	UBND huyện Ứng Hòa	
6	Cải tạo, nâng cấp trục đường giao thông từ QL21B qua UBND xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa đi Phú Túc - Phú Xuyên	1	2021-2023	2136/QĐ-UBND 19/11/2021	46.950	39.224	39.200											1	39.200	1	UBND huyện Ứng Hòa	
7	Đường trục nuôi trồng thủy sản thôn Ngọc Động, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa	1	2021-2024	2135/QĐ-UBND 19/11/2021; 715/QĐ UBND 22/8/2022; 1034/QĐ-UBND 07/3/2024	45.000	38.806	38.800											1	38.800	1	UBND huyện Ứng Hòa	
8	Đường trục nội đồng Bình Thịnh - Thu Hóa đi ra Tỉnh lộ 428, thôn Ngọc Động, xã Phương Tú	1	2021-2023	990/QĐ-UBND 14/10/2021; 366/QĐ-UBND 27/5/2022	45.000	37.827	37.800						-400			1	-400	1	37.400	1	UBND huyện Ứng Hòa	
9	Cải tạo nâng cấp đường trục liên xã Liên Bạt đi thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa	1	2021-2024	819/QĐ-UBND 24/08/2021; 1036/QĐ-UBND 07/3/2024	14.946	12.372	12.300											1	12.300	1	UBND huyện Ứng Hòa	
II.1.1 Sơn Tây		1			28.052	14.500	14.500											1	14.500	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tuyến đường từ TL 418 thôn Đại Quang qua cống Chương đi xã Cổ Đông và đường trục thôn Vạn An, xã Sơn Đông	1	2021-2023	1380/QĐ-UBND 11/11/2021	28.052	14.500	14.500											1	14.500	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
II.2 Dự án chưa hoàn thành		78			7.466.295	4.599.643	4.344.433	304.872	23	304.872			-27.312	4	10.230	3	-37.542	78	4.317.121	76		
II.2.1 Ba Vì		1			95.000	78.560	78.500											1	78.500	1		
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ TL413 đi Sông Tích nối đường liên xã Cẩm Lĩnh - Vật Lại - Phú Sơn	1	2022-2024	4989/QĐ-UBND 19/5/2022	95.000	78.560	78.500											1	78.500	1	UBND huyện Ba Vì	
II.2.2 Chương Mỹ		10			602.559	434.288	386.720	37.125	6	37.125			9.330	3	9.330			10	396.050	10		
1	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	1	2021-2025	6332/QĐ-UBND 17/10/2019; 7579/QĐ-UBND 13/10/2022; 8579/QĐ-UBND 19/12/2023; 7024/QĐ-UBND 29/11/2024	158.513	94.297	59.500	5.000	1	5.000								1	59.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	DA không giải ngân hết KH vốn năm 2021 là 6,621 tỷ đồng, đã hoàn trả NSTP. Bỏ trị lại 5 tỷ đồng năm 2025; KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt để máng 7(Đoạn Hoàng Diệu - Thượng Vực)	1	2021-2023	3722/QĐ-UBND 29/6/2021	47.708	33.000	33.000											1	33.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực	1	Hết năm 2024	1745/QĐ-UBND 25/3/2021; 6032/QĐ-UBND 29/10/2021; 8577/QĐ-UBND 19/12/2023	47.046	31.717	31.700											1	31.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Đồng Lạc và cứng hóa kênh	1	2021-2023	3907/QĐ-UBND 06/7/2021	40.875	33.565	33.500											1	33.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Đường từ tỉnh lộ 419 đi trạm bơm tiêu An Vọng, xã Hoàng Diệu	1	2022-2025	6035/QĐ-UBND 29/10/2021; 7022/QĐ-UBND 29/11/2024	57.598	38.883	38.880	4.500	1	4.500								1	38.880	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Đường từ tỉnh lộ 419 đi cầu Gồm xã Mỹ Lương	1	2022-2025	6007/QĐ-UBND 28/10/2021; 796/QĐ-BQL 05/7/2022; 6882/QĐ-UBND 22/11/2024	37.270	32.448	30.970	1.430	1	1.430			1.430	1	1.430			1	32.400	1	UBND huyện Chương Mỹ	
7	Đường từ Chợ Sẻ xã Hồng Phong đi xã Đồng Lạc, tỉnh lộ 429	1	2022-2025	6006/QĐ-UBND 28/10/2021; 639/QĐ-BQL 02/6/2022	124.847	111.866	104.500	12.500	1	12.500			6.500	1	6.500			1	111.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
8	Cải tạo đê bồi tá Tích trên địa bàn xã Đông Sơn	1	2022-2025	1069/QĐ-UBND 04/3/2022; 1146/QĐ-BQL 22/8/2024; 7030/QĐ-UBND 29/11/2024	18.595	13.720	11.270	3.695	1	3.695			1.400	1	1.400			1	12.670	1	UBND huyện Chương Mỹ	DA không giải ngân hết KH vốn kéo dài năm 2022 là 2,295 tỷ đồng, đã hoàn trả NSTP. Bổ trí lại 2,295 tỷ đồng năm 2025; KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
9	Cải tạo, nâng cấp, gia cố bờ kênh tiêu Ngòi Keo, thị trấn Xuân Mai	1	2022-2023	1067/QĐ-UBND 04/3/2022	18.400	16.392	15.000											1	15.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
10	Đường từ Quốc lộ 6 đến UBND xã Trung Hòa	1	2022-2025	1055/QĐ-UBND 03/3/2022; 7020/QĐ-UBND 29/11/2024	51.707	28.400	28.400	10.000	1	10.000								1	28.400	1	UBND huyện Chương Mỹ	DA không giải ngân hết KH vốn kéo dài năm 2022 là 4,899 tỷ đồng, đã hoàn trả NSTP. Bổ trí lại 01 tỷ đồng năm 2025; KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi
II.2.3	Dan Phượng	2			117.078	55.688	55.000											2	55.000	2		
1	Xây dựng tuyến đường giao thông tuyến N14 đi tỉnh lộ 417	1	2021-2024	4849/QĐ-UBND 09/11/2021	32.988	14.014	14.000											1	14.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
2	Xây dựng đường giao thông tuyến N14 (nối đường chân cầu phông với đường N6), huyện Đan Phượng	1	2021-2024	4852/QĐ-UBND 09/11/2021; 138/QĐ-UBND 05/01/2023	84.090	41.674	41.000											1	41.000	1	UBND huyện Đan Phượng	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
		5			298.238	161.428	174.000											5	174.000	5		
II.2.6	Hoài Đức																					
1	Đường giao thông liên xã Cát Quế-Dương Liễu	1	2018-2023	6181/QĐ-UBND 24/10/2018; 5105/QĐ-UBND 23/10/2019; 14124/QĐ-UBND 29/12/2022	51.976	25.926	41.000											1	41.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
2	Đường trục chính xã Kim Chung	1	2020-2025	6378/QĐ-UBND 30/10/2018; 3452/QĐ-UBND 13/8/2019; 11403/QĐ-UBND 31/12/2020; 14559/QĐ-UBND 30/12/2022	80.298	48.232	48.000											1	48.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
3	Đường bờ trái kênh Đan Hoài GD 2 (đoạn từ cầu vào trường THCS Dương Liễu đến đường Minh Khai - Đức Thượng)	1	2019-2025	8618/QĐ-UBND, 30/11/2020; 13194/QĐ-UBND 13/11/2023	90.740	37.053	37.000											1	37.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
4	Xây dựng hệ thống thoát nước thải kết hợp cải tạo trục đường giao thông tuyến từ đê Tả Đáy đi thôn 8, thôn 9, thôn Cát Ngòi đến đường ĐH04	1	2021-2025	8804/QĐ-UBND; 03/12/2020; 13196/QĐ-UBND 13/11/2023	38.148	26.787	26.000											1	26.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
5	Đường từ QL 32 khớp nối khu đô thị CIENCOS	1	2020-2024	5397/QĐ-UBND 30/10/2019; 13949/QĐ-UBND 14/12/2023	37.076	23.430	22.000											1	22.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
II.2.7	Mê Linh																					
II.2.8	Mỹ Đức	4			232.743	167.397	165.200	900	1	900			900	1	900			4	166.100	4		
1	Đường từ tỉnh lộ 424 đi Hợp Tiến, Hợp Thanh	1	2021-2023	1516/QĐ-UBND 19/8/2016; 2634/QĐ-UBND 02/11/2021; 4263/QĐ-UBND 11/11/2022	32.799	29.282	29.200											1	29.200	1	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Xây dựng đường từ UBND xã An Tiến đi đường trục phát triển huyện Mỹ Đức	1	2021-2024	2562/QĐ-UBND 26/10/2021; 3763/QĐ-UBND 17/10/2022; 4765/QĐ-UBND 29/12/2023	49.956	42.151	41.900											1	41.900	1	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Đường liên xã Tuy Lai đi Đồng Tâm (tránh Thượng Lâm)	1	2021-2025	2563/QĐ-UBND 26/10/2021; 4525/QĐ-UBND 21/11/2022; 4398/QĐ-UBND 13/12/2023; 6608/QĐ-UBND 19/11/2024	79.988	53.012	52.100	900	1	900			900	1	900			1	53.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
4	Đường giao thông từ xã Hợp Thanh đi đường Đỗ Xá-Quan Sơn	1	2021-2023	2561/QĐ-UBND 26/10/2021	70.000	42.952	42.000											1	42.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL+TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
II.2.9	Phú Xuyên	9			813.652	537.308	531.433	14.600	2	14.600								9	531.433	9		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Châu Can	1	2022-2024	5738/QĐ-UBND 05/11/2021; 3796/QĐ-UBND 31/8/2022; 1427/QĐ-UBND 22/10/2022	59.894	46.947	46.947											1	46.947	1	UBND huyện Phú Xuyên	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án xử lý rác thải Châu Can	1	2022-2024	5739/QĐ-UBND 05/11/2021; 3085/QĐ-UBND 11/7/2022; 1230/QĐ-UBND 20/9/2022; 1325/QĐ-BQLDA 05/10/2022	49.999	35.131	34.465											1	34.465	1	UBND huyện Phú Xuyên	
3	Đường từ Trụ sở Công an huyện đi đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	1	2020-2024	5493/QĐ-UBND 31/12/2019; 5578/QĐ-UBND 29/10/2021; 144/QĐ-UBND 15/01/2024	60.990	34.982	34.982											1	34.982	1	UBND huyện Phú Xuyên	
4	Cải tạo, nâng cấp đường Truyền Thống, huyện Phú Xuyên (Đoạn từ QL1A đến đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ)	1	2021-2024	1471/QĐ-UBND 28/4/2021	46.016	17.609	17.609											1	17.609	1	UBND huyện Phú Xuyên	
5	Đường trục kết nối giao thông từ ĐT428 - đường Truyền Thống đến đường Thao Chính Nam Triều	1	2022-2025	5709/QĐ-UBND 05/11/2021	130.163	89.509	89.500											1	89.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
6	Đường trục xã từ 428B (ông Đầu) đến điểm cuối đầu vào đường liên xã Quang Lăng-Minh Tân	1	2022-2024	5893/QĐ-UBND 13/11/2021; 1024/QĐ-UBND 11/8/2022	58.974	44.423	39.300											1	39.300	1	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Đường trục xã Phú Túc	1	2022-2024	5894/QĐ-UBND 13/11/2021; 1445/QĐ-UBND 16/3/2022	64.890	43.127	43.115											1	43.115	1	UBND huyện Phú Xuyên	
8	Đường trục phát triển kinh tế Văn Hoàng-Phượng Dực (nối từ TL429 đến đê sông Nhuệ)	1	2022-2025	5647/QĐ-UBND 02/11/2021; 2319/QĐ-UBND 17/5/2022	265.662	168.830	168.765	10.600	1	10.600								1	168.765	1	UBND huyện Phú Xuyên	
9	Đường giao thông liên xã Bạch Hạ - Minh Tân (giai đoạn 2)	1	2022-2025	5672/QĐ-UBND 03/11/2021; 3278/QĐ-UBND 25/7/2022	77.064	56.750	56.750	4.000	1	4.000								1	56.750	1	UBND huyện Phú Xuyên	
II.2.10	Phúc Thọ																					
II.2.11	Quốc Oai	6			818.012	510.987	391.300	131.478	3	131.478			-30.000			1	-30.000	6	361.300	4		

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMBT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Xây dựng tuyến đường trục trung tâm xã Tân Phú	1	2020-2025	4150/QĐ-UBND 30/10/2019; 7908/QĐ-UBND 30/12/2023; 7230/QĐ-UBND 21/11/2024	73.980	36.488	36.400	6.378	1	6.378								1	36.400	1	UBND huyện Quốc Oai	DA không giải ngân hết KH vốn kéo dài năm 2021 là 6,378 tỷ đồng. Bổ trí lại 6,378 tỷ đồng năm 2025, KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi
2	Xây dựng tuyến đường giao thông nối từ đường ĐH01 đi ĐH02, xã Nghĩa Hương và xã Liệp Tuyết	1	2021-2024	5295/QĐ-UBND 04/11/2021	122.224	73.931	73.900											1	73.900	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Xây dựng đường ĐH 08 kết nối tỉnh lộ 422 đi thôn Năm Trại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai	1	2021-2024	5316/QĐ-UBND 08/11/2021; 7581/QĐ-UBND 29/12/2023	69.485	39.923	39.900											1	39.900	1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Đường trục phát triển các xã vùng Bán sơn địa huyện Quốc Oai (tuyến ĐH 09 Phú Cát - Hoà Thạch - Đông Yên)	1	Hết năm 2025	5079/QĐ-UBND 29/10/2018; 3560/QĐ-UBND 12/9/2019; 7907/QĐ-UBND 30/12/2023	368.889	215.487	96.000	59.500	1	59.500								1	96.000		UBND huyện Quốc Oai	
5	Xây dựng, hoàn chỉnh tuyến trục phía Tây Nam kết nối với huyện Hoài Đức và khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc đoạn ĐH 02 đi ĐH 01 (Quốc Oai - Hòa Thạch)	1	2022-2025	2489/QĐ-UBND 05/4/2021; 4895/QĐ-UBND 20/10/2023	122.244	89.158	89.100	65.600	1	65.600								1	89.100	1	UBND huyện Quốc Oai	DA không giải ngân hết KH vốn kéo dài năm 2021, đã hoàn trả NSTP. Bổ trí lại 40,5 tỷ đồng năm 2025, KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi
6	Xây dựng đường giao thông xã Phương Cách (tuyến nối từ TL421B đi đường TL421A)	1	2021-2023	2493/QĐ-UBND 05/4/2021	61.190	56.000	56.000						-30.000			1	-30.000	1	26.000		UBND huyện Quốc Oai	Vướng mắc giải phóng mặt bằng, chuyển tiếp thực hiện trong GD 2026-2030
II.2.1																						
7	Sóc Sơn	7			806.980	472.513	472.000											7	472.000	7		
1	Cải tạo, xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Hồng Kỳ - Đồ Tân	1	2022-2025	2637/QĐ-UBND 06/7/2021	166.443	89.208	89.200											1	89.200	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trục chính xã Nam Sơn	1	2021-2024	4759/QĐ-UBND 03/11/2021	71.993	47.103	47.100											1	47.100	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trục chính xã Bắc Sơn	1	2021-2024	4760/QĐ-UBND 03/11/2021	73.998	49.400	49.400											1	49.400	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trục chính xã Hồng Kỳ	1	2021-2024	4758/QĐ-UBND 03/11/2021	69.998	46.352	46.300											1	46.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Phú Hạ - Thanh Sơn	1	2021-2024	4147/QĐ-UBND 13/11/2020; 2089/QĐ-UBND 11/6/2021	70.000	44.230	44.200											1	44.200	1	UBND huyện Sóc Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GB 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
6	Cải tạo, nâng cấp trục đường Tân Hưng - Bắc Phú - Việt Long đến đê Lương Phúc	1	2021-2024	2636/QĐ-UBND 06/7/2021	160.000	92.364	92.300											1	92.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Xây dựng tuyến đường kết nối cầu vượt sông Cầu (cầu Xuân Cẩm) đến nút giao Bắc Phú của tuyến đường Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	1	2022-2025	5324/QĐ-UBND 02/6/2022; 724/QĐ-UBND 09/9/2022; 852/QĐ-UBND 01/10/2022	194.548	103.856	103.500											1	103.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
II.2.1 3	Thạch Thất	5			553.588	287.295	261.460	29.100	1	29.100								5	261.460	5		
1	Cầu Cẩn Kiệm	1	2018-2024	3995/QĐ-UBND 30/10/2018; 7746/QĐ-UBND 22/11/2023	66.916	36.474	12.000											1	12.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Đường H14 - Đoạn Cẩn Kiệm đi Hạ Bằng (CNC Hoà Lạc)	1	2021-2024	5660/QĐ-UBND 12/11/2020; 8241/QĐ-UBND 06/12/2023	89.334	52.484	52.360											1	52.360	1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Cải tạo nâng cấp đường dân sinh từ khu đầu giá trung tâm đi trường mầm non xã Hương Ngải	1	2021-2024	2733/QĐ-UBND 16/7/2021; 7572/QĐ-UBND 21/10/2022; 8442/QĐ-UBND 11/12/2023	25.483	15.001	13.900											1	13.900	1	UBND huyện Thạch Thất	
4	Đường giao thông nông thôn xã Đồng Trúc (đoạn đổi Phe đi ao Địa Hoi và đoạn ngã tư Trúc Động đi Đại lộ Thăng Long)	1	2021-2024	3304/QĐ-UBND 25/8/2021; 7740/QĐ-UBND 22/11/2023	31.187	9.775	9.700											1	9.700	1	UBND huyện Thạch Thất	
5	Xây dựng đường từ đường E Khu công nghệ cao Hòa Lạc đi Đại Lộ Thăng Long	1	2022-2025	4517/QĐ-UBND 04/11/2021; 6860/QĐ-UBND 16/9/2022	340.668	173.561	173.500	29.100	1	29.100								1	173.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
II.2.1 A	Thanh Oai	8			722.515	437.437	430.300	46.631	3	46.631								8	430.300	8		
1	Đường giao thông liên xã Kim An-Đỗ Động (đoạn từ Kim An đi QL 21B)	1	2019-2025	2213/QĐ-UBND 29/10/2019; 8021/QĐ-UBND 15/11/2024	95.000	65.708	60.000	19.888	1	19.888								1	60.000	1	UBND huyện Thanh Oai	ĐA không giải ngân hết vốn kéo dài năm 2021. Đã hoàn trả NSTP 19.888 triệu đồng. Bổ trí lại KHV năm 2025 là 19.888 triệu đồng. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
2	Đường Bích Hòa - Bình Minh đi đường tỉnh lộ 427, huyện Thanh Oai	1	2021-2024	4424/QĐ-UBND 24/8/2021; QĐ 11128/QĐ-UBND 23/10/2023	106.367	60.031	60.000											1	60.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
3	Nâng cấp, mở rộng đường Kim Thư - Đỗ Động - Thanh Văn	1	2021-2025	3133/QĐ-UBND 18/6/2021; 8048/QĐ-UBND 19/11/2024	145.000	95.949	95.000	16.438	1	16.438								1	95.000	1	UBND huyện Thanh Oai	DA không giải ngân hết vốn kéo dài năm 2021, 2022. Đã hoàn trả NSTP 16.438 triệu đồng. Bỏ tri lại KHV năm 2025 là 16.438 triệu đồng. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
4	Đường QL21B từ ngã ba Thạch Bích đi Chương Mỹ (Giai đoạn II)	1	2021-2025	3134/QĐ-UBND 18/6/2021; 11223/QĐ-UBND 26/10/2023; 6940/QĐ-UBND 01/10/2024	48.000	28.656	28.600	10.305	1	10.305								1	28.600	1	UBND huyện Thanh Oai	DA không giải ngân hết vốn kéo dài năm 2021, 2022. Đã hoàn trả NSTP 10.305 triệu đồng. Bỏ tri lại KHV năm 2025 là 10.305 triệu đồng. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
5	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước - Liên Châu đi huyện Thường Tín	1	2020-2024	2305/QĐ-UBND 30/10/2020; 5877/QĐ-UBND 13/10/2022	101.000	71.170	71.100											1	71.100	1	UBND huyện Thanh Oai	
6	Đường kết nối từ TL427 (tại vị trí cuối đường Địa Muối) đến đường trục phát triển phía nam	1	2021-2024	6097/QĐ-UBND 25/10/2021	78.721	37.041	36.800											1	36.800	1	UBND huyện Thanh Oai	
7	Đường liên xã Bình Minh- Mỹ Hưng (đoạn từ đường trục phát triển đến đình Minh Kha)	1	2022-2024	6096/QĐ-UBND 25/10/2021; 11127/QĐ-UBND 23/10/2023	35.827	20.966	20.900											1	20.900	1	UBND huyện Thanh Oai	
8	Đường Xuân Dương - Cao Dương - Hồng Dương - Liên Châu (Giai đoạn II)	1	2021-2024	6098/QĐ-UBND 25/10/2021; 11217/QĐ-UBND 26/10/2023	112.600	57.916	57.900											1	57.900	1	UBND huyện Thanh Oai	
	Thanh Trì																					
	Thường Tín	7			356.131	182.218	181.000											7	181.000	7		
1	Đường liên xã Thắng Lợi - Tô Hiệu (từ cụm công nghiệp đi đường 429), huyện Thường Tín	1	2021-2025	2220/QĐ-UBND 02/7/2021	79.421	47.132	47.000											1	47.000	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Đường Lê Tông Quang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	2021-2022	4818/QĐ-UBND 30/11/2020	41.329	7.749	7.500											1	7.500	1	UBND huyện Thường Tín	
3	Đường liên xã Nguyễn Trãi - Tân Minh, huyện Thường Tín	1	2018-2023	3530/QĐ-UBND 11/10/2018; 2557/QĐ-UBND 09/7/2021	79.069	44.514	44.500											1	44.500	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nguyễn Trãi - Dông Tiến (đoạn từ chùa Đậu đến chợ Ba Láng), huyện Thường Tín	1	2019-2023	4176/QĐ-UBND 28/10/2019; 5878/QĐ-UBND 30/12/2021	75.829	31.300	31.300											1	31.300	1	UBND huyện Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GB 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
5	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL1A đến kênh Tây trên địa bàn xã Thăng Lợi	1	2021-2023	3221/QĐ-UBND 26/8/2021	13.975	7.848	7.500											1	7.500	1	UBND huyện Thường Tín	
6	Đường trục xã Hòa Bình (đoạn từ đường liên xã Hòa Bình - Nhị Khê đi TL 427)	1	2021-2023	3863/QĐ-UBND 21/10/2021; 4541/QĐ-UBND 25/11/2021	35.000	27.742	27.700											1	27.700	1	UBND huyện Thường Tín	
7	Đường trục xã Văn Bình (đoạn từ đường vành đai 4 đến trung tâm văn hóa xã)	1	2022-2024	3864/QĐ-UBND 21/10/2021; 3911/QĐ-UBND 29/10/2021; 773/QĐ-UBND 20/10/2020	31.508	15.933	15.500											1	15.500	1	UBND huyện Thường Tín	
II.2.1 7	Ứng Hòa	13			1.937.003	1.189.474	1.132.520	30.038	6	30.038			-7.542			2	-7.542	13	1.124.978	13		
1	Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi Tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa	1	2021-2025	935/QĐ-UBND 10/11/2020; 6229/QĐ-UBND 19/10/2023; 7844/QĐ-UBND 15/11/2024	140.000	88.182	88.100											1	88.100	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Đường trục từ kinh tế phía Nam thành phố Hà Nội đi QL 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa	1	2020-2023	930/QĐ-UBND 06/11/2020	108.388	63.514	63.500											1	63.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
3	Nâng cấp, mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía Nam, huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân quang) giai đoạn I	1	2020-2025	2526/QĐ-UBND 25/10/2019; 2686-22/5/2023; 6230/QĐ-UBND 19/10/2023; 7822/QĐ-UBND 15/11/2024	357.724	198.017	144.540											1	144.540	1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình huyện Ứng Hoà	1	2021-2024	930/QĐ-UBND 6/10/2021; 6277/QĐ-UBND 24/10/2023	195.197	90.958	90.900											1	90.900	1	UBND huyện Ứng Hòa	
5	Đường giao thông kết hợp cứng hoá kênh mương trạm bơm Đại Cường đi trục kinh tế phía nam huyện Ứng Hoà	1	2021-2023	818/QĐ-UBND 24/08/2021	130.000	83.309	83.000											1	83.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
6	Đường nối từ Tỉnh lộ 429A đến tỉnh lộ 429B, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2021-2024	1050/QĐ-UBND 25/10/2021; 1231/QĐ-UBND 31/10/2022	222.012	89.327	89.300											1	89.300	1	UBND huyện Ứng Hòa	
7	Đường I2-I4B liên xã Minh Đức-Trăm Lộng (Điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức-Ngâm)	1	2021-2024	2040/QĐ-UBND 04/11/2021; 997/QĐ-UBND 17/10/2022	90.000	63.500	63.500											1	63.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
8	Nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ-Xuân Quang đi Đông Lỗ (Giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa	1	2021-2025	933/QĐ-UBND 09/11/2020; 374/QĐ-UBND 23/4/2021; 8003/QĐ-UBND 22/11/2024	130.000	106.564	103.700	1.854	1	1.854			-1.346			1	-1.346	1	102.354	1	UBND huyện Ứng Hòa	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Trường Thịnh đi Hoa Sơn	1	2021-2025	1095/QĐ-UBND 29/10/2021; 428/QĐ-UBND 10/6/2022; 7999/QĐ-UBND 22/11/2024	28.845	24.351	24.300	1.300	1	1.300								1	24.300	1	UBND huyện Ứng Hòa	
10	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hoà	1	2021-2025	827/QĐ-UBND 24/08/2021; 167-21/3/2023; 7807/QĐ-UBND 15/11/2024	267.380	188.107	188.100	18.300	1	18.300								1	188.100	1	UBND huyện Ứng Hòa	
11	Nâng cấp mở rộng đường giao thông liên xã Hoà Lâm - Trung Tú (từ đường Cần Thơ - Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	1	2021-2025	828/QĐ-UBND 24/08/2021; 923/QĐ-UBND 04/10/2021; 7846/QĐ-UBND 15/11/2024	199.600	132.939	132.900	6.904	1	6.904			-6.196			1	-6.196	1	126.704	1	UBND huyện Ứng Hòa	
12	Đường giao thông xã Quảng Phú Cầu đi xã Liên Bạt kết hợp kênh tưới tiêu	1	2021-2025	988/QĐ-UBND 14/10/2021; 131/QĐ-UBND 08/3/2022; 8002/QĐ-UBND 22/11/2024	44.900	40.119	40.100	1.600	1	1.600								1	40.100	1	UBND huyện Ứng Hòa	
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Liên Bạt đi Trường Thịnh	1	2021-2025	1096/QĐ-UBND 29/10/2021; 1035/QĐ-UBND 07/3/2024; 7998/QĐ-UBND 22/11/2024	22.957	20.587	20.580	80	1	80								1	20.580	1	UBND huyện Ứng Hòa	
A.2.1	Sơn Tây	1			112.796	85.050	85.000	15.000	1	15.000								1	85.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp và phát huy giá trị đầm Đuống (khu vực thôn Lễ Khê - Kỳ Sơn) xã Xuân Sơn	1	2022-2025	521/QĐ-UBND 06/6/2022	112.796	85.050	85.000	15.000	1	15.000								1	85.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
A.2	Nhà Văn hoá thôn	77			446.794	244.413	202.000	32.500			13	32.500	-32.500			13	-32.500	64	169.500	57		
	TỔNG SỐ	77			446.794	244.413	202.000	32.500			13	32.500	-32.500			13	-32.500	64	169.500	57		
	Ba Vì	21			83.477	61.164	52.500	2.500			1	2.500						21	52.500	20		
	Chương Mỹ	17			116.571	42.500	42.500	2.500			1	2.500	-30.000			12	-30.000	5	12.500	5		
	Mê Linh	11			70.867	34.102	27.500	2.500			1	2.500						11	27.500	11		
	Phúc Thọ	4			28.701	20.022	10.000	5.000			2	5.000						4	10.000	2		
	Quốc Oai	3			24.643	16.825	7.500						-2.500			1	-2.500	2	5.000	2		
	Sóc Sơn	3			39.754	15.000	15.000	5.000			2	5.000						3	15.000	3		
	Thạch Thất	7			39.334	23.224	20.000	12.500			5	12.500						7	20.000	3		
	Thanh Oai	7			29.358	21.576	17.500	2.500			1	2.500						7	17.500	7		
	Thường Tín	4			14.089	10.000	9.500											4	9.500	4		
1	Dự án đã quyết toán hoàn thành	12			47.477	34.389	30.000											12	30.000	12		

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thế tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
*	Ba Vì	11			43.477	31.889	27.500											11	27.500	11		
1	Thôn Cửa Đình, TT Tây Đằng	1	2021-2023	2438/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Thôn Tân Phong 2, xã Phong Vân	1	2021-2023	2766/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000	3.242	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Thôn Sơn Hà, xã Khánh Thượng	1	2021-2023	2771/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000	3.414	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Thôn Kiều Mộc, xã Cổ Đô	1	2021-2023	2770/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000	3.282	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô	1	2021-2023	2768/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Thôn Viên Châu, xã Cổ Đô	1	2021-2023	2767/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Thôn Quy Mông, xã Phú Sơn	1	2021-2023	2471/QĐ-UBND 12/5/2021; 8208/QĐ-UBND 17/1/2021	3.477	2.922	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
8	Thôn Ấng Đông, xã Thụy An	1	2021-2023	2472/QĐ-UBND 12/5/2021; 8207/QĐ-UBND 17/1/2021	4.000	3.413	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
9	Thôn Duyên Lâm, xã Thụy An	1	2021-2023	2474/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
10	Thôn Đông Cao, xã Thụy An	1	2021-2023	2476/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000	3.116	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
11	Thôn Lặt, xã Minh Quang	1	2021-2023	2477/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
*	Thanh Oai	1			4.000	2.500	2.500											1	2.500	1		
1	Nhà Văn hóa thôn Úc Lý, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai	1	2022-2023	4323/QĐ-UBND 13/7/2022	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
II	Dự án đã bố trí đủ vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ	39			233.423	141.866	107.000											39	107.000	39		
II.1	Dự án đã hoàn thành, cơ bản hoàn thành	33			186.387	104.274	92.000											33	92.000	33		
*	Ba Vì	9			36.000	26.775	22.500											9	22.500	9		
1	Thôn Đài Hoa, TT Tây Đằng	1	2021-2023	2439/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Thôn Phú Xuyên 1, xã Phú Châu	1	2021-2023	2441/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Thôn Phú Xuyên 2, xã Phú Châu	1	2021-2023	2442/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000	3.369	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Thôn Tổng Lệnh 2, xã Tổng Bạt	1	2021-2023	2443/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000	3.249	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
5	Thôn Phú Phong, xã Cẩm Linh	1	2021-2023	2470/QĐ-UBND 12/5/2021 8025/QĐ-UBND 12/11/2021	4.000	3.363	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Thôn Tân An, xã Cẩm Linh	1	2021-2023	2449/QĐ-UBND 11/5/2021 7862/QĐ-UBND 08/11/2021	4.000	3.494	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Thôn Đông Kỳ, xã Thụy An	1	2021-2023	2473/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
8	Thôn Yên Khoái, xã Thụy An	1	2021-2023	2475/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000	3.300	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
9	Thôn Pheo, xã Minh Quang	1	2021-2023	2478/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
*	Chương Mỹ	4			26.677	10.000	10.000											4	10.000	4		
1	Thôn Non Nông, xã Ngọc Hòa	1	2021-2022	6087/QĐ-UBND 01/11/2021	5.953	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Thôn Trung Tiến, xã Trần Phú	1	2021-2022	6119/QĐ-UBND 02/11/2021	7.305	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Thôn Tiến Ân, xã Thủy xuân Tiên	1	2021-2022	6086/QĐ-UBND 01/11/2021	6.494	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Nhà văn hóa thôn Xuân Linh, xã Thủy Xuân Tiên	1	2021-2022	6085/QĐ-UBND 01/11/2021	6.925	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
*	Mê Linh	9			57.214	22.500	22.500											9	22.500	9		
1	Thôn Thọ Lão, xã Tiến Thịnh	1	2021-2023	3607/QĐ-UBND 06/11/2020	6.967	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
2	Thôn Trung Hà, xã Tiến Thịnh	1	2021-2023	3606/QĐ-UBND 06/11/2020	6.446	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
3	Thôn Đại Bái, xã Đại Thịnh	1	2021-2023	3216/QĐ-UBND 23/7/2021	6.940	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
4	Thôn Văn Quán 2, xã Văn Khê	1	2021-2023	3885/QĐ-UBND 20/9/2021	6.704	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
5	Thôn Khê Ngoại 3, xã Văn Khê	1	2021-2023	3884/QĐ-UBND 20/9/2021	5.752	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
6	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 5, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	1	2021-2023	5211/QĐ-UBND 26/11/2021	7.040	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
7	Thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh	1	2021-2023	3886/QĐ-UBND 20/9/2021	5.758	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
8	Thôn 2 Hạ Lôi, xã Mê Linh	1	2021-2023	3888/QĐ-UBND 20/9/2021	4.621	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thức đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
9	Thôn 4 Hạ Lôi, xã Mê Linh	1	2021-2023	3889/QĐ-UBND 20/9/2021	6.986	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
*	Quốc Oai	1			7.765	6.775	2.500											1	2.500	1		
1	Xây mới Nhà văn hóa thôn Muồn, xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai	1	2022-2024	6659/QĐ-UBND 27/9/2022; 35/QĐ-UBND 17/02/2023	7.765	6.775	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
*	Sóc Sơn	1			20.250	10.000	10.000											1	10.000	1		
1	Xây mới 04 nhà văn hóa thôn Ninh Kiều, Môn Tự, Điện Quy xã Tân Dân, thôn Đường 3 xã Phù Lỗ	1	2021-2022	2632/QĐ-UBND 06/7/2021	20.250	10.000	10.000											1	10.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
*	Thạch Thất	2			12.834	10.724	7.500											2	7.500	2		
1	Xây dựng Nhà văn hóa xã Thạch Xá (Thôn 5,9) (Thôn Tây Phương, xã Thạch Xá)	1	2.021	6128/QĐ-UBND 15/8/2022; 208/QĐ-UBND 08/2/2023	7.395	5.724	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Thôn Thanh Cầu, xã Lại Thượng và nhà văn hóa thôn xã Hương Ngải	1	2021-2022	1865/QĐ-UBND 08/6/2021	5.439	5.000	5.000											1	5.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
*	Thanh Oai	3			11.558	7.500	7.500											3	7.500	3		
1	Thôn Tân Tiến, xã Phương Trung	1	2.022	800/QĐ-UBND 04/3/2022	4.475	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Thôn Tân Dân 1, xã Phương Trung	1	2.022	7091/QĐ-UBND 23/11/2021	3.083	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Nhà văn hóa thôn Ngọc Đình, xã Hồng Dương	1	2.023	5632/QĐ-UBND 05/10/2022	4.000	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
*	Thường Tín	4			14.089	10.000	9.500											4	9.500	4		
1	Thôn Thượng Cung, xã Tiền Phong	1	2021-2023	211/QĐ-UBND 20/5/2021	4.070	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Thôn Định Quán, xã Tiền Phong	1	2021-2023	212/QĐ-UBND 20/5/2021	4.851	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thường Tín	
3	Thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà	1	2020-2022	218/QĐ-UBND 09/12/2020	2.344	2.500	2.000											1	2.000	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Thôn Lộc Dư, xã Nguyễn Trãi	1	2021-2022	66/QĐ-UBND 27/2/2021	2.824	2.500	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thường Tín	
II.2	Dự án chưa hoàn thành	6			47.036	37.592	15.000											6	15.000	6		
*	Mê Linh	1			7.820	6.644	2.500											1	2.500	1		
1	Thôn Khê Ngoại 2, xã Văn Khê	1	2024-2026	2224/QĐ-UBND 04/6/2024	7.820	6.644	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
*	Phúc Thọ	2			20.701	15.022	5.000											2	5.000	2		

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Triệu Xuyên 2, xã Long Xuyên (Tên cũ là Thôn Triệu Xuyên 2, Long Xuyên)	1	2024-2025	969/QĐ-UBND 23/02/2024	14.220	9.756	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Phúc Xuyên (tên cũ là: Thôn 11, Vông Xuyên)	1	2022-2024	3975/QĐ-UBND 01/12/2021; 3962/QĐ-UBND 23/9/2022	6.481	5.266	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Phúc Thọ	
*	<i>Quốc Oai</i>	1			9.015	7.550	2.500											1	2.500	1		
1	Xây mới nhà văn hoá thôn Cấn Hạ, xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai	1	2021-2022	1594/QĐ-UBND 28/3/2024	9.015	7.550	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
*	<i>Thanh Oai</i>	2			9.500	8.376	5.000											2	5.000	2		
1	Nhà văn hoá thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương	1	2024-2025	1524/QĐ-UBND 06/02/2024	4.000	3.949	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
1	Thôn Song Khê, xã Tam Hưng	1	2023-2024	2277/QĐ-UBND 18/3/2024	5.500	4.427	2.500											1	2.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
IV	Dự án chưa triển khai thực hiện	26			165.894	68.158	65.000	32.500			13	32.500	-32.500			13	-32.500	13	32.500	6		
*	<i>Ba Vì</i>	1			4.000	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500			
1	Thôn Hưng Đạo, TT Tây Đằng	1	2022-2024		4.000	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500		UBND huyện Ba Vì	
*	<i>Chương Mỹ</i>	13			89.894	32.500	32.500	2.500			1	2.500	-30.000			12	-30.000	1	2.500	1		
1	Khu Tân Mai, Thị trấn Xuân Mai	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2020	9.764	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Xóm Tiên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn	1	2021-2022	13/NQ-HĐND 15/9/2020	4.993	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
3	Thôn An Sơn, xã Đông Sơn	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	6.111	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
4	Thôn Thượng, xã Hồng Phong	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	4.648	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
5	Thôn Mới, xã Hồng Phong	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	4.700	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
6	Thôn Hồng Thái, xã Trần Phú	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	8.407	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
7	Thôn Tân Hội, xã Hồng Phú	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	5.794	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
8	Thôn Liên Hợp, xã Quảng Bị	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	6.367	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
9	Thôn 5, xã Quảng Bị	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	6.918	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
10	Thôn Lũng Vĩ, xã Đông Phương Yên	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	8.183	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
11	Thôn Yên Kiện, xã Đông Phương Yên	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	8.939	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
12	Thôn Tiến Trượng, xã Thủy Xuân Tiên	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	8.780	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
13	Xóm 4, xã Thủy Xuân Tiên	1	2021-2022	06/NQ-HĐND 18/5/2021	6.290	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Chương Mỹ	
*	Mê Linh	1			5.833	4.958	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500	1		
1	Thôn Khê Ngoại 1, xã Văn Khê	1	2022-2024	37/NQ-HĐND 08/10/2021	5.833	4.958	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500	1	UBND huyện Mê Linh	
*	Phúc Thọ	2			8.000	5.000	5.000	5.000			2	5.000						2	5.000			
1	Thôn Triệu Xuyên 3, Long Xuyên	1	2024-2026		4.000	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500		UBND huyện Phúc Thọ	
1	Thôn 7, Sen Phương	1	2024-2026		4.000	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500		UBND huyện Phúc Thọ	
*	Quốc Oai	1			7.863	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500					
1	Thôn Sài Khê, xã Sài Sơn	1	2021-2022		7.863	2.500	2.500						-2.500			1	-2.500				UBND huyện Quốc Oai	
*	Sóc Sơn	2			19.504	5.000	5.000	5.000			2	5.000						2	5.000	2		
1	Thôn Tây Đoài - Xã Phù Lỗ	1	2024-2025	01/NQ-HĐND 09/4/2024	13.904	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	KDC Ba hàng - xã Xuân Giang	1	2024-2025	71/NQ-HĐND 05/10/2023	5.600	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
*	Thạch Thất	5			26.500	12.500	12.500	12.500			5	12.500						5	12.500	1		
1	Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá	1	2024-2025	06/NQ-HĐND 10/4/2024	7.000	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Thôn Ba Mát, xã Hữu Bằng	1			5.000	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500		UBND huyện Thạch Thất	
3	Thôn Sen, xã Hữu Bằng	1			5.000	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500		UBND huyện Thạch Thất	
4	Thôn Giếng, xã Hữu Bằng	1			5.000	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500		UBND huyện Thạch Thất	

STT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch NSTP hỗ trợ 2021-2025 (NQ số 28 ngày 04/7/2024)	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025					KHV NSTP hỗ trợ GD 2021-2025					KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh		CTH T 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL + TB		Tổng số	Số DA	Phân bổ đầu năm	Số DA	Dự kiến bổ sung trong năm	Tổng số	Số DA	Tăng	Số DA	Giảm	Số DA	KHV			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
5	Thôn 1, xã Thạch Hoà	1			4.500	2.500	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500		UBND huyện Thạch Thất	
*	Thanh Oai	1			4.300	3.200	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500	1		
1	Thôn Quếch, xã Bình Minh	1	2.025		4.300	3.200	2.500	2.500			1	2.500						1	2.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
B	Xây dựng công viên trung tâm huyện Hoài Đức, xã Đức Giang	1	2024-2027	4737/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	371.602	161.564	100.000	100.000	1	100.000								1	100.000		UBND huyện Hoài Đức	
C	Hỗ trợ DA vùng ảnh hưởng các dự án trọng điểm	2			317.268	238.466		200.000	2	200.000			200.000	2	200.000			2	200.000	2		
1	Xây dựng trường THCS Kim Hoa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	2023-2025	1479/QĐ-UBND 17/4/2024; 5279/QĐ-UBND 28/11/2024	146.745	116.152		95.000	1	95.000			95.000	1	95.000			1	95.000	1	UBND huyện Mê Linh	Ngân sách huyện Mê Linh có trách nhiệm bố trí vốn phần còn lại để hoàn thành dự án.
2	Xây dựng trường Tiểu học Kim Hoa A, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	2024-2026	2012/QĐ-UBND 21/5/2024; 5280/QĐ-UBND 28/11/2024	170.523	122.314		105.000	1	105.000			105.000	1	105.000			1	105.000	1	UBND huyện Mê Linh	



Phụ lục 11

**CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021-2025 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
HỖ TRỢ XÂY DỰNG BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ**

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năm KC- HT	Thủ tục đầu tư		KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (cập nhật đến NQ số 40/NQ- HĐND ngày 04/10/2024)		KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		Cập nhật, điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025						KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau cập nhật, điều chỉnh		CTHT 2021- 2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Số ĐA	KHV đã phân bổ		Số ĐA	KHV vốn	Phân bổ dự nguồn		Điều chỉnh KHV				Số ĐA	KHV			
										Số ĐA	KHV	Số dự án			KHV điều chỉnh					
												Bổ sung	Loại bỏ	Điều chỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG			1.214.462	118	806.093	557.533	57	239.375				6	-6	18	48.015	118	854.108	114	
	* Theo địa bàn:																			
	Ba Vì			115.780	14	63.852	53.652	12	37.600	3	18.600	1		6	8.800	15	91.252	15		
	Chương Mỹ			118.425	14	81.763	59.763	6	22.000							14	81.763	14		
	Đan Phượng			82.383	5	30.000	21.000	6	39.000	2	20.000	1			10.000	6	60.000	3		
	Hoài Đức			45.567	4	19.971	11.500	4	12.730					3	4.259	4	24.230	4		
	Mê Linh			54.065	3	19.000	18.997					1		1	6.497	4	25.497	4		
	Mỹ Đức			81.434	10	63.041	54.490	3	7.500					2	-1.051	10	61.990	10		
	Phù Xuyên			166.699	14	165.896	124.693	7	41.203							14	165.896	14		
	Phúc Thọ			122.175	11	83.248	67.738	9	45.542	1	7.000			5	23.032	11	113.280	11		
	Sóc Sơn			92.431	11	39.500	29.700	5	14.600	1	4.800					11	44.300	11		
	Thạch Thất			125.251	10	65.000	58.500	1	6.500							10	65.000	9		
	Ứng Hòa			192.161	14	65.000	54.500	3	10.500	4	26.000	1			6.500	15	97.500	15		
	Sơn Tây			28.091	2	10.000	3.000	1	2.200			2		1	13.400	4	23.400	4		
	Dự nguồn các dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư				6	99.822				-11	-76.400		-6		-23.422					
	* Theo chi tiết dự án																			
I	Dự án mới giai đoạn 2016-2020																			
II	Dự án mới giai đoạn 2021-2025			1.214.462	112	706.271	557.533	57	239.375	11	76.400	6		18	71.437	118	854.108	114	-	
a	Dự án đã được phê duyệt dự án			1.115.983	107	701.471	557.533	57	239.375	7	50.400	2		17	45.037	109	796.908	105	-	
1	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Khánh Thượng	2023-2025	5262/QĐ-UBND, 07/9/2023 7482/QĐ-UBND 27/11/2023	7.000	1	6.152	6.152									1	6.152	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
2	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Thuận Mỹ	2023-2025	5263/QĐ-UBND, 07/9/2023; 7483/QĐ-UBND 27/11/2023	5.000	1	4.300	4.300									1	4.300	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
3	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Phú Cường	2023-2025	5264/QĐ-UBND, 07/9/2023; 7484/QĐ-UBND 27/11/2023	5.000	1	4.300	4.300									1	4.300	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
4	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Sơn Đà	2024-2026	619/QĐ-UBND 26/2/2024	7.500	1	5.800	5.000	1	1.500					1	700	1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
5	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Phú Đồng	2024-2026	617/QĐ-UBND 26/2/2024	8.180	1	5.800	5.800	1	400					1	400	1	6.200	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
6	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Phú Sơn	2024-2026	616/QĐ-UBND 26/2/2024	8.500	1	5.800	5.800	1	100					1	100	1	5.900	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
7	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Minh Châu	2024-2026	618/QĐ-UBND 26/2/2024	9.500	1	6.300	6.300	1	200					1	200	1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án

TT	Danh mục dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư		KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (cập nhật đến NQ số 40/NQ-HĐND ngày 04/10/2024)		KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		Cập nhật, điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025						KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau cập nhật, điều chỉnh		CTHT 2021-2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						Phân bổ dự nguồn		Điều chỉnh KHV								
										Số DA	KH vốn	Số DA	KHV	Số dự án						
					Bổ sung	Loại bỏ	Điều chỉnh													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
8	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Linh	2024-2026	620/QĐ-UBND 26/2/2024	8.000	1	6.500	5.000	1	1.500							1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
9	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Cẩm Linh	2024-2026	2823/QĐ-UBND 10/6/2024	8.720	1	6.500	4.000	1	2.500							1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
10	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Minh Quang	2024-2026	2897/QĐ-UBND 13/6/2024	7.000	1	6.100	3.500	1	2.600							1	6.100	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
11	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Tổng Bạt	2023-2025	2822/QĐ-UBND 10/6/2024	7.500	1	6.300	3.500	1	2.800							1	6.300	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
12	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Phú Châu	2024-2026	4401/QĐ-UBND 21/8/2024	8.500	1			1	6.500	1	5.800			1	700	1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
13	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự thị trấn Tây Đằng	2024-2026	4541/QĐ-UBND 30/8/2024	14.150	1			1	6.500	1	6.500					1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
14	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Vật Lại	2024-2026	4521/QĐ-UBND 29/8/2024	10.000	1			1	6.500	1	6.300			1	200	1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
15	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đồng Thái	2024-2026	4519/QĐ-UBND 29/8/2024	11.230				1	6.500				1		6.500	1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	- Thay thế Trụ sở Ban CHQS xã Cổ Đô - NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
16	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Nam Phương Tiến	2023-2024	5061/QĐ-UBND, 12/8/2023; 6877/QĐ-UBND, 30/10/2023	5.024	1	3.000	3.000									1	3.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
17	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Hợp Đồng	2023-2024	5073/QĐ-UBND, 18/8/2023; 6874/QĐ-UBND, 30/10/2023	6.754	1	4.700	4.700									1	4.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
18	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đồng Sơn	2023-2024	5241/QĐ-UBND, 18/8/2023; 6875/QĐ-UBND, 30/10/2023	7.996	1	5.996	5.996									1	5.996	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
19	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Bình	2023-2024	5060/QĐ-UBND, 12/8/2023; 6876/QĐ-UBND, 30/10/2023	8.458	1	6.458	6.458									1	6.458	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
20	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Hoàng Văn Thụ	2023-2024	6682/QĐ-UBND, 24/10/2023	5.849	1	5.091	5.091									1	5.091	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
21	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đại Yên	2024-2025	6008/QĐ-UBND, 23/10/2023 7027/QĐ-UBND 30/11/2024	5.959	1	5.194	3.194	1	2.000							1	5.194	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
22	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Tân Tiến	2024-2025	6684/QĐ-UBND 24/10/2023	7.148	1	5.824	5.824									1	5.824	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
23	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Trần Phú	2024-2025	6072/QĐ-UBND, 23/10/2023 748/QĐ-UBND 31/12/2024	8.954	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
24	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Thượng Vực	2024-2025	746/QĐ-UBND 21/02/2024	10.962	1	6.500	3.500	1	3.000							1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án
25	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Tốt Động	2024-2025	750/QĐ-UBND 21/02/2024	10.411	1	6.500	3.000	1	3.500							1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bổ tri phần còn lại để hoàn thành dự án

TT	Danh mục dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư		KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (cập nhật đến NQ số 40/NQ-HĐND ngày 04/10/2024)		KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		Cập nhật, điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025						KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau cập nhật, điều chỉnh		CTHT 2021-2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						Phân bổ dự nguồn		Điều chỉnh KHV								
										Số DA	KHV	Số dự án			KHV điều chỉnh					
												Bổ sung	Loại bỏ	Điều chỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
26	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đồng Lạc	2024-2025	747/QĐ-UBND 21/02/2024	10.254	1	6.500	3.000	1	3.500							1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
27	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Hữu Vần	2024-2025	749/QĐ-UBND 21/2/2024	9.138	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
28	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Hòa	2024-2025	751/QĐ-UBND 21/02/2024	10.404	1	6.500	3.000	1	3.500							1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
29	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự thị trấn Chúc Sơn	2024-2025	6617/QĐ-UBND 14/11/2024	11.114	1	6.500		1	6.500							1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
30	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Đan Phượng	2023-2025	1192/QĐ-UBND 26/02/2024 2588/QĐ-UBND 14/5/2024	14.951	1	10.000	7.000	1	3.000							1	10.000	1	UBND huyện Đan Phượng	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
31	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Tân Hội	2024-2026	1191/QĐ-UBND 26/02/2024 2719/QĐ-UBND 15/5/2024	14.427	1	10.000	7.000	1	3.000							1	10.000	1	UBND huyện Đan Phượng	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
32	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Thọ An	2024-2026	1193/QĐ-UBND 26/02/2024 2580/QĐ-UBND 14/5/2024	14.820	1	10.000	7.000	1	3.000							1	10.000	1	UBND huyện Đan Phượng	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
33	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Phương Đình	2024-2026	7596/QĐ-UBND 21/11/2024	14.694	1			1	10.000	1	10.000					1	10.000		UBND huyện Đan Phượng	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
34	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hồng Hà	2024-2026	7601/QĐ-UBND 21/11/2024	13.233	1			1	10.000	1	10.000					1	10.000		UBND huyện Đan Phượng	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
35	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Liên Hồng	2025-2027	7448/QĐ-UBND 19/11/2024 7625/QĐ-UBND 22/11/2024	10.258				1	10.000			1			10.000	1	10.000		UBND huyện Đan Phượng	Thay thế Trụ sở Ban CHQS xã Thọ Xuân NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
36	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Đức Giang	2024-2026	2293/QĐ-UBND 5/6/2024	13.162	1	5.000	3.000	1	3.500					1	1.500	1	6.500	1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
37	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Kim Chung	2024-2026	2289/QĐ-UBND 4/6/2024	12.527	1	5.000	3.000	1	3.500					1	1.500	1	6.500	1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
38	Xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Sơn Đồng	2024-2026	2354/QĐ-UBND 10/6/2024	11.354	1	6.500	3.000	1	3.500							1	6.500	1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
39	Trụ sở làm việc Ban quản sự xã Tiền Yên, huyện Hoài Đức	2023-2025	170/QĐ-UBND 20/01/2016 04/NQ-HĐND 29/3/2024 3758/QĐ-UBND 12/8/2024	8.524	1	3.471	2.500	1	2.230					1	1.259	1	4.730	1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
40	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	2024-2025	807/QĐ-UBND 01/03/2024; 4062/QĐ UBND 23/9/2024	11.434	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Mê Linh	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
41	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Văn Khê, huyện Mê Linh	2024-2025	808/QĐ-UBND 01/03/2024 4057/QĐ-UBND 23/9/2024	11.394	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Mê Linh	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án
42	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh	2024-2025	799/QĐ-UBND 29/2/2024 4058/QĐ-UBND 23/9/2024	6.909	1	6.000	5.997							1	-3	1	5.997	1	UBND huyện Mê Linh	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án

TT	Danh mục dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư		KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (cập nhật đến NQ số 40/NQ-HĐND ngày 04/10/2024)		KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		Cập nhật, điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025						KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau cập nhật, điều chỉnh		CTHT 2021-2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Số DA	KHV đã phân bổ		Số DA	KH vốn	Phân bổ dự nguồn		Điều chỉnh KHV				Số DA	KHV			
										Số DA	KHV	Số dự án			KHV điều chỉnh					
												Bổ sung	Loại bỏ	Điều chỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
43	Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS xã Hùng Tiến	2023-2025	2475/QĐ-UBND 22/8/2023	6.400	1	5.508	5.508									1	5.508	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
44	Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS xã Bội Xuyên	2023-2025	2728/QĐ-UBND 08/09/2023	6.200	1	5.533	5.331							1	-202	1	5.331	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
45	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Lê Thanh	2023-2025	3199/QĐ-UBND 05/10/2023	9.206	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
46	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự thị trấn Đại Nghĩa	2023-2025	4061/QĐ-UBND 28/11/2023	9.500	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
47	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hồng Sơn	2023-2025	4060/QĐ-UBND 28/11/2023	9.200	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
48	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Phú Lưu Tế	2023-2025	3555/QĐ-UBND 31/10/2023	6.700	1	6.500	5.651							1	-849	1	5.651	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
49	Xây dựng trụ sở Ban CHQS xã Xuy Xá	2023-2025	5171/QĐ-UBND 29/12/2023	8.208	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
50	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Hương Sơn	2023 - 2025	954/QĐ-UBND 21/2/2024	8.110	1	6.500	4.000	1	2.500							1	6.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
51	Xây dựng Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Phùng Xá	2023 - 2025	956/QĐ-UBND 21/2/2024	8.760	1	6.500	4.000	1	2.500							1	6.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
52	Xây dựng Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Hợp Tiến	2023 - 2025	955/QĐ-UBND 21/2/2024; 5109/QĐ-UBND 19/9/2024	9.150	1	6.500	4.000	1	2.500							1	6.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
53	Ban Chỉ huy quân sự xã Bạch Hạ	2023-2025	910/QĐ-UBND, 28/3/2023; 5606/QĐ-UBND 30/10/2023	9.360	1	9.360	9.360									1	9.360	1	UBND huyện Phú Xuyên	
54	Ban chỉ huy quân sự xã Châu Can	2023-2025	913a/QĐ-UBND, 28/3/2023; 5604/QĐ-UBND 30/10/2023	12.964	1	12.964	12.964									1	12.964	1	UBND huyện Phú Xuyên	
55	Ban Chỉ huy quân sự xã Đại Thắng	2023-2025	911/QĐ-UBND, 28/3/2023; 5605/QĐ-UBND 30/10/2023	12.524	1	12.524	12.524									1	12.524	1	UBND huyện Phú Xuyên	
56	Ban Chỉ huy quân sự xã Đại Xuyên	2023-2025	908/QĐ-UBND 28/3/2023; 5602/QĐ-UBND 30/10/2023	14.030	1	14.000	14.000									1	14.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
57	Ban Chỉ huy quân sự xã Hồng Thái	2023-2025	912a/QĐ-UBND, 28/3/2023; 5603/QĐ-UBND 30/10/2023	9.871	1	9.871	9.871									1	9.871	1	UBND huyện Phú Xuyên	
58	Ban Chỉ huy quân sự xã Minh Tân	2023-2025	909/QĐ-UBND 28/3/2023; 5601/QĐ-UBND 30/10/2023	12.038	1	12.038	12.038									1	12.038	1	UBND huyện Phú Xuyên	
59	Ban Chỉ huy quân sự xã Tân Dân	2023-2025	912/QĐ-UBND 28/3/2023; 6083/QĐ-UBND 16/11/2023	11.936	1	11.936	11.936									1	11.936	1	UBND huyện Phú Xuyên	
60	Trụ sở làm việc của ban CHQS xã Nam Triều	2024-2026	771/QĐ-UBND 28/2/2024	13.954	1	13.954	7.000	1	6.954							1	13.954	1	UBND huyện Phú Xuyên	
61	Ban chỉ huy quân sự xã Hồng Minh	2024-2026	769/QĐ-UBND 28/2/2024	10.937	1	10.937	6.000	1	4.937							1	10.937	1	UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Danh mục dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư		KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (cập nhật đến NQ số 40/NQ-HĐND ngày 04/10/2024)		KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		Cập nhật, điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025						KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau cập nhật, điều chỉnh		CTHT 2021-2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						Phân bổ dự nguồn		Điều chỉnh KHV									
												Số dự án			KHV điều chỉnh						
					Số DA	KHV đã phân bổ		Số DA	KH vốn	Số DA	KHV	Bổ sung	Loại bỏ	Điều chỉnh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
62	Ban chỉ huy quân sự xã Khai Thái	2024-2026	765/QĐ-UBND 28/2/2024	12.598	1	12.598	6.000	1	6.598							1	12.598	1	UBND huyện Phú Xuyên		
63	Ban chỉ huy quân sự xã Hoàng Long	2024-2026	770/QĐ-UBND 28/2/2024	9.199	1	9.086	5.000	1	4.086							1	9.086	1	UBND huyện Phú Xuyên	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
64	Trụ sở làm việc của ban CHQS thị trấn Phú Xuyên	2024-2026	768/QĐ-UBND 28/2/2024	14.460	1	14.000	7.000	1	7.000							1	14.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
65	Trụ sở làm việc của ban CHQS thị trấn Phú Minh	2024-2026	767/QĐ-UBND 28/2/2024	8.628	1	8.628	5.000	1	3.628							1	8.628	1	UBND huyện Phú Xuyên		
66	Ban chỉ huy quân sự xã Tri Thủy	2024-2026	766/QĐ-UBND 28/2/2024	14.200	1	14.000	6.000	1	8.000							1	14.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
67	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Văn Nam	2023-2025	03/NQ-HĐND, 05/4/2022 3983/QĐ-UBND, 15/9/2023; 6064/QĐ-UBND, 11/12/2023	4.738	1	4.738	4.738									1	4.738	1	UBND huyện Phúc Thọ		
68	Xây dựng trụ sở Ban CHQS xã Văn Phúc	2024-2025	899/QĐ-UBND 20/2/2024	7.131	1	7.000	7.000									1	7.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
69	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Trạch Mỹ Lộc	2024-2026	928/QĐ-UBND 21/2/2024	11.911	1	7.000	7.000	1	3.767					1	3.767	1	10.767	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
70	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hiệp Thuận	2024-2025	905/QĐ-UBND 20/02/2024	10.887	1	7.000	7.000	1	2.847					1	2.847	1	9.847	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
71	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Đình	2024-2025	906/QĐ-UBND 20/02/2024	14.800	1	7.000	7.000	1	6.457					1	6.457	1	13.457	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
72	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Tảo	2024-2025	907/QĐ-UBND 20/02/2024	11.507	1	7.000	7.000	1	3.961					1	3.961	1	10.961	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
73	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Tam Thuận	2024-2025	1744/QĐ-UBND 15/4/2024 2904/QĐ-UBND 12/6/2024	10.552	1	9.110	7.000	1	2.110							1	9.110	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần KHV còn lại để hoàn thành dự án	
74	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Vồng Xuyên	2024-2026	927/QĐ-UBND 21/02/2024	13.600	1	12.316	7.000	1	5.316							1	12.316	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
75	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Đa	2024-2025	908/QĐ-UBND 20/02/2024	13.512	1	12.328	7.000	1	5.328							1	12.328	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
76	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Liên Hiệp	2024-2025	898/QĐ-UBND 20/02/2024	10.537	1	9.756	7.000	1	2.756							1	9.756	1	UBND huyện Phúc Thọ	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	
77	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hát Môn	2024-2026	5487/QĐ-UBND 13/11/2024	13.000	1			1	13.000	1	7.000				1	6.000	1	13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
78	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Bắc Sơn	2022-2024	8234/QĐ-UBND 21/10/2022; 2511/QĐ-UBND 27/4/2023; 8690/QĐ-UBND 5/12/2023	14.835	1	1.700	1.700									1	1.700	1	UBND huyện Sóc Sơn	NS huyện bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án	

TT	Danh mục dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư		KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (cập nhật đến NQ số 40/NQ-HĐND ngày 04/10/2024)		KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		Cập nhật, điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025						KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau cập nhật, điều chỉnh		CTHT 2021-2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Số DA	KH vốn		Phân bổ dự nguồn		Điều chỉnh KHV										
								Số DA	KHV	Số dự án			KHV điều chỉnh							
										Bổ sung	Loại bỏ	Điều chỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
79	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã và cải tạo, sửa chữa nhà hội trường UBND xã Tân Hưng	2023-2024	6075/QĐ-UBND 22/9/2023; 8690/QĐ-UBND 5/12/2023	7.408	1	5.000	5.000									1	5.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
80	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã và cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Đức Hòa	2023-2024	6076/QĐ-UBND 22/9/2023 8690/QĐ-UBND 5/12/2023	7.910	1	5.000	5.000									1	5.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
81	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã và cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Quang Tiến	2023-2025	6073/QĐ-UBND 21/9/2023 8690/QĐ-UBND 5/12/2023	5.576	1	3.000	3.000									1	3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
82	Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND-UBND xã Phú Cường	2023-2024	6077/QĐ-UBND 22/9/2023 8690/QĐ-UBND 5/12/2023	9.775	1	2.000	2.000									1	2.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
83	Xây dựng nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Phú Linh	2024-2025	4627/QĐ-UBND 19/6/2024	5.727	1	4.500	2.000	1	2.500							1	4.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
84	Xây dựng nhà làm việc BCHI quân sự xã Nam Sơn	2024-2025	6293/QĐ-UBND 8/8/2024	8.505	1	6.500	3.500	1	3.000							1	6.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
85	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Mai Đình	2024-2025	6342/QĐ-UBND 12/8/2024	7.910	1	3.000	3.000									1	3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
86	Xây dựng nhà làm việc Ban CHQS xã và cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Hồng Kỳ	2024-2025	4623/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	6.494	1	3.500	2.000	1	1.500							1	3.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
87	Xây dựng nhà làm việc BCHI quân sự xã Hiền Ninh	2024-2025	6294/QĐ-UBND 8/8/2024	6.476	1	5.300	2.500	1	2.800							1	5.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
88	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự và cải tạo trụ sở HĐND -UBND xã Tân Dân	2024-2026	8488/QĐ-UBND 27/11/2024	11.815	1			1	4.800	1	4.800					1	4.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
89	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Yên Trung	2024-2025	7326/QĐ-UBND. 31/10/2023	9.200	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án

TT	Danh mục dự án	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư		KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (cập nhật đến NQ số 40/NQ- HĐND ngày 04/10/2024)		KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		Cập nhật, điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025						KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau cập nhật, điều chỉnh		CTHT 2021- 2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						Phân bổ dự nguồn		Điều chỉnh KHV								
												Số dự án			KHV điều chỉnh					
										Số ĐA	KHV đã phân bổ	Số ĐA	KHV	Bổ sung		Loại bỏ	Điều chỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
90	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Phùng Xá	2024-2025	7329/QĐ-UBND, 31/10/2023	14.000	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
91	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Đồng Trúc	2024-2025	7333/QĐ-UBND, 31/10/2023	14.000	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
92	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Đại Đồng	2024-2025	7328/QĐ-UBND, 31/10/2023	13.500	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
93	Xây dựng mới Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hương Ngải	2024-2025	7334/QĐ-UBND, 31/10/2023	13.600	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
94	Xây dựng mới Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Cấn Kiệm	2024-2025	7332/QĐ-UBND, 31/10/2023	12.900	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
95	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Kim Quan	2024-2025	7325/QĐ-UBND, 31/10/2023	10.500	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
96	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hạ Bằng	2024-2025	7327/QĐ-UBND, 31/10/2023	9.500	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
97	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Bình Yên	2024-2025	7335/QĐ-UBND, 31/10/2023	14.600	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
98	Xây dựng mới Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Phú Kim	2024-2025	7331/QĐ-UBND, 31/10/2023	13.451	1	6.500		1	6.500							1	6.500		UBND huyện Thạch Thất	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
99	Trụ sở Ban CHQS xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	7911/QĐ-UBND 07/12/2023	12.839	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
100	Trụ sở Ban CHQS xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	7913/QĐ-UBND 7/12/2023	12.726	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
101	Trụ sở Ban CHQS xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	7910/QĐ-UBND 7/12/2023	12.900	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
102	Trụ sở Ban CHQS xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	7909/QĐ-UBND 7/12/2023	12.152	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
103	Trụ sở Ban CHQS xã Phú Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	7912/QĐ-UBND 7/12/2023	10.400	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
104	Trụ sở Ban CHQS xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	7914/QĐ-UBND 7/12/2023	11.556	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
105	Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	7915/QĐ-UBND 7/12/2023	12.068	1	6.500	6.500									1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
106	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Lâm	2023-2025	16/NQ-HĐND 21/8/2023 6552/QĐ-UBND 02/11/2023	11.270	1	6.500	3.000	1	3.500							1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
107	Trụ sở Ban CHQS xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	19/NQ-HĐND 30/10/2023 6352/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	11.300	1	6.500	3.000	1	3.500							1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
108	Trụ sở Ban CHQS xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	19/NQ-HĐND 30/10/2023 6481/QĐ-UBND 23/8/2024	12.390	1	6.500	3.000	1	3.500							1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
109	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Sơn Đông	2024-2026	233/QĐ-UBND 05/3/2024	6.500	1	5.200	3.000	1	2.200							1	5.200	1	UBND thị xã Sơn Tây	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án

TT	Danh mục dự án	Năm KC- HT	Thủ tục đầu tư		KH 2021-2025 NSTP hỗ trợ (cập nhật đến NQ số 40/NQ- HĐND ngày 04/10/2024)		KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		Cập nhật, điều chỉnh KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025						KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau cập nhật, điều chỉnh		CTHT 2021- 2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư						Phân bổ dự nguồn		Điều chỉnh KHV									
										Số ĐA	KHV	Số dự án			KHV điều chỉnh						
												Bổ sung	Loại bổ	Điều chỉnh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
b	Dự án chưa được phê duyệt dự án			118.479	5	4.800					4	26.000	4		1	26.400	9	57.200	9		
1	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Đại Thịnh	2024-2025	13/NQ-HĐND 11/7/2024	24.328									1			6.500	1	6.500	1	UBND huyện Mê Linh	Thay thế trụ sở Ban CHQS xã Quang Minh NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
2	Trụ sở Ban CHIQS xã Sơn Công	2023-2025	19/NQ-HĐND 30/10/2023	13.400	1						1	6.500					1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
3	Trụ sở Ban CHIQS xã Phương Tú	2024-2026	02/NQ-HĐND 10/4/2024	14.300	1						1	6.500					1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Đồng Tân	2024-2026	02/NQ-HĐND 10/4/2024	14.900	1						1	6.500					1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
5	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự thị trấn Văn Đình	2024-2026	02/NQ-HĐND 10/4/2024	14.980	1						1	6.500					1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
6	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	2024-2026	02/NQ-HĐND 10/4/2024	14.980									1			6.500	1	6.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	Thay thế dự án Trụ sở Ban CHQS xã Đội Bình. NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
7	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Viên Sơn	2024-2026	05/NQ-HĐND 09/4/2024	6.894	1	4.800									1	400	1	5.200	1	UBND thị xã Sơn Tây	NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
8	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Sơn	2024-2026	22/NQ-HĐND 15/10/2021; 05/NQ-HĐND 09/4/2024	7.601									1			6.500	1	6.500	1	UBND thị xã Sơn Tây	Thay thế Trụ sở Ban CHQS xã Cổ Đông NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
9	Xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự phường Phú Thịnh	2023-2025	08/NQ-HĐND 21/7/2022	7.096									1			6.500	1	6.500	1	UBND thị xã Sơn Tây	Thay thế Trụ sở Ban CHQS phường Trung Sơn Trầm. NS huyện bổ trí phần còn lại để hoàn thành dự án
III	Dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư (Dự nguồn)				6	99.822					-11	-76.400		-6		-23.422				-	
1	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Thọ Xuân													-1						UBND huyện Đan Phượng	Thay thế bằng trụ sở Ban CHQS xã Liên Hồng
2	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Cổ Đồ													-1						UBND huyện Ba Vì	Thay thế bằng trụ sở Ban CHQS xã Đồng Thái
3	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự TT Quang Minh													-1						UBND huyện Mê Linh	Thay thế bằng Ban CHQS xã Đại Thịnh
4	Trụ sở Ban chỉ huy quận sự xã Đội Bình													-1						UBND huyện Ứng Hòa	Thay thế bằng Trụ sở UBND xã Quảng Phú Cầu
5	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Cổ Đông													-1						UBND thị xã Sơn Tây	Thay thế bằng Ban CHQS xã Xuân Sơn
6	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trung Sơn Trầm													-1						UBND thị xã Sơn Tây	Thay thế bằng Ban CHQS phường Phú Thịnh